

# Cẩm nang 9.0 IELTS

February 15

# 2017

---

Author: Vũ Hải Đăng 9.0 IELTS Writing



# ABOUT ME

Vũ Hải Đăng và  
Ngoại trưởng Anh  
Boris Johnson  
(Cựu thị trưởng thủ  
đô London) trong  
một hội thảo về  
giáo dục tại Vương  
quốc Anh



Hè 2016, 5 học viên của thầy Vũ Hải Đăng đã giành được những học bổng danh giá sau:

1. Trần Minh Xuân, Học bổng toàn phần Erasmus Mundus (Pháp – Séc – Tây Ban Nha)
2. Vương Văn Đại, 3 Học bổng Thạc sĩ toàn phần Ý và Hàn Quốc
3. Nguyễn Chí Dũng, Học bổng Irish Aid
4. Nguyễn Hoàng Bảo Uyên, Học bổng Minerva Schools, Hoa Kỳ (đã được giới thiệu trên VnExpress)
5. Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc, Học bổng Đại học APU Nhật Bản

Là một trong 10 người Việt Nam được Bộ Ngoại giao Vương quốc Anh trao học bổng danh giá Chevening để theo học khóa học Thạc sĩ tại Vương quốc Anh niên khóa 2008/09

Một trong ít người Việt Nam đạt điểm 9 kỹ năng Việt, điểm tuyệt đối kỳ thi IELTS

Giải NHẤT cuộc thi Viết New Zealand Chân trời mới 2014

Điểm tuyệt đối [điểm 10] trong kỳ thi viết Essay của Đại học Hà Nội năm 2004

Điểm tuyệt đối [điểm 10] trong kỳ thi Nói của Đại học Hà Nội ngay từ năm đầu đại học

Giám khảo cuộc thi Nước Anh trong mắt tôi do Hội đồng Anh tổ chức trong hai năm 2012/13

Giải Tư cuộc thi sáng tạo Slogan Du lịch Việt Nam do Tổng cục Du lịch tổ chức năm 2002

Kinh nghiệm 10 năm dạy kèm IELTS miễn phí [bắt đầu từ khi học Cấp 3]

Bằng giỏi Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Khách mời của Bộ Ngoại giao Ấn Độ 2008, Bộ Du lịch Malaysia 2007

Giám khảo cuộc thi ảnh Nghề trong thế kỷ 21 do báo điện tử VNExpress tổ chức 2014

Giải thưởng Ban Giám đốc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương 2010 [Bộ Ngoại giao Vương quốc Anh]

Admin trang Facebook Tôi được 9 điểm Viết IELTS

## Contents

### Cẩm nang 9.0 IELTS

Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách .....	10
Bắt đầu từ đâu?.....	11
Phương pháp học Ngữ pháp: Have FUN with GRAMMAR .....	12
Interview: Phỏng vấn ‘siêu nhân’ 9.0 IELTS Overall .....	14
Lộ trình học Nghe cho người mất gốc .....	18
Epic Reads .....	23
IELTS Speaking Script: 60 answers.....	53

### Lộ trình Tự học 9.0 IELTS Writing

Học tiếng Anh, đọc sách và tập thể dục   Ba việc quan trọng nhất tuổi trẻ cần làm .....	63
Quan trọng: tâm lý ôn thi   Hope for the best, prepare for the worst and expect nothing! .....	64
Tin vui cho tất cả mọi người .....	65
<b>Hướng dẫn sử dụng Facebook để max điểm IELTS.....</b>	<b>66</b>
Hướng dẫn ôn Ngữ pháp .....	67
Điều quan trọng nhất khi Viết.....	68
<b>Phương pháp học từ vựng hiệu quả nhất.....</b>	<b>69</b>
Hướng dẫn sử dụng từ điển Anh Anh: Thế là là từ vựng “vứt đi”? .....	69
Hướng dẫn học từ vựng bằng âm thanh: The music of English.....	70
Lựa chọn từ vựng để học: 3 tiêu chí vàng .....	72
Học bao nhiêu từ vựng mỗi ngày .....	73
“Đập” bao nhiêu từ vựng mỗi ngày.....	73
Câu đầu tiên của bạn – quy tắc Anh em sinh đôi.....	73
Bắt chước “i hịt” .....	74
Phương pháp Hệ thống từ vựng bằng 4 cuốn bí kíp thần kỳ .....	76
Cuốn 1: Phát âm (Pronunciation) .....	76
Cuốn 2: Đánh vần (Spelling) .....	76
Cuốn 3: Cụm diễn đạt “tủ” .....	77
Cuốn 4: my “dear” mistakes.....	77
Cuốn 5 & 6: Reading & Listening.....	78
Lộ trình học Writing ZERO to HERO.....	79
Minh chưa từng ôn luyện IELTS Writing .....	79
Cách “trị” Task 1 .....	79
Tốc độ là VUA.....	80
Đừng “rặn” – Hướng dẫn tìm ý nhanh khi Viết và Nói.....	80
Không bao giờ bắt mình phải nghĩ hay viết bằng tiếng Anh .....	81

Viết NGẮN.....	82
“Săn lùng – Tích lũy – Bắt chước” chứ tuyệt nhiên không dịch.....	82
1 <sup>st</sup> draft: Viết nhanh.....	82
Final draft: Đọc lại, đọc lại nữa, đọc lại mãi .....	83
Tôi đã được 9 điểm IELTS Writing như thế nào (bài giới thiệu trên VnExpress).....	84
Bí quyết học tiếng Anh thời loạn IELTS .....	87

## **Chinh phục 8.5 IELTS Reading**

“Cái đầu nhẹ” .....	91
Code it!.....	92
HIẾU và THỰC SỰ HIẾU.....	93
Ba kỹ thuật THẦN KỲ .....	94
KỸ THUẬT 1: Phẫu thuật SVO .....	94
KỸ THUẬT 2: Phẫu thuật GRAMMAR .....	94
KỸ THUẬT 3: “they, it, the” .....	95
Bộ tài liệu thần thánh nào để master kỹ năng Đọc?.....	96
Tốc độ đọc: Too Fast, Too Furious.....	97
Timing: tại sao nhất định phải đọc TRƯỚC lúc ngủ?.....	97
Tổng hợp từ vựng hay từ việc đọc sách .....	98

## **Grammar Bible**

Parts of Speech [Vị trí và vai trò ngữ pháp của từ] .....	102
Sentence Structure Chart [Cấu trúc câu] .....	103
Nouns.....	104
Proper / Common Nouns.....	104
Count / Non-Count (Mass) Nouns.....	104
Abstract/Concrete/Collective Nouns .....	104
Articles – A  An   The .....	105
Table of Articles [a/an/the/nothing] .....	105
Other   Another   Each   Every <b>IMPORTANT</b> .....	109
Other (adjective) / Others (pronoun).....	109
The other / The others (the rest) .....	109
Verb Tenses Chart [Thời của động từ] .....	110
Action Verbs / Linking Verbs / Main Verbs / Helping Verbs [Các loại động từ] <b>IMPORTANT</b> .....	115
Double Object Verbs [give me money   give money to me] .....	118
Transitive and Intransitive Verbs [nội động từ & ngoại động từ] <b>IMPORTANT IMPORTANT</b> .....	121
Modal Verbs [can/could/may/might – động từ hình thái] .....	123

Gerunds and Infinitives [V-ing and to do] .....	126
Stative/State Verbs [have/taste/look] <b>IMPORTANT</b> .....	131
Causatives Examples [have sth done   get sb to do sth] .....	133
Passive Voice Sentences [Câu bị động] <b>IMPORTANT</b> .....	134
BY vs WITH Difference .....	134
Non Progressive Verbs List .....	136
Used to / Would / Get Used to .....	138
Adjectives [Tính từ] .....	140
The Order of Adjectives [Thứ tự Tính từ] .....	141
Present and Past Participles as Adjectives [bored vs boring] <b>IMPORTANT</b> .....	142
Degrees of Adjectives [dạng thức so sánh của tính từ] .....	143
Absolute Adjectives [Tính từ không dùng ở dạng so sánh: dead, perfect] .....	144
Intensifiers [strongly support sth   very well   extremely addictive] .....	145
Adverbs [Trạng từ] .....	146
Degrees of Adverbs [dạng thức so sánh của trạng từ] .....	148
Adjectives vs Adverbs .....	150
Prepositions [Giới từ] .....	152
Personal Pronouns [Đại từ nhân xưng] .....	158
Reflexive Pronouns [himself/herself] .....	160
This That These Those <b>IMPORTANT</b> .....	161
Conjunctions / Transitions [Tùy nối] .....	162
Cohesive Devices [Tùy nối] <b>IMPORTANT</b> <b>IMPORTANT</b> .....	163
Although/Though/Despite/In Spite Of .....	168
Adjective / Relative Clauses [Mệnh đề tính ngữ/ mệnh đề quan hệ] <b>IMPORTANT</b> .....	169
Words ending with Ever [whatever, whoever, etc] .....	172
It's Time Somebody Did Something <b>IMPORTANT</b> .....	174
Cleft Sentences [It was sb who did sth   what sb did was....] <b>IMPORTANT</b> .....	175
Participle Clauses [Entering the room, he caught us sleeping] .....	177
Adverbials [mệnh đề trạng ngữ] <b>IMPORTANT</b> .....	179
Reducing Adverbial Clauses [Rút gọn mệnh đề trạng ngữ: Walking down the beach, I saw a dolphin stranded.] <b>IMPORTANT</b> .....	181
Adjunct [mệnh đề trạng ngữ] <b>IMPORTANT</b> <b>IMPORTANT</b> .....	184
Prepositional Phrase [Cụm giới từ: I haven't seen you for ages.] <b>IMPORTANT</b> .....	185
Inversions [Đảo ngữ] <b>IMPORTANT</b> .....	187
Quantifiers / Determiners [some/any/much/many] .....	189
A FEW / A LITTLE <b>IMPORTANT</b> .....	1
More on Quantifiers [every/each/neither/either] .....	2
IF Clauses / IF Conditionals [Câu điều kiện "if"] .....	3

Wish Clauses .....	4
Unless <b>IMPORTANT</b> .....	5
In Case.....	5
Imperatives [Câu mệnh lệnh].....	7
Reported Speech / Indirect Speech [Câu trực tiếp/gián tiếp] .....	9
Reported Speech Examples .....	13
Question Tags Explanations [Câu hỏi đuôi] .....	14
One One One Rule [saddest, sadness] <b>IMPORTANT</b> .....	18
The Y Rule .....	20
Since vs For [Since và For trong diễn đạt thời gian] <b>IMPORTANT</b> .....	21
While vs During .....	23
For vs During [For và During để diễn đạt thời gian] .....	24
When / While / As .....	25
By vs Until / Till.....	27
Would You Mind .....	29
Would Like To Meaning .....	30
So / Neither (Nor) / Either / Too .....	31
ALL vs WHOLE .....	35
Most vs Most of... vs Almost <b>IMPORTANT</b> <b>IMPORTANT</b> .....	36
So...That / Such...That <b>IMPORTANT</b> .....	37
Too or Enough <b>IMPORTANT</b> .....	39
Some and Any Compound Forms.....	41
No and Every Compound Forms .....	42
Between vs Among.....	43
Ever & Never & Just & Already & Yet .....	44
American vs British English .....	46
Would Rather vs Would Prefer .....	47
Would Rather & Had Better .....	49
Have or Have Got.....	50
Will vs Shall .....	52
Clause / Phrase / Sentence .....	53
English Collocations <b>IMPORTANT</b> .....	54
Nominalization <b>IMPORTANT</b> .....	55
Such As vs Like.....	57
Common English Mistakes <b>IMPORTANT</b> .....	59
Pre-Determiners [three times   half   three fourths   such   rather] .....	60
Using Context Clues.....	62
Pronunciation .....	63

# Cẩm nang 9.0

IELTS

Tác giả cố ý  
không cung cấp  
list từ vựng và  
không dịch sang  
tiếng Việt nội  
dung tiếng Anh!

Hãy đọc, chăm chỉ tra từ điển  
Cambridge  
(<http://dictionary.cambridge.org/>)  
để hiểu thực sự.

Sau khi đã cố hết cách mà vẫn không  
hiểu, hãy đặt câu hỏi cho tác giả. Tác giả  
luôn vui sướng được trả lời bạn.

**KHÔNG ĐỌC +  
KHÔNG TRA TỪ  
ĐIỂN ANH ANH  
= MÃI MÃI NGU  
TIẾNG ANH**

# Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách

Chào các bạn, mình là Vũ Hải Đăng 9.0 IELTS Writing. Minh thực hiện Cẩm nang 9.0 IELTS này với mong muốn tạo ra một ấn phẩm chất lượng phục vụ cộng đồng IELTS. Cẩm nang 9.0 IELTS có thể coi là phiên bản 2.0 của series *Lộ trình tự học* mình đã phát hành trong năm 2016.

Số đầu tiên của năm 2017 sẽ mang lại cho các bạn nguồn tài liệu học tập tuyệt vời để phục vụ cho mùa cao điểm IELTS sắp đến.

- 60 câu trả lời mẫu Speaking sẽ là nguồn tài liệu ôn tập kỹ năng Nói rất bổ ích. Đây là những câu hỏi cập nhật nhất theo bộ đề thi Speaking 2017. Các câu trả lời được biên soạn mới thay vì sao chép từ các trang tài liệu IELTS khác; quan trọng hơn, những câu trả lời này chứa đựng những mẫu diễn đạt ngắn, hay, chuẩn, xịn đủ để bạn đạt band điểm cao nhất cho kỹ năng Speaking.
- Lộ trình học kỹ năng Nghe cho người mất gốc là một bài viết rất công phu của mình, dựa trên chính kinh nghiệm xương máu của mình từ chỗ ‘như điếc’ lên đến điểm 8.5 Listening. Bạn hãy đọc kỹ và thử ứng dụng nhé.
- Bài phỏng vấn ‘siêu nhân’ 9.0 IELTS Overall Đăng Trần Tùng cũng sẽ mang lại cho các bạn những góc nhìn rất mới và những bộ sách tuyệt hay để giúp bạn ôn thi đạt điểm cao.
- Cuối cùng, series tổng hợp những bài viết hay và bổ ích cho giới trẻ Epic Reads là một kho từ vựng khổng lồ để bạn bơi lội và thưởng thức. Bạn hãy đọc trang giới thiệu để biết tại sao những bài viết này lại có ích cho giới trẻ nhé.

Cảm ơn các bạn đã quan tâm và ủng hộ ebook của mình. Mình hy vọng các cuốn sách do mình viết và biên soạn sẽ giúp các bạn đạt điểm IELTS cao.

Trân trọng,

Vũ Hải Đăng

**Lưu ý:** nội dung cũ trong các ebook trước được chọn lọc giữ lại để các bạn không cần phải tìm đọc những cuốn sách trước đó.

# Bắt đầu từ đâu?

Không biết bắt đầu từ đâu là nỗi khổ của rất nhiều thí sinh IELTS. Vậy thì hãy bắt đầu ngay từ đây nhé. Hãy nhớ, cả kho bí kíp cũng không thể giúp được bạn nếu thiếu đi phần thực hành. Vì vậy, hãy ‘nhắc mông’ lên và hành động ngay bây giờ với một số tips sau...

#1 Đọc nhanh các bài viết tiếng Việt trong ebook này để hiểu và giải trí

#2 Đọc chậm các bài viết tiếng Anh trong ebook này để hiểu

#3 Khi đọc, hãy dùng <http://dictionary.cambridge.org/> để hiểu thực sự

#4 Nếu không hiểu, hãy paste đoạn không hiểu vào group để hỏi thày hỏi bạn

#5 Mẹo hay: Chỗ này bạn thấy mình không thực sự hiểu; hãy dịch nó ra tiếng Việt, viết xuống giấy. Nếu đọc lại, bạn thấy câu mình vừa viết nghe thông minh và khôn, 80% bạn đã hiểu đúng. Nếu bạn thấy nó dở hơi và chỉ là sự chấp vá ngôn ngữ, hãy hỏi cho bằng ra thì thôi. Nếu bạn thấy nó nghe hợp lý nhưng vẫn có cái gì đó sai sai, hãy hỏi chứ đừng bỏ qua.

#6 Hãy thực sự trung thực với bản thân nếu muốn tiến bộ, không biết thì phải hỏi chứ đừng cố bịa nghĩa ra và gán vào văn cảnh. Hãy nhớ rằng điều thực sự nguy hiểm là: nghĩa bịa đôi khi cũng hợp lý như nghĩa thật vậy.

# Phương pháp học Ngữ pháp: Have FUN with GRAMMAR

Trong những thư mình nhận được, câu hỏi phổ biến nhất là ‘Làm sao để master được Ngữ pháp tiếng Anh?’ Minh đặc biệt nhớ một bạn đã kêu lên rằng: ‘Thày ơi, em không biết cách nào để học Ngữ pháp cả, cứ học trước lại quên sau và thấy chán kinh khủng.’

Câu hỏi này đã thực sự thôi thúc mình phải làm một điều gì đó, đơn giản là bởi mình cũng đã trải qua cảm giác đó và mình biết tại sao. Dưới đây là những điều sẽ giúp bạn tìm được niềm vui và làm bạn với ngữ pháp tiếng Anh nhé.

Tại sao lại chán? Ngữ pháp được hiểu là những quy tắc cố định trong ngôn ngữ để khi bạn lắp ráp từ vựng vào thì người khác có thể hiểu được. Để dễ hiểu, mình tạm ví von nó như sau. Nếu điều bạn nói ra đẹp và hấp dẫn như một chiếc bánh kem thì ngữ pháp chính là công thức để tạo ra chiếc bánh kem đó. Nếu thông điệp của bạn choáng ngợp như một tòa cao ốc thì ngữ pháp chính là nền móng và khung kết cấu của tòa nhà đó.

Và người ta chỉ thường thức cái bánh và vui sướng khi được ăn bánh, chứ chẳng ai lại ngồi xuýt xoa, thường thức công thức làm bánh cả. Người ta chỉ mê mệt ngắm nhìn một tòa nhà đẹp, chứ ai ngu mà lại đứng giữa trời nắng mà ngắm nhìn một cái móng nhà, hay một bộ khung cốt thép đâu (trừ mấy anh thợ xây không nói làm gì).

Trong tiếng Anh, cái bánh chính là nội dung thú vị của bài đọc và bài nghe, còn công thức làm bánh là ngữ pháp. Cái tội của nền giáo dục Việt Nam là bắt học sinh phải học một ngàn công thức làm bánh để đối phó với các bài thi Ngữ pháp dày đặc. Thủ hỏi, bạn phải ngồi học thuộc cả ngàn công thức làm bánh, liệu có đên không, có nhớ được không? Không đên, không chán mới là lạ.

Hiểu được điều này, mình đã thoát khỏi thảm cảnh học ngữ pháp bằng một số cách sau:

- Không bao giờ học Ngữ pháp riêng biệt như một môn học cả. Ngữ pháp là để hiểu khi đọc, hãy luôn coi bài đọc là nơi học ngữ pháp và từ vựng hiệu quả nhất.
- Nhưng nếu bạn vẫn muốn đọc về ngữ pháp và làm bài tập grammar, bạn hãy dùng một số nguồn tài liệu sau để củng cố nền Ngữ pháp nhé.

Nguồn tài liệu	Phương pháp học
Grammar Bible (nằm cuối ebook này)	Đọc để hiểu chứ đừng cố ghi nhớ nhồi nhét gì cả, sau này mình có thể tra cứu lại.
Destination B1, B2, C1 (trên mạng có rất nhiều ebook, bạn chỉ cần search Google là ra)	Sách này thiết kế các dạng bài ngữ pháp để bạn luyện tập. Bạn hãy lựa chọn chủ đề để làm bài hoặc làm cả cuốn.
<a href="http://dictionary.cambridge.org/">http://dictionary.cambridge.org/</a> 	Đây là một nguồn tra cứu ngữ pháp cực kỳ tuyệt vời – miễn phí, dễ hiểu và đáng tin cậy. Bạn chỉ cần nhập từ khóa vào đây là sẽ ra kết quả bao gồm giải thích, lưu ý khi sử dụng và các ví dụ rất dễ hiểu.
<a href="http://www.grammarbank.com">www.grammarbank.com</a>	Cuốn Grammar Bible được tổng hợp từ nguồn này – đây là trang web giải thích ngữ pháp rất dễ hiểu với các bài tập để bạn thực hành ngay trên mạng nên rất tiện lợi.

	Tuy nhiên, bạn vẫn nên đọc Grammar Bible trước vì nếu không biết tên của loại ngữ pháp cần tra, bạn sẽ hơi vất vả khi tìm trên grammar bank.
	Khi làm bài tập trong Grammar Bible, nếu bạn muốn biết đáp án. Bạn chỉ cần paste một câu trong bài tập vào Google kèm theo chữ grammarbank là sẽ ra.

3. Nếu ngữ pháp không giúp bạn hiểu một câu đang đọc, bạn nhất định phải hỏi thày hoặc hỏi trên các Facebook group để sáng tỏ. Nếu không hiểu hoặc hiểu sai, bạn sẽ phí thời gian vô ích – học tiếng Anh, học ngữ pháp mà đọc không hiểu thì học làm gì?
4. Tự mình ghi lại một số tricky grammar rules: mỗi người khác nhau lại có những cái khó rất khác nhau khi học; vì vậy, bạn nên có thói quen ghi lại những quy tắc ngữ pháp mà mình hay quên hoặc gây ra cho mình khó khăn lúc sử dụng. Ví dụ, trong danh sách tricky grammar rules của mình có một số quy tắc khó mình đã ghi lại như sau.

Items	My notes (ghi chú của riêng mình)
recommend/demand/suggest that + clause	Động từ trong mệnh đề that giữ nguyên thể, không chia. <i>She demanded that he <u>return</u> the books he borrowed from her.</i>
promote RIGHT: <i>The campaign was to promote public awareness of child protection.</i> WRONG: <i>The campaign was <del>to promote the public to protect</del> children.</i>	Thí sinh Việt Nam rất hay dùng sai từ 'promote' <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiếng Việt: người Việt hay dịch promote thành 'thúc đẩy' và dùng với ý nghĩa 'thúc đẩy ai đó làm gì' (<del>promote sb to do sth</del>) – đây là cách dùng không có trong tiếng Anh.</li> <li>• Tiếng Anh: promote + noun</li> </ul>

5. Phân biệt Ngữ pháp để hiểu và Ngữ pháp để dùng: Một lời khuyên rất nguy hại với thí sinh là 'em cứ phải dùng ngữ pháp thật phức tạp vào để được điểm cao khi thi Nói và Viết.' Thế là thí sinh mới cứ đi săn tìm những mẫu câu và ngữ pháp thật khó và thật 'ảo' để được điểm cao; trong khi những ngữ pháp này vừa khó nhớ, vừa khó áp dụng mà chưa chắc đã giúp truyền đạt mạch lạc nội dung cần nói và viết.

Với mình, việc lựa chọn rất đơn giản – mình chỉ lựa chọn và học thuộc những mẫu câu nào **gắn gũi với tiếng Việt** để sử dụng khi nói và viết. Và vì nó gắn gũi quá nên mình cũng không mất nhiều công sức học thuộc, vậy nên, lượng mẫu câu ngầm vào tâm trí lại rất thoải mái để sử dụng. Những cái khác khó hơn thì mình chỉ tìm hiểu để có thể hiểu khi đọc và nghe mà thôi.

# Interview: Coming up next...Mr 9.0 IELTS Overall

Đặng Trần Tùng là nhân vật ‘xông đất’ cho Cẩm nang 9.0 IELTS, đơn giản là bởi Tùng đã chạm đến điểm 9.0 IELTS Overall (9.0 Reading, 9.0 Listening, 8.5 Speaking, 8.5 Writing) ngay trong ngày đầu tiên của năm 2017. Với cộng đồng IELTS, Tùng cũng được biết đến với những video clips và livestream về Speaking rất hay, dễ hiểu và dễ áp dụng.

## Recommended books

**Grammar:** Destination B1, B2, C1 + C2  
**Vocabulary:** Check Your Vocabulary for IELTS  
**Sample essays:** thầy Vinh, thầy Tú Phạm, thầy Chris Pell - IELTS Advantage

Hãy cùng gặp gỡ Đặng Trần Tùng và học hỏi những kinh nghiệm luyện thi của ‘siêu nhân’ này.

Phát âm rất quan trọng để học tiếng Anh nhưng lại cực khó nếu đã ngầm phát âm sai từ trong ghế nhà trường, bạn có cách nào cụ thể và hữu ích dành cho những học viên đã “ngầm độc” như thế này?

Để “khử độc”, các bạn nên bắt đầu từ những điểm cơ bản của phát âm. Mình thường tập trung vào các khía cạnh như:

- ending sound (đặc biệt là âm 's')
- phân biệt 's' và 'sh'
- âm 'th'

Theo mình, đây là những điểm dễ nhận thấy của một người phát âm tốt. Các bạn có thể luyện tập với một trích đoạn nhỏ trong báo hoặc phim ảnh. Nếu có thể nghe người bản địa nói và bắt chước cũng rất tốt (ngày xưa mình luyện phát âm từ mấy câu "Coming up next..." chuyên phim trên Cartoon Network thôi chứ không có gì quá vi diệu đâu (cười)).

*Bạn hãy chia sẻ một số kinh nghiệm trong việc ôn luyện kỹ năng Nghe của mình. Lưu ý: những học viên mất nền tảng và mới Nghe tiếng Anh họ sẽ cực kỳ sợ hãi khi mở băng lên và hoàn toàn KHÔNG NGHE THẤY MỘT CÁI GÌ, hãy nghĩ tới họ khi trả lời câu này?*



Quan trọng là tìm được một nguồn nghe đúng trình độ của mình, và dần chuyển lên những nguồn khó hơn. Việc tiếp xúc luôn với các file nghe của bài thi IELTS sẽ dễ gây nản chí và hoang mang với những bạn beginner, đặc biệt là những bạn hỏng ngữ pháp. Khi bắt đầu, bạn nên bám theo một sách Listening dễ (Basic IELTS Listening - Li Ya Bin chẳng hạn), sau đó có thể move on tới phim ngắn hoạt hình, dần dần tới các clip ngắn trên YouTube. Mình strongly recommend chỉ nghe những gì có phụ đề tiếng Anh nhé.

*Nếu không có môi trường nói tiếng Anh (công ty, lớp học với thầy bản ngữ) và không có bạn để luyện tập nói tiếng Anh, bạn sẽ luyện Speaking “một mình” như thế nào?*

Có 2 cách luyện tập các bạn có thể làm:

- 1) Copy phim ảnh + luyện đọc để luyện phát âm
- 2) Free speaking: đặt thời gian 1 phút và cứ... nói thôi. Các bạn có thể nói về tuần vừa rồi của mình (gặp ai, làm gì, cảm nắng anh nào...). Bài tập này sẽ giúp bạn tăng độ trôi chảy (Fluency) - rất quan trọng trong bài thi, vì nếu bạn phát âm rõ ràng và nói không ngắt ngứa là đã điểm tốt rồi. Bạn cũng có thể tham khảo các câu trả lời mẫu để lọc ra một số từ vựng hay dễ dùng. Như vậy là hành trang cũng đã rất đầy đủ để thi rồi.

Với kỹ năng Đọc, thí sinh rất cần nền tảng từ vựng và ngữ pháp để có thể hoàn thành, bạn hãy chia sẻ về cách max vốn từ vựng tiếng Anh cũng như kinh nghiệm của mình trong việc crack IELTS Reading.

Có hai bước trong việc học từ: acquisition (tiếp nạp từ) và reinforcement (củng cố từ) - nếu chỉ làm bước 1 thì sẽ lúc nào cũng nhớ nhở quên quên. Minh thấy bộ sách Destination B1, B2, C1 + C2 là rất tốt cho bước 1 khi bao quát hầu hết các từ vựng thường xuyên xuất hiện trong Reading.

Trong bước thứ 2, các bạn nên lên kế hoạch đọc báo chí hoặc truyện tranh hàng ngày, để nhìn thấy các từ vựng mình đã học được dùng thế nào. Học một từ và nhìn thấy nó nhiều lần là cách tốt nhất để nhớ từ vựng, và thành thạo cách sử dụng của nó.

Tuy nhiên điểm cao Reading không chỉ bao gồm việc học từ vựng. 2 kỹ năng nền tảng để làm một bài đọc, theo mình, là đọc nhanh (speed reading) và soát thông tin (scanning). Để luyện hai kỹ năng này, tốt nhất là nên đọc truyện chữ. Khi đọc các bạn không nên tra từ điển, mà chỉ tập trung vào việc nắm ý chính. 1-2 đoạn đầu có thể hơi chậm, nhưng bạn có thể thấy tốc độ tăng rõ rệt sau vài trang sách.

Bạn có khuyên là khi đọc không nên tra từ điển, nhưng nếu không tra từ điển (đặc biệt với các học viên có nền tảng từ vựng và ngữ pháp yếu) thì làm sao họ có thể hiểu được nội dung và có thể ứng dụng đúng nghĩa theo văn cảnh?

**Sai lầm lớn nhất** là bắt đầu học IELTS khi ngữ pháp bị hỏng.'

Quan trọng nhất là tìm được nguồn đọc tương đương với trình độ của mình. Nếu bài đọc có quá nhiều từ mới, các bạn cần đổi sang một tài liệu khác dễ hơn. Trong hoàn cảnh của mình, vì CNN quá khó, mình đã chuyển sang đọc truyện tranh. Khi đọc, mình tập trung cải thiện kỹ năng đọc (đọc nhanh và đoán ý), chứ không tập trung vào việc học từ mới. Từ mới thì lúc nào cũng có, dù ở trình độ nào, nên các bạn không cần quá hoang mang nếu bài đọc có điểm xuyết một số con "quái" khó nhằn. Đối với những bạn nền tảng yếu, các bạn nên làm các sách bài tập để tích một tí vốn liếng đã. Chúng ta không thể chiến luôn truyện hoặc báo nếu chưa có kiến thức này.

Viết có phải là một kỹ năng khó với bạn - bạn có cách luyện Writing như thế nào?

Mình đọc rất nhiều văn mẫu của những người VIẾT CÙNG MỘT STYLE. Yếu tố này là rất quan trọng, vì nếu cứ đọc nhiều tác giả, mỗi người một style thì rất khó bắt chước. Sau khi đọc, mình "chôm" những từ vựng tốt mà dễ áp dụng để dùng cho bài mình. Những người mình rất thích chôm chia là thầy Vinh, thầy Tú Phạm, Chris Pell - IELTS Advantage.

Bộ sách 'gối đầu giường' của bạn trong quá trình luyện thi IELTS?

Quyển hay nhất mình từng đọc là Check Your Vocabulary for IELTS. Không chỉ giúp mình acquire và reinforce nhiều từ vựng, sách này còn cho mình rất nhiều ideas tốt trong Writing và Speaking - một mảng trước đây mình còn yếu.

Bạn có cách học tiếng Anh nào "khác thường" nhưng đặc biệt hiệu quả để chia sẻ với các bạn thí sinh IELTS không?

'Quyển hay nhất mình từng đọc là  
**Check Your Vocabulary for IELTS.**

Không chỉ giúp mình acquire và reinforce nhiều từ vựng, sách này còn cho mình rất nhiều ideas tốt trong Writing và Speaking - một mảng trước đây mình còn yếu.'

Nhiều người nghĩ rằng mình đọc và nghe những thứ rất cao siêu, kiểu CNN, BBC, Ted Talks, etc. nhưng phải thú thật là mình toàn đọc ... truyện tranh. Hồi mới sang học ở Mỹ, mình thường khá cô đơn vì sống xa cộng đồng người Việt, nên mình đọc manga cho đỡ tủi thân. Sau khoảng 2 tháng, mình chợt nhận ra mình đọc và tư duy nhanh hơn rất nhiều lần. Có lẽ đây là một ví dụ cho việc bạn sẽ tiến bộ nhiều nhất nếu tiếp xúc với những gì bạn thật sự thích.

*Trong quá trình tiếp xúc với các "hoàn cảnh" của học viên, bạn thấy đâu là những sai lầm lớn ngăn cản sự tiến bộ của học viên. Với những học viên đó thì lời khuyên của bạn là gì?*

Sai lầm lớn nhất là bắt đầu học IELTS khi ngữ pháp bị hỏng. Khi tiếp xúc với những từ vựng khó hoặc bài đọc dài, các bạn hay nản; ví dụ: làm xong Reading Passage 1 là "đánh lui" luôn 2 Passage còn lại vì quá mệt. Tin mình đi, thiếu ngữ pháp và từ vựng là công thức cho một thảm họa. Theo mình, các bạn nên củng cố ngữ pháp trước (ít ra phải biết chia động từ và trật tự từ).

Sau đó khi làm đề, các bạn sẽ cảm thấy các bài practice exams ở trong tầm với hơn.

*Bộ phim yêu thích của bạn, cuốn sách yêu thích của bạn, ban nhạc/bài hát yêu thích của bạn?*

Dưới đây là 'perennial favorites' của mình nhé (perennial favourites: những tác phẩm mình mãi yêu thích)

- Phim: The Shawshank Redemption
- Book: The Hunger Games Trilogy
- Song: Khó quá =)) Nhưng current favorite của mình là "Arms of a woman - Amos Lee" (lời bài hát max ngắn, dễ nghe các bạn ạ)

*Khi dạy môn Speaking, bạn thấy khó khăn phổ biến của các học viên của bạn là gì? Với những học viên gặp những khó khăn đó, bạn có cách nào để giúp họ?*

Khó khăn lớn nhất là nói dài. Nguyên nhân cũng có nhiều: thiếu ideas, cỗ dịch tiếng Việt - Anh, ngữ pháp yếu và đặc biệt là áp lực phải dùng từ "khó". Theo mình, các bạn nên dùng từ ngữ thật đơn giản (người bản địa nói cũng dễ lắm), tập trung vào việc nâng độ dài câu trả lời từ 2 tới 3, 4, 5 câu.



Về cách phát triển độ dài, các bạn có thể tham khảo cách nói của thầy cô giáo, hoặc những bạn khác nói tốt ở xung quanh.

*Một số bạn học viên nói rằng khi phát âm từng từ thì họ làm được nhưng khi nói hay đọc cả một câu dài thì lại không tự nhiên về ngữ điệu, khiến việc nói rất vất vả mà lại không tự nhiên. Lúc đầu, bạn có gặp phải vấn đề này không và làm thế nào để khắc phục?*

Thật ra cái này người học tiếng Anh nào cũng gặp, và mình cũng không phải ngoại lệ. Để phát âm tự nhiên và "nuột" hơn, mình bắt đầu từ những câu ngắn, đơn giản trên TV, kiểu như "Coming up next on Disney Channel!", "Exclusively on HBO", và bắt chước thật giống về phát âm và ngữ điệu. Sau khi thành thạo các câu ngắn thế này, mình luyện tập giao tiếp thật nhiều. Tất nhiên, thỉnh thoảng sẽ vẫn có những chỗ bị "gượng", nhưng Fluency không thể có được trong ngày một ngày hai.

*Bạn gợi ý chỉ nghe những gì có phụ đề tiếng Anh nhưng tại sao có nhiều cao thủ Listening khác lại khuyên xem phim bỏ phụ đề luôn cho quen với tiếng Anh. Liệu hai lời khuyên này có mâu thuẫn nhau không?*

Thực ra, 2 lời khuyên này bổ sung cho nhau, chỉ là tuỳ vào trình độ hiện tại của bạn. Với những bạn nghe chưa được liền mạch hoặc ngữ pháp yếu, các bạn nên xem sub để học thêm về các cụm từ quen thuộc cũng như củng cố về ngữ pháp. Khi bạn xem sub đã thấy quen thuộc, bạn có thể bắt đầu tập "cai" sub. Lúc này, bạn đã biết hầu hết các ngôn ngữ thông dụng, và bây giờ bạn chỉ luyện để nghe được những ngôn ngữ mình đã biết. Chúng ta hầu như không học được gì từ việc nghe những ngôn ngữ hoàn toàn mới, chưa gặp bao giờ.

*Bạn có nói đến việc đọc truyện tranh, đây là cách tiếp cận rất hay, bạn có thể nêu một vài tên truyện tranh bạn đã đọc? Ở Việt Nam thì các bạn có thể tìm bộ truyện này ở đâu?*

Mình hay đọc các truyện **manga** tinh cùm, sến súa :>

Mình hay đọc các truyện manga tinh cùm, sến súa :> Mình bắt đầu với Suzuka (2 bạn học sinh chơi điền kinh xong thích nhau), sau đó tới Kimi no Iru Machi (cùng tác giả: bạn nữ tới ở nhờ nhà bạn nam xong thích nhau) và Ichigo 100% (tình tay 4

học sinh, rất gay cấn). Tất nhiên, các bộ truyện classic như Naruto, Doraemon và Dragon Ball (7 viên ngọc rồng) cũng là một điểm bắt đầu tốt. Sau khi đọc xong mỗi bộ truyện, các bạn sẽ cải thiện tốc độ đọc đáng kể và tích luỹ được nhiều ngôn ngữ nói hữu dụng ^^

*Bạn có khuyên các bạn học viên 'mất gốc' là học ngữ pháp trước, nhưng các bạn học viên lại có một vấn đề là 'Em thấy rất nản khi học ngữ pháp vì học trước quên sau và bản thân việc học này cực kỳ boring,' bạn có phương pháp nào khiến việc học ngữ pháp trở nên thú vị hơn không?*

Phần lớn những bạn học ngữ pháp cảm thấy nản là vì tự học, hoặc lại phải học kiến thức nhai đi nhai lại trong 12 năm học phổ thông. Theo mình, bạn có thể đi học để có thêm động lực - một giáo viên giỏi sẽ biến những kiến thức ngữ pháp khô khan thành những bài giảng sống động, có liên quan. Nếu tự học, bạn có thể học những sách ngữ pháp + từ vựng kết hợp với đa dạng các dạng bài tập để đỡ nhàm. Sách Destination B1 và B2 là một điểm bắt đầu tốt. Cũng có thể bạn học ngữ pháp cảm thấy boring vì bạn đã tương đối chắc rồi. Nếu như vậy, bạn hãy tự tin triển việc học kỹ năng luân ^^

*Đạt được thành tích 9.0 IELTS Overall rồi nhưng bạn vẫn dự định thi lại và thi lại, tại sao vậy?*

Núi cao vẫn có núi cao hơn. Mình có rất nhiều tấm gương mình ngưỡng mộ, những con người mà mình luôn đuổi theo. Việc thi lại là cơ hội để mình luôn cố gắng nâng cao trình độ. Hơn nữa, mình đi thi để update xu hướng ra để để giúp các bạn học sinh nâng cao điểm số. Cuối cùng, cảm giác thầy trò dắt tay nhau đi thi vui lắm ^^.

# Lộ trình học Nghe cho người mất gốc

Nếu bạn đang hoang mang và khỗ sở vì mỗi lần nghe là một lần... điếc đặc, bài viết này dành cho bạn. Nếu bạn cứ cà đè mà điểm Nghe vẫn đậm chân tại chỗ, bài viết này dành cho bạn. Nếu bạn đang muốn mở cửa cả một trời âm nhạc và phim ảnh US-UK, bài viết này dành cho bạn.

## Tài liệu nghe phù hợp trình độ

Nếu chưa học nghe bao giờ mà bạn bập vào IELTS Listening ngay thì đừng hỏi tại sao mình lại khóc. Điều này chẳng có gì khó hiểu cả; cứ tưởng tượng một ông Tây vừa tập töe tiếng Việt vỡ lòng mà bắt phải nghe tiếng Huế hay Quảng Nam vậy. Minh là người Việt, mình nghe nhiều khi còn không nói, nói gì đến Tây. (Ví dụ này không đúng lắm nhưng cứ vậy đi, cho dễ hình dung.)

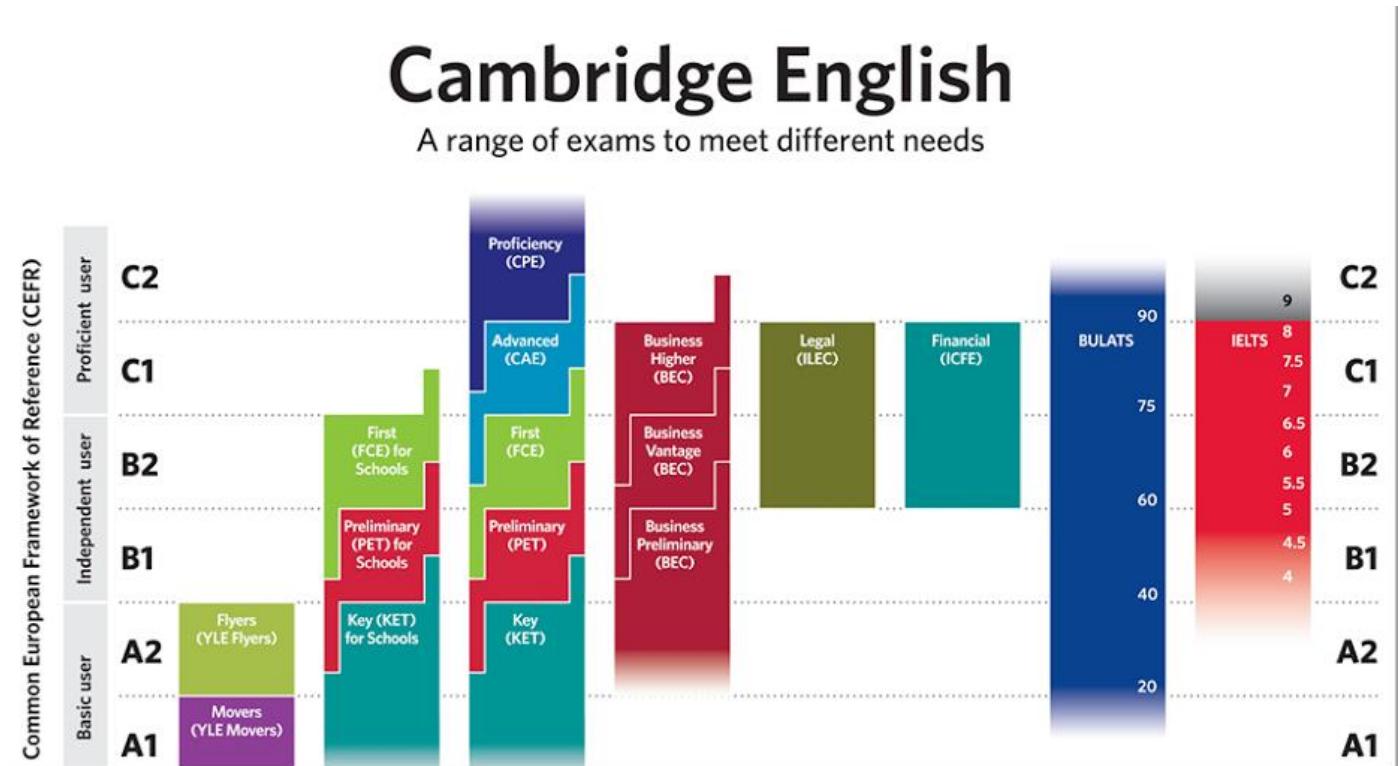
Tài liệu phù hợp với trình độ sẽ giúp bạn có được sự tự tin và vui sướng khi ôn luyện; quan trọng hơn, nó sẽ giúp bạn xóa tan sự căng thẳng và lo lắng, trở ngại lớn nhất khi học nghe.

Mình rất may mắn khi bắt đầu ôn luyện Listening với những bộ sách được phát hành bởi cùng một nhà xuất bản Cambridge. Vì thế, lộ trình này giống như một con đường cao tốc dẫn thẳng tới bài thi IELTS vậy. Cambridge Examinations là tổ chức ra đề thi IELTS chính thức nên những bộ sách của Cambridge là một bước chạy đà tuyệt vời cho kỳ thi IELTS.

Dưới đây là lộ trình từ thấp đến cao với bộ sách Cambridge English, có quy đổi ra thang điểm IELTS.

Bộ sách Cambridge English	Quy đổi IELTS
Cambridge English: Key (KET)	≤ 4.0
Cambridge English: Preliminary (PET)	4.0-6.0
Cambridge English: First (FCE)	6.0-7.5
Cambridge English: IELTS	N.A

Link download: sẽ sớm được chia sẻ thêm trong các post sau.



## **Thư giãn, thư giãn và thư giãn**

Căng thẳng là kẻ thù số 1 của đôi tai. Khi bạn căng thẳng, đôi tai sẽ ù đi và đóng lại trước âm thanh. Trong phòng thi, đôi tai ù đặc sẽ khiến bạn càng nghe càng không hiểu gì, lỡ câu 1, rồi lại lỡ câu 2, dẫn đến hiệu ứng domino – đổ vỡ hàng loạt.

Vì vậy, mấu chốt của việc nghe tốt là làm sao loại bỏ hoàn toàn sự căng thẳng. Tuy nhiên, cũng giống như mọi việc trên đời, nói thì dễ còn làm mới khó. Và nếu không hiểu bản chất thì bạn rất khó trị bệnh tận gốc; hãy đọc phần phân tích tiếp theo về bản chất vấn đề và tìm ra phương pháp điều trị dứt điểm căn bệnh căng thẳng.

### **‘Không hiểu gì’ khi Nghe là điều bình thường**

Nếu bạn không làm quen với cảm giác ‘không hiểu gì’ khi nghe, bạn sẽ không thể giải quyết bài toán tâm lý. Cảm giác ‘không hiểu gì’ khi nghe là một điều tự nhiên – không chấp nhận điều đó cũng đồng nghĩa với việc bạn đang không thuận theo tự nhiên, mà phàm cái gì trái với tự nhiên thì thường rất khó sống.

Chúng ta có thể giải thích cảm giác ‘không hiểu gì’ khi nghe một cách khoa học dựa vào 3 loại tốc độ: tốc độ ánh sáng, tốc độ âm thanh và tốc độ tư duy. Theo đó, tốc độ ánh sáng luôn nhanh hơn tốc độ âm thanh và tốc độ âm thanh thì thường nhanh hơn tốc độ tư duy. Điều này lý giải tại sao chúng ta nhìn thấy rồi mới nghe thấy; nhưng nhìn thấy và nghe thấy không có nghĩa là bạn sẽ hiểu, bởi tốc độ tư duy luôn chậm hơn.

Phân tích trên đã mang đến một giải pháp: để nghe kịp và nghe hiểu, chúng ta sẽ cần phải làm sao để đầy nhanh tốc độ tư duy, rút ngắn khoảng cách với tốc độ nghe nhìn. Để nâng tốc độ tư duy, bạn sẽ cần phải chú ý những điều sau:

- Phát âm chuẩn: để nhận biết âm thanh
- Kiến thức nền: bao gồm kiến thức từ vựng, ngữ pháp và hiểu biết chung: để chuyển từ nhận biết âm thanh sang nhận biết ý nghĩa

Nếu không có kiến thức nền, bạn không hiểu được nội dung dù có nghe thấy hết. Bản thân mình đã trải qua một cuộc ‘tra tấn’ âm thanh khi phiên dịch cho một nghệ sĩ Đức (nói tiếng Anh). Nghệ sĩ này từ chối cung cấp các tài liệu giới thiệu tác phẩm cũng như không trò chuyện trước với mình về tác phẩm của anh ta; khi vào cuộc, mình đã lâm vào tình trạng ‘tê liệt’ khi không hiểu và không thể dịch – mặc dù toàn bộ từ vựng mà nghệ sĩ này sử dụng mình đều biết.

Vậy đấy, nếu bạn chưa thực sự đầu tư cho phát âm và còn phát âm sai nhiều, nếu bạn chưa chăm chỉ học từ vựng và vốn từ vựng yếu, việc bạn nghe mà ‘không hiểu gì’ là rất bình thường, hãy chấp nhận điều đó để tiến bộ và để thanh thản còn làm việc khác. Việc khác là việc gì, xin mời bạn lại tiếp tục.

### **Non-stop listening just for...FUN**

Nếu như việc ôn luyện chỉ quanh quẩn với mấy bộ đề thì bạn hãy yên tâm rằng việc đó sẽ cực chán và cũng không giúp bạn tiến bộ đâu. Chính yếu tố FUN (vui vẻ) mới giúp bạn biến việc ôn luyện từ nhiệm vụ thành nhu cầu. Nhu cầu tự thân sẽ khiến bạn hoàn thành được một khối lượng bài nghe lớn mà không cần gắng sức; trái lại, bạn lại cảm thấy tràn đầy năng lượng và niềm vui.

Từ khóa thứ hai cần lưu ý trong bài tập này là ‘non-stop’ (không dừng lại). Điều này có nghĩa là bạn cần nghe hàng ngày và không được dừng lại – việc này đồng nghĩa với việc bạn được sống trong một môi trường ‘xì xô’ bẩn ngứa mà chẳng phải đi đâu cả.

Vậy làm bài tập này như thế nào đây? YouTube và Facebook là cả thế giới, và bạn cần sống trong thế giới đó hàng ngày mà thôi. Dưới đây là một số kênh YouTube cực kỳ hay mà bạn nên subscribe (đăng ký thành viên) để theo dõi hàng ngày.

### **YOUTUBE ENGLISH**

- Dưới đây là 2 kênh học tiếng Anh cực kỳ hiệu quả và chính thống của Hội đồng Anh và BBC trên YouTube, bạn hãy đăng ký thành viên và theo dõi hàng ngày.
- British Council | LearnEnglish
- BBC Learning English

## YOUTUBE GENERAL

Music: bạn cứ gõ chữ Music vào YouTube là ra trang này. Nghe nhạc Âu Mỹ là cách cải thiện kỹ năng Nghe một cách tự nhiên và ‘lầy’ nhất. Đơn giản là bởi có khi bạn chẳng cần phải biết tí tiếng Anh nào để thấy rằng: Ô, bài hát (tiếng Anh) này hay quá. Cập nhật nhạc Âu Mỹ cũng là cách tốt nhất và dễ nhất để bạn không bị trở nên ‘cỗ xưa.’

<http://www.ted.com/>: đây là trang đỉnh cao rồi, không cần phải giới thiệu nhiều.

<https://www.youtube.com/user/NationalGeographic>: clips ngắn, đa dạng và sinh động về thiên nhiên, khoa học, xã hội. Nội dung rất hay và thời lượng ngắn gọn.

<https://www.youtube.com/user/TLC>: clips ngắn và đa dạng về đời sống, gia đình. Nội dung rất hay và ngắn gọn.

<https://www.youtube.com/user/CNN>: Tin tức thế giới, đa dạng và hay

## FACEBOOK

Channel 4 News, CNN: những đoạn tin tức ngắn và có phụ đề, rất dễ xem

Khi thực hiện bài tập này, bạn cần lưu ý làm theo những chỉ dẫn sau đây để việc học được bền vững và hiệu quả:

1. Mục tiêu của bài thực hành là vui vẻ và thư giãn, hãy lựa chọn những gì bạn muốn xem và khiến bạn vui.
2. Hãy xem hình và nghe tiếng – đừng bắt bản thân phải cúi gầm mặt trong khi trước mắt bạn là những video cực kỳ vui nhộn và thú vị.
3. Phụ đề hữu ích đấy, nhưng đừng nhìn phụ đề vội, hãy cứ xem hình đoán tiếng trước.
4. Hãy lựa chọn những video ngắn – những clips dài có thể khiến bạn mệt và khiến bài thực hành mất vui. Mục tiêu của bài thực hành này là để bạn quen với việc ‘không hiểu gì,’ vì thế, hãy thả lỏng đầu óc hết sức có thể.

## Xem phim không phụ đề (phù hợp khi bạn đã đạt 6.5 Overall)

Xem phim tiếng Anh không phụ đề là một trang mới trong cuộc đời học tiếng Anh của bạn (như đã từng xảy ra với mình). Đây sẽ là bài tập đỉnh cao giúp bạn master kỹ năng nghe mà cần hiểu gì. Nói nghe thì ngu nhưng mà có cơ sở khoa học nhé.

Xem phim không phụ đề sẽ giúp bạn ngấm được bản chất của tiếng Anh về mặt sound wave (sóng âm). Khác với ngữ điệu đều đìều của tiếng Việt (miền Bắc), tiếng Anh ngôn ngữ nói là những đợt sóng to nhỏ khác nhau; trong đó, đỉnh sóng là những từ vựng quan trọng mà người nói muôn nhấn mạnh, còn bên dưới là những từ vựng khác không quan trọng bằng và được nói nhỏ hơn, nhanh hơn.

Khi bạn không có một sự trợ giúp nào từ phụ đề, bạn sẽ dồn toàn bộ sự tập trung của mình vào đôi mắt và đôi tai, giúp cho tai và mắt của bạn hoạt động tốt hơn và tinh hơn. Khi đó, bạn sẽ tối ưu hóa được hiện tượng lưu thanh, tức là âm thanh chưa mất đi ngay sau khi bạn nghe thấy mà nó còn ở lại trong một khoảng thời gian nữa. Đây sẽ là điểm đột phá khiến bạn bước từ việc học tiếng Anh sang dùng tiếng Anh.

## Sau tất cả...: Miêu tả quy trình ôn luyện a-z

Sau tất cả, việc bạn làm gì sau khi hoàn thành bài test mới quyết định bạn có lên trình hay không. Và đây là thứ đã giúp mình từ chỗ ‘không nghe thấy một cái gì’ đạt 8.5 Listening.

1. Không chạy theo thành tích – bạn làm bao nhiêu tests không quan trọng bằng việc bạn làm kỹ và thực sự ngấm được bao tests.
2. Khi nghe, đánh dấu thật nhanh những câu mình không chắc. Nghe xong, ‘không bao giờ’ giở Đáp án (Key) ra ngay mà tự mình tìm đáp án trước đã.
3. Khi tự nghe lại để tìm đáp án, hãy ưu tiên những chỗ không tìm thấy đáp án khi nghe lần đầu và những câu đã có đáp án nhưng không chắc chắn đã đánh dấu. Mình nghe những chỗ này cho đến

khi tìm ra đáp án thì thôi, nhưng không nghe nhiều đến mức nhảm và sơ (thường thì mình sẽ move on sau khoảng 3-5 lần replays).

4. Sau đó, mình sẽ kiểm tra đáp án – đánh dấu những câu sai. ‘Vẫn không dùng’ transcript, mình sẽ nghe lại để tự mình tìm ra lý do sai.
5. Rồi mình giờ transcript ra và đọc nó như một bài reading. Khi đọc, mình dùng từ điển để hiểu everything. Lúc này, tạm thời mình quên việc nghe đi.
6. Sau khi đọc transcript xong, mình chọn nghe lại 1 bài khó nhất. Khi nghe lại, mình không đọc transcript mà cứ để đầu óc thư giãn theo dòng chảy âm thanh. Mình cũng không cố nhớ lại nội dung transcript, tất cả ưu tiên dành cho việc thả lỏng đầu óc và để âm thanh cuốn đi, không hiểu cũng chẳng sao.
7. Trong bài khó nhất này, mình chọn ra 3 chỗ khó nhất để nghe lại và chép lại theo âm thanh lưu giữ. Khi chép lại, mình có thể sẽ quên chỗ này chỗ kia, chẳng sao cả - càng tốt vì lúc đó mình sẽ vận dụng tư duy, từ vựng và ngữ pháp để viết thành câu hoàn chỉnh.
8. Sau đó, mình so lại với transcript. Đây là bài tập này là ‘thập toàn đại bở’ – rèn hiện tượng lưu thanh và giúp củng cố vốn ngữ pháp và từ vựng.
9. Mình không chép chính tả quá dài vì mình biết việc đó chán, lâu và không hiệu quả.
10. Xong xuôi, mình sẽ ghi lại những cụm diễn đạt hay và những từ vựng phát âm sai. Mình không phụ thuộc vào trí nhớ vì mình biết trí nhớ của mình luôn phản bội mình.
11. Kết thúc bài học, mình sẽ ghi lại khoảng 2 câu để luyện phát âm. Với 2 câu này, trước tiên, mình sẽ tra từ điển để biết chính xác cách đọc của từng từ.

Rồi mình tưởng tượng xem 2 câu này sẽ được đọc như thế nào. Hãy nhớ, đừng đọc vội, tưởng tượng và hình dung ra âm thanh đã. Tưởng tượng xong, mình sẽ đọc diễn cảm, mình có thể ghi âm lại phần đọc này.

Mình chẳng cần đọc nhanh, quan trọng là phải có cảm nhận và có nhấn nhá lên những từ vựng quan trọng.

Và mình mở lại đoạn băng xem 2 câu này được nói thế nào. Lâu dần, mình sẽ ngấm được ngữ điệu của tiếng Anh, thứ khó nhất và khác nhất với tiếng mẹ đẻ của mình.

Phù ù ù, xong bài rồi, đi chơi thôi!

**Lưu ý:** Các bạn cũng thấy có rất nhiều bước để làm bài Listening bài bản. Lời khuyên là các bước trên vào cùng một buổi – hãy chia nhỏ chúng ra để làm.

### **Có quá và Quá có: dừng đuổi theo âm thanh**

Đuổi theo âm thanh là một thói quen dễ mắc nhất đối với thí sinh khi làm bài Nghe. Hiện tượng này xảy ra khi bạn bỏ lỡ một câu và cố gắng nhớ lại xem mình vừa nghe cái gì. Kết quả là bạn vừa không nhớ được câu đã qua mà lại thường sẽ bỏ lỡ hàng loạt câu sắp tới, vì vậy, càng cố lại càng chết.

Nếu như với các kỹ năng Đọc, Nói và Viết, bạn ít nhiều cũng có một chút tâm thế chủ động, đọc đoạn này trước, đọc đoạn kia sau, v.v. Còn Nghe là kỹ năng bạn hoàn toàn bị động và bị cuốn đi theo đoạn băng. Vì vậy, để thuận theo tự nhiên, bạn cần thả lỏng hoàn toàn và thụ động hoàn toàn để đoạn băng cuốn đi.

Thế nhé, bài học đầu tiên là thả lỏng thư giãn và let it go!

### **Chép chính tả hay Không chép chính tả**

Chép chính tả là một bước quan trọng trong quá trình ôn luyện Nghe, nhưng việc này ít khi được giải thích khoa học và hướng dẫn chi tiết nên học viên hay mệt và nản nếu làm sai cách (như chọn đoạn chép quá dài).

Việc chép chính tả đúng rất hiệu quả vì nó giúp người học luyện tập tổng hợp nhiều kỹ năng: lưu thanh, ghi chép nhanh (note-taking), từ vựng và ngữ pháp. Nền tảng của việc chép chính tả là *hiểu* – hiểu nghĩa, hiểu từ vựng và ngữ pháp; lúc đó, việc chép lại của bạn thực ra là để vận dụng vốn từ vựng, ngữ pháp và hiểu biết chung để tạo ra một câu hoàn chỉnh, chứ *không phải là nghe từng từ đơn lẻ*. Hãy xem ví dụ dưới đây:

**Câu gốc:** *Hurwitz said she got lost in the moment even though she had helped to craft the words.*

**Câu nghe được:** *Hughwitz said she...lost....moment even though she...help...craft the words.* (

**Câu chép lại:** *Hughwitz said she got lost at the moment even though she did help to craft the words.* / Lưu ý: Hughwitz là tên riêng nên bạn không cần phải bận tâm nhiều, tên riêng trong tiếng Anh thì bạn sẽ cần được đánh vần mới viết đúng được.

Như vậy, ví dụ trên đã cho thấy việc chép chính tả bản chất là để bạn vận dụng khả năng từ vựng và ngữ pháp để hoàn thiện những âm thanh lưu lại được trong đầu. Sản phẩm cuối cùng phải là một câu hoàn chỉnh và hợp lý về mặt ý nghĩa.

Nếu bạn còn băn khoăn về phương pháp nghe chép chính tả của mình đã đúng cách hay chưa, dưới đây là một checklist để bạn kiểm tra nhé.

1. Độ dài: từ 30 giây đến 1 phút – nếu dài hơn, việc chép chính tả sẽ rất mệt và bạn không nghe kỹ được.
2. Bạn cần hiểu đã, không hiểu thì hãy thử đoán nghĩa đã – đừng lao vào viết khi chưa hiểu; làm như thế phí công mà thôi.
3. Khi viết chính tả, bạn cần vận dụng vốn từ vựng, ngữ pháp để ‘điền vào chỗ trống’ – những chữ bị rơi rụng trong quá trình bạn nghe đến lúc bạn chép lại.
4. Hãy nghe 1 câu rồi viết lại, thay vì cắt nhỏ từng từ ra nghe – việc này sẽ giúp bạn ôn luyện khả năng lưu thanh cũng như bắt buộc đầu óc của bạn phải làm việc với từ vựng và ngữ pháp để tạo thành một câu có nghĩa.
5. Câu chép lại của bạn phải có nghĩa và nghĩa hợp lý thay vì chỉ là những từ lẻ tẻ chắp vá.

# Epic Reads

Đây là những bài viết hay nhất và trang bị những kiến thức bổ ích cho giới trẻ mình đọc và lọc ra từ hơn 600 trang báo và tạp chí đã đọc trong năm 2016. Hãy bắt đầu với ‘Thời điểm tốt nhất để hành động là ngay bây giờ’ rồi đi tiếp để tìm hiểu tại sao ‘đọc chậm’ không phải là một cái tội; trái lại, ‘đọc chậm’ lại là một phẩm chất quý báu trong thời đại mọi thứ đang đi với tốc độ tên lửa ngày nay.

Sau khi đã hiểu về quy tắc đọc, Bill Gates sẽ dẫn dắt bạn qua những cuốn sách hay nhất năm 2016 và Harvard sẽ mách bạn 5 cuốn sách nằm trong danh sách những cuốn sách ‘phải đọc’ của sinh viên Harvard Business School – một trong những trường kinh doanh tốt nhất thế giới.

Mùa hè sắp đến, bạn sẽ muốn nghe lời khuyên về công việc part-time nên lựa chọn để thành công về sau qua bài viết ‘Thanh niên thì phải làm thêm, mà càng khổ càng tốt!’. Và hãy đọc kỹ 17 thói quen xấu cần bỏ vì nó ảnh hưởng tới chính bạn.

Phần cuối mình dành cho ba đất nước mình có sự quan tâm đặc biệt. Nếu như Nhật Bản và Đức mang đến những bài học về kỷ luật và tiết kiệm thì Trung Quốc lại cho cả thế giới biết về cách họ trở thành một cường quốc ‘sao chép’ như thế nào. Mình không thích Trung Quốc nhưng mình lựa chọn bài viết này, hãy đọc để hiểu tại sao.

Lưu ý: hãy đọc và sử dụng từ điển Cambridge (<http://dictionary.cambridge.org/>) thật chăm chỉ để hiểu thực sự. Nếu không hiểu, hãy hỏi trên group này hoặc gửi câu hỏi của bạn qua Comments.

1. The Best Time to Take Action Is Now
2. If you want to get smarter, speed-reading is worse than not reading at all
3. These are the best books Bill Gates read in 2016
4. 5 Must-Read Books That Are Required Reading at Harvard Business School
5. School of life: Teens should have summer jobs, the less glamorous the better
6. 17 Bad Habits That Can Make Millennials Look Really Unprofessional
7. 10 distinctive features of the Japanese education system that made this nation the envy of the world
8. Why Germans pay cash for almost everything
9. Double trouble: Your brilliant Kickstarter idea could be on sale in China before you've even finished funding it

## The Best Time to Take Action Is Now

Jeremy Ellens, Co-founder of Yazamo

"Inaction breeds doubt and fear. Action breeds confidence and courage." -- Dale Carnegie

I've thought a lot about this quote recently. Have you ever looked back on the past few months or years and thought, "Man, if only I really committed to doing \_\_\_\_\_. Things would be so much different right now."

Maybe it was finally taking massive action on hiring that personal trainer and learning how to eat clean. Imagine if you had started that habit three years ago, and you looked back knowing that you did the best you could, and that resulted now in being in the best shape of your life. You don't get sick or injured as often. You have incredible energy in everything that you do. Your partner finds you incredibly desirable, and you've inspired the loved ones around you to take better care of themselves.

Maybe you look back and wish that you had taken massive action to read a book every two weeks. Imagine how much you would have learned and grown from that experience. They say that any problem you are going through now has already been solved or written down. Imagine the confidence and capabilities you would have if over the past three years, you had read over 300 books.

For the entrepreneurs reading this, maybe you look back and think -- if only I had taken massive action on growing my following, how different things would be today. If only I had started three years ago. Instead of reaching 4,000 people a week, you were able to reach 400,000 people a week. Imagine the momentum and massive shift that would create in your business and the world. Imagine the impact you would be having.

Often times, there is so much to do, and we have so many great ideas, that we struggle to take massive action on any of them. Maybe we think that we can't move forward with something without it being absolutely perfect. Our inaction creates doubt and uncertainty. We begin to listen to others about why something won't work. The voice in our head starts to become a breeding ground for doubt, fear and uncertainty. We're too afraid of focusing on the wrong thing or worry what will happen if we fail. Sometimes this goes on for months or years, and we end up not really accomplishing anything -- because we feel paralyzed.

Mark Zuckerberg once said, "The biggest risk is not taking any risk. In a world that's changing really quickly, the only strategy that is guaranteed to fail is not taking any risks."

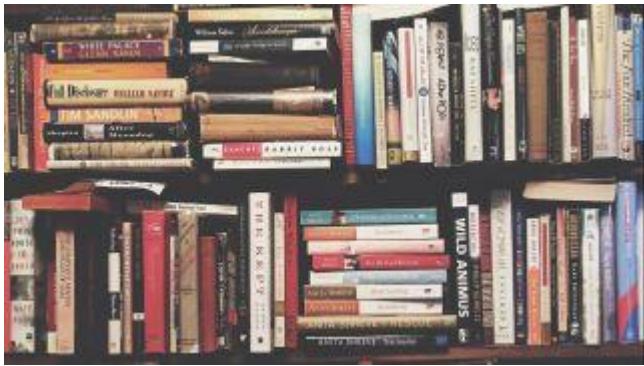
One of the core values that has really grown stronger for me over the past few years is the idea of failure. A while back, I read the book The Lean Startup and it has been one of the greatest books I've read, because it instilled this principle in me to take action quickly -- and then look for the learning opportunity. Forget about being perfect. Forget about failing. Learn -- it builds confidence and courage.

Have something to look back on three years from today, so you can say to yourself, "I'm so glad I took massive action on \_\_\_\_\_. "

I'll leave you with one of my favorite Chinese Proverbs: "The best time to plant a tree was 20 years ago. But the second best time is today."

Now go out and get busy!

If you want to get smarter, speed-reading is worse than not reading at all  
Shane Parrish



Stop trying to read fast, and focus on reading well. (Unsplash/CC 0)

We all know that reading is important. But we're also busy. So we try to optimize by reading more quickly. And in this way, we miss the point of reading entirely.

I've noticed this tendency since I began posting about what I learn from [reading over 100 books a year](#). One of the most frequent questions I get is about how to read faster. Inevitably this request includes a link to a book, "scientific article," or random blog post declaring that there's a way to read 10 times faster. But if you care about more than bragging rights, the point of books isn't how fast you read, or even how much you read. It's reading for [deep understanding](#).

A good book, like a good meal or a great vacation, is something you shouldn't want to end. You're not rushing to the finish. Instead, you're totally immersed in the experience; you want it to last forever. Reading is supposed to take some time.

Moreover, while reading is [the key to getting smarter](#), speed-reading is really just a fancy way of fooling yourself into thinking you're learning something. In reality, you're just turning pages quickly. A May 2016 [review of studies on speed-reading](#), published in Psychological Science in the Public Interest, reported, "there is a trade-off between speed and accuracy. It is unlikely that readers will be able to double or triple their reading speeds (e.g., from around 250 to 500–750 words per minute) while still being able to understand the text as well as if they read at normal speed."

If you're reading fast, you're not engaging in critical thinking. You're not making connections between [Infinite Jest](#) and other post-modern texts; you're not challenging a historian's version of the American Revolution. You're not having a conversation with the author. And if you're not doing the work, you're only walking away with surface knowledge. [Reading should be mentally demanding](#). As Alexander Pope once wrote, "A little learning is a dangerous thing; drink deep, or taste not the Pierian spring; there shallow draughts intoxicate the brain, and drinking largely sobers us again."

I'd even go so far as to say that reading fast is worse than not reading at all. That's because speed-reading gives you two things that should never mix: superficial knowledge and overconfidence. That's a recipe for really bad decisions. And bad decisions, in turn, reduce the amount of free time we have, because we have to run around fixing all of our mistakes. When you think about it, a lot of people spend their days correcting their poor initial decisions. This gives you even less time to read. Whoops.

Here's the good news: you can find the time to read deeply. John Wooden, the Hall of Fame basketball coach, has a saying I love: "If you don't have time to do it right, when will you have time to do it over?"

That said, finding time to read is [simple, but not easy](#). So focus on a system of reading that enables you to not only read for understanding and knowledge, but that allows for large blocks of uninterrupted time. Set

aside an hour in the morning or evening, or during your lunch break. Block out your weekend mornings. Don't dabble—dive in.

As you engage in deep reading, you'll steadily build your knowledge of the world. Knowledge, in turn, allows you to read a little bit faster naturally, with true comprehension and retention. It also teaches you which books aren't worth your time, since they're just re-hashing old ideas and offer little value. [Hone your radar for a great book](#), be a little ruthless about culling the weak, and you won't ever waste time reading.

So in the months ahead, don't worry about how many books you're reading. Instead, focus on how much time you're devoting to them.

If you want to work smarter and not harder, join over 100,000 others and subscribe to [The Brain Food Newsletter](#). You can follow Shane on [Twitter](#) and [Facebook](#), and read more of his work at [Farnam Street](#).

Learn how to [write for Quartz Ideas](#). We welcome your comments at [ideas@qz.com](mailto:ideas@qz.com).

These are the best books Bill Gates read in 2016

Thu Huong Ha, an executive producer of the annual TEDxNewYork conference



Genes and shoes. (Courtesy Gates Notes)

The world's richest man is studying up on tennis and electrical grids this year.

Bill Gates, philanthropist and cofounder of Microsoft, has [kept up his reading](#) and book reviewing. Today he released an annotated list of [his favorite books](#) from 2016. They include David Foster Wallace's essays on tennis, and an argument for cooperative political leaders. Writes Gates, "They all dropped me down a rabbit hole of unexpected insights and pleasures."

See the titles chosen this year by Gates, with some notes from the voracious reader:

#### **[String Theory](#), by David Foster Wallace**

Gates says he's on a "big Wallace kick" right now. He jokes that the late writer's collection of essays "will make you look super smart" on a train or plane, as you'll appear to be reading about physics, even when you're reading about tennis. Writes Gates:

As much as I loved the book for its insights on the game, I loved it just as much for the writing itself. I now understand why people talk about David Foster Wallace with the same kind of awe that tennis fans use to talk about a Roger Federer or Serena Williams. Wallace's ability to use language is mind-blowing. He's an artist who approaches a canvas with the exact same oil paints everyone before him has used and then applies them in breathtaking new and creative ways.

Gates says he's on a "big Wallace kick" right now (though admits he still hasn't gotten through *Infinite Jest*.)

#### **[Shoe Dog](#), by Phil Knight**

Phil Knight recalls how, newly out of business school, he borrowed \$50 from his father to start the company that would become Nike. It's an "honest reminder" of the messiness and mistakes required for success in business, Gates says, praising Knight for his vulnerability and frankness:

...Knight opens up in a way few CEOs are willing to do. He's incredibly tough on himself and his failings. He doesn't fit the mold of the bold, dashing entrepreneur. He's shy, introverted, and often insecure. He's given to nervous ticks –snapping rubber bands on his wrist and hugging himself when stressed in business negotiations.

### **The Myth of the Strong Leader, by Archie Brown**

Political scientist Archie Brown challenges the idea that those with the most dominant ways of speaking make good leaders, and puts forth an argument for cooperative figures of power. Writes Gates, "Brown could not have predicted how resonant his book would become in 2016." He says:

Whereas most books about political leadership are chronologies, mapping the rise and fall of leaders over time, this one is more of a taxonomy. Brown takes a deep look at the traits and tendencies leaders exhibit, and the categories they fall into, as a way of understanding the egos, motivations, and behaviors responsible for so much progress, and so much suffering, in the world. Throughout, he presents a new way to think about today's challenges – and the people we entrust with solving them.

### **The Gene: An Intimate History, by Siddhartha Mukherjee**

New genome-editing tools are technologically incredible and ethically flummoxing. Gates turns to oncologist Siddhartha Mukherjee's book for a guide to the context of the gene. He writes of his favorite section, "Post-Genome: The Genetics of Fate and Future":

Within 10 years, it will be possible for clinicians to use genome editing to help people with diseases caused by a single faulty gene, such as cystic fibrosis—an unquestionably ethical use of this new technology. But what about making the repair in egg or sperm cells to save people from developing these diseases later in life? This form of therapy could be highly effective, but it would mean that children born from these sperm or eggs would pass along their genetically modified genomes to their own children—altering the human germ line and crossing an ethical Rubicon.

### **The Grid: The Fraying Wires Between Americans and Our Energy Future by Gretchen Bakke**

Cultural anthropologist Gretchen Bakke reimagines the US's electrical grid for contemporary values and with new energy sources in mind. Writes Gates:

Even if you have never given a moment's thought to how electricity reaches your outlets, I think this book would convince you that the electrical grid is one of the greatest engineering wonders of the modern world. I think you would also come to see why modernizing the grid is so complex and so critical for building our clean-energy future.

## 5 Must-Read Books That Are Required Reading at Harvard Business School

Jessica Stillman

Don't have time and money for an MBA? Try this workaround.

[Getting an MBA](#) at Harvard will currently cost you two years of your life and a little over \$150,000. That's a little rich for a lot of folks.

But thankfully, while there's no way to replicate the connections you'd get from actually attending, there are plenty of workarounds to help you learn a bunch of the wisdom that comes with a top-tier MBA at a tiny fraction of the cost.

Alumni have written up their [top takeaways from the experience](#), [free online options are available](#), or you could shell out a much smaller amount for [an online program](#) that [ends in a credential](#). Finally, thanks to the HubSpot blog there's now one more option -- just pick up the same books that Harvard MBA students are required to read.

In a useful post, writer Lauren Hintz lists some of the most [fascinating books she found in Harvard MBA syllabi](#) so you can nourish your brain with the same material as some of the nation's brightest business students. Here's a small sampling:

### **1. True North: Discover Your Authentic Leadership**

Who better to ask what it really takes to steer an organization than 125 of the world's top leaders? In [True North](#), former Medtronic CEO Bill George mines the best leadership minds and boils down their wisdom into five steps to authentic leadership.

### **2. The Money of Invention: How Venture Capital Creates New Wealth**

"[This practical guide](#) is written by two industry experts (Paul A. Gompers and Josh Lerner) about the problems entrepreneurs encounter when securing financing, and how the venture capital model can help businesspeople to resolve those issues," explains Hintz.

### **3. Many Unhappy Returns: One Man's Quest to Turn Around the Most Unpopular Organization In America**

Talk about difficult jobs! [This book](#) chronicles the efforts of newly installed IRS commissioner Charles O. Rossotti to turn around the public's perceptions and performance of his much loathed agency. If it was possible to pull that off, there's no such thing as a hopeless cause.

### **4. Unleashing Innovation: How Whirlpool Transformed an Industry**

Another dispatch from an unlikely organizational turnaround. In [Unleashing Innovation](#), author Whirlpool VP Nancy Tennant Snyder explains how the company managed to improve margins, expand internationally, and become more innovative.

### **5. Scaling Up Excellence: Getting to More Without Settling for Less**

Stanford's Robert Sutton and Huggy Rao distilled 10 years of research into how organizations can scale successfully to write [this bestseller](#), which Hintz notes is packed with interesting case studies.

You can get the rest of the reading list [here](#).

MBAs, what's the single most valuable book you read at business school? Why?

School of life: Teens should have summer jobs, the less glamorous the better  
Jenny Anderson, the New York Times



Taking applications. (Reuters/Cathal McNaughton)

Well-off kids who don't have to work or take care of a sibling during the summer can embark on elaborate journeys to find or foster their passion. They can volunteer for an HIV program in Africa, study health care in the Caribbean or immerse themselves in Mandarin in China. They can code at camp, hone up on [Graph Theory and Combinatorics](#) at Harvard or do an internship at the Stanford Medical School (beware: last year [1,300 kids applied](#) for 70 spots.)

Or, they could get a job.

Not an internship at their uncle's architecture firm, or a glorified filing job at their neighbor's investment bank: jobs like scooping ice cream or flipping burgers, where no kid is too special, they actually earn money, and they get to see life through a radically different lens.

"The lessons are huge," said [Richard Weissbourd](#), a lecturer and researcher at Harvard's Graduate School of Education. "You see how hard people work, how rude and unthinking people can be to them."

"It's a real lesson in how to treat people," he added.

Weissbourd, who [wrote a report](#) on how to change the college-admissions process to stem the insanity it breeds, said that many parents think that high-profile internships broaden horizons. Not so: "For many well-off kids, we are narrowing their options," he countered. "Those are the only jobs that are elevated as having meaning."

### **Will it help or hurt with colleges?**

Starting in high school, many parents wonder how to structure their kids' summers. The iterations are endless: academic enrichment or sports? Music or animation? Hip hop or gaming? Should parents let kids free-range it, and take a break from their amped up school-year schedules? Or should they hone up on biochemistry while prepping for the SAT and practicing the oboe?

And beneath all of that: What do colleges value?

“Colleges will forever find holding a job more attractive, and far sexier than going to Costa Rica to build houses and surf in the afternoons,” said Susan Warner, an independent college counselor in New York City.

Irena Smith, a former Stanford admissions officer who now runs a private college-consulting practice in Palo Alto, recalled a student whose stand-out essay was about her summers working in fast-food. “Given the population of students I see, she probably shone like a diamond in the applicant pool at Harvard,” she told the Atlantic.

The student was accepted at many Ivy League schools—not because of the job, but because of the way she viewed the world and captured it in her writing. But the job helped her develop the perspective. “Kids think summers are part of the community service Olympics, that it’s about finding a high-profile, impressive activity,” said Weissbord. “That’s not what colleges care about.”

### **Building character**

Colleges want kids who know who they are and what they want. Jobs can help with that.

Michele Borba, author of Unselfie: Why Empathetic Kids Succeed in Our All-About Me World argues that empathy builds resilience, but that empathy is a verb, not a worksheet: we have to work for it. She interviewed 500 kids for her book to ask them what helped them most in becoming more empathetic—the majority reported it was exposure to different views.

“We are more likely to empathize with those in our own social hub,” Borba said. More privileged kids live in more privileged hubs; the more exposure they get to differences, the better. “Exposure helps them see that others have the same feelings or likes or needs,” she said.

Kids with jobs have benefits for parents too. Teens often hate parents’ rules. But good luck to them if they try to challenge, or defy a boss managing a large staff of people living on the minimum wage.

“Any way you turn it, holding a job is one of the most important things an adolescent can do,” Warner said. They have to get up in the morning, manage their time and money, pay taxes, and be responsible to a schedule that neither kid nor parent designed.

### **Another perk: they have to put away their phones.**

For all its merits, admissions officials are not seeing a surge in real-world summer job experience. Bruce Poch, the former dean of admissions at Pomona College told me here that his colleagues in the admissions office used to joke:

“...that they were witnessing the ‘complete disappearance of summer jobs,’ especially among upper-income applicants who opted for “decorative” internships at places like investment banks, where they could work with friends of their parents.”

Instead of helping kids tailor the most impressive-sounding summer, maybe we should help them with a character-building one.

“A service job is an opportunity for well-off kids to have exposure to something they won’t at any other time in their life,” said Harvard’s Weissbord.

And you don’t have to pay for it.

Millennials, amirite? (Readers and leaders offer advice.)

I asked hundreds of entrepreneurs and business leaders of all generations how they thought Millennials were doing at work. Maybe I shouldn't be surprised at the reaction. Let's just say they had a lot to say.

So much in fact that I had to split their answers into two parts. [Part 1](#) was an examination of the words, phrases, and speaking habits Millennials tend to use that come back to bite them ([read it here](#), ICYMI). This is Part 2.

### **1. Not really understanding entrepreneurship.**

"Too many Millennials don't understand the difference between being an entrepreneur and doing something entrepreneurial. ... [W]e see so many stats about how many Millennials want to work for themselves someday because they've grown up in a time where the tech world has made them believe everyone can do everything. That's just not true. So what should they quit doing? They should quit thinking that working for themselves is the only way -- or even the best way -- to experience what it means to be entrepreneurial, make a big impact, and enact important change."

--Mike Maughan, head of insights, [Qualtrics](#)

### **2. Acting overly entitled.**

This one is almost a cliche at this point, but we still hear about it.

"The problem is, there's a correlation between self-motivation and self-entitlement, and a very thin line between confidence and arrogance. ... Millennials push themselves very hard, [and] their need for purpose causes a great deal of them to be intrinsically motivated. We just need to realize that sense of purpose that we have CREATED for ourselves is not more important than anyone else's."

--Reza Jafery, [Casual Solutions LLC](#)

### **3. Being overly certain.**

"We Millennials can be very confident, which can be electric and motivating to those around us--but only when it's actually authentic. Bottom line: If you don't know the answer to a question, don't pretend to be an expert. It's OK to be uncertain, and it's better to be honest about it rather than exude false certainty."

### **4. Lack of focus.**

"I'm a Millennial and I run a company where most of my staff consists of Millennials. The bad habit I'd like to mention is lack of focus due to constant distraction. Generation Y grew up in front of a TV, bombarded with new stimulus every 15 seconds. As a result, it's an uphill battle for many to regain the ability to retain focus for a long period of time. The web and mobile devices don't exactly help alleviate this habit either."

--Orun Bhuiyan, co-founder, [SEOcial](#)

### **5. Only being out for themselves.**

"Leading today is all about creating true collaboration and teamwork. This is not a strength of Millennials. ... I see it often--great technical expertise but no idea how to relate to people. Maybe it is/was all those hours on their smart phones."

--Lawrence Polksky, co-founder, [Teams of Distinction](#)

## **6. Refusing to pick up the telephone.**

"So much of business is still done by phone. ... You can't text a CEO to ask him to consider buying your product which you wrote as a string of emojis. Even if he thought it was a brilliant tactic, he'd likely pick up the phone to call you about it. Make sure you answer it and sound professional."

--Meagan Nordmann, [RiskSense](#)

## **7. Inability to take or give criticism.**

"They are often afraid to hurt someone's feelings instead of spark progress. ... On the flipside, Millennials also need to better understand how to take criticism. If I were to tell the average Millennial that he or she just created something that was a good try, but no--they would likely be upset. ... Millennials are a sensitive generation, the most sensitive in history, and [they] need to work to be less petty when it comes to reacting to what is said to them."

--Adam Lawrence, [StrollingWild](#)

## **8. Talking more than listening.**

"As a Millennial, our primary goal should be to ... learn as much as we can from other people. ... Not only that, if you want to build rapport with anyone, you need to show you're interested in what they have to say, and listening is an essential factor in developing rapport."

--Sean Kim, CEO, [Rype](#)

## **9. Acting too cool to care.**

"I've come across quite a few younger people with the notion that 'not caring' is somehow super cool. I think it's impossible to be successful with this outlook. In my companies, really caring and giving it my all is a huge part of what allowed them to grow and succeed."

--Louisa Levit, co-founder, [Unexpected Ways](#) and [Reliable PSD](#)

## **10. Freaking out when making mistakes.**

"I'm a Millennial, and my generation got gold stars for pretty much everything. Now we're in the working world where if you make a mistake and get called out for it, [it seems as if it's] almost a better idea to jump off a cliff than come into work tomorrow. Mistakes happen to everyone. ... They do not mean your career is over."

--Heather Taylor, freelance writer

## **11. Too much multitasking.**

As a Millennial ... we think we are very efficient at multitasking, but being in business has taught me that it is not always right to multitask or to hop on new projects like a bunny."

--Salman Aslam, CEO, [Omnicore](#)

## **12. Expecting too many perks.**

"Millennial candidates should forget what they see in the movies and read on social media, and focus on the career opportunity instead of the perks. If you don't work for a Silicon Valley tech giant, you probably won't have daily catered meals, a full-time barista, and free dry cleaning delivered to the office. Expecting (and asking for) those ... high-end perks can make a candidate seem out of touch and a potential prima donna."

--Lauren Bigelow, executive director, [Accelerate Michigan Innovation Competition](#)

### **13. Not properly owning their Millennial-ness.**

"Millennials should use their unique voices. Most of the consumer world is Millennial, and sharing the consumer's voice is valuable. However, you need to be articulate and crisp. Also, they should use the word 'awesome' in moderation. It's become the go-to Millennial phrase, but it's overused. Be youthful, but have a range of words that express excitement or pleasure."

--April Masini, [AskApril.com](#)

### **14. Not being willing to take time to learn.**

"I have been hiring positions [and] the requirements [include] a real estate license and a three-month training period. ... No Millennial we've encountered wants to take their time to train through a process, [so] our most recent hire has been someone in the Baby Boomer generation."

--Steven Clarke, [Steven Clarke Real Estate](#)

### **15. Not being able to disconnect.**

"Millennials make the best salespeople. ... They often don't see a hard line between their work and personal lives, which makes using social sites like Instagram and Twitter very effective for making business connections ... but this has also come at the cost of ever-important face-to-face meetings and networking. Millennials need to kick the habit of being tethered to their devices 24/7/365. There is something to be said for Millennials who know when to put down the smartphone and have an in-person conversation."

--Adam Honig, co-founder and CEO, [Spiro Technologies](#)

### **16. Not reading things carefully.**

"It seems like 'TL;DR' ... has extended to things that only require scrolling slightly on a phone. ... We've had many issues with Millennials applying for jobs without reading [the job descriptions]. We've had them requesting more information on our apartment listings, even though the information they were requesting was right before their eyes."

--Jeremy Schmidt, director of marketing, [RentCollegePads.com](#)

### **17. Not being present in conversations.**

"A common criticism of Millennials is that they are less likely to engage in face to face conversations in order to collaborate or problem solve, instead choosing social media, phone, or email. The consequence of this can be poorly developed social and communication skills, and a perception of rudeness and/or inconsiderate behavior."

--Keith Fowler, [Black Isle \(Europe\) Limited](#)

10 distinctive features of the Japanese education system that made this nation the envy of the world  
Brightside.me

Japanese people are known for their intelligence, strong health, politeness, and wellness. But why is this nation so unique and different from the rest of the world? We at Bright Side seem to have found the answer: they have an incredibly cool education system!

### Manners before knowledge.



[© carlosbarria / reuters.com](http://carlosbarria.reuters.com)

In Japanese schools, the students don't take any exams until they reach grade four (the age of 10). They just take small tests. It is believed that the goal for the first 3 years of school is not to judge the child's knowledge or learning, but to establish good manners and to develop their character. Children are taught to respect other people and to be gentle to animals and nature. They also learn how to be generous, compassionate, and empathetic. Besides this, the kids are taught qualities like grit, self-control, and justice.

**The academic year starts on April 1st.**



[© seejapan.co.uk](http://seejapan.co.uk)

While most schools and universities in the world begin their academic year in September or October, in Japan it is April that marks the start of the academic and business calendar. The first day of school often coincides with one of the most beautiful natural phenomena — the time of cherry blossom. The academic year is divided into 3 trimesters: April 1 — July 20, September 1 — December 26, and January 7 — March 25. Japanese students get 6 weeks of holidays during the summer. They also have two-week breaks in winter and spring.

**Most Japanese schools do not employ janitors or custodians. The students clean their school themselves.**



[© emaze.com](http://emaze.com)

In Japanese schools, students have to clean the classrooms, cafeterias, and even toilets all by themselves. When cleaning, students are divided into small groups and assigned tasks that rotate throughout the year. The Japanese education system believes that requiring students to clean up after themselves teaches them to work in a team and help each other. Besides, spending their own time and effort sweeping, mopping, and wiping makes kids respect their own work and the work of others.

In Japanese schools, school lunch is provided on a standardized menu and is eaten in the classroom.



[© treehugger.com](http://treehugger.com)

The Japanese education system does its best to ensure that the students eat healthy and balanced meals. In public elementary and junior high schools, the lunch for students is cooked according to a standardized menu developed not only by qualified chefs but also by health care professionals. All classmates eat in their classroom together with the teacher. This helps build positive teacher-student relationships.

**After-school workshops are very popular in Japan.**



[© novakdjokovicfoundation](#)

In order to get into a good junior high school, most Japanese students enter a preparatory school or attend private after-school workshops. The classes in these schools are held in the evenings. Seeing groups of small kids returning from their extracurricular courses late in the evening is common in Japan. Japanese students have an 8-hour school day, but apart from that they study even during the holidays and on weekends. It's no wonder that the students in this country almost never repeat grades in primary, lower secondary, or secondary school

Apart from traditional subjects, Japanese students also learn Japanese calligraphy and poetry.



[© midwestdojo.com](http://midwestdojo.com)

Japanese calligraphy, or Shodo, involves dipping a bamboo brush in ink and using it to write hieroglyphs on rice paper. For Japanese people, Shodo is an art that is no less popular than traditional painting. Haiku, on the other hand, is a form of poetry that uses simple expressions to convey deep emotions to readers. Both classes teach children to respect their own culture and centuries-old traditions.

**Nearly all students have to wear a school uniform.**



[© japantimes.co.jp](http://japantimes.co.jp)

Almost all junior high schools require their students to wear school uniforms. While some schools have their own attire, traditional Japanese school uniform consists of a military style for boys and a sailor outfit for girls. The uniform policy is intended to remove social barriers among students and get them into a working mood. Besides, wearing school uniform helps to promote a sense of community among the children.

The school attendance rate in Japan is about 99.99%.



[© ajari / flickr.com](https://flic.kr/p/2DwvLc)

Probably all of us have played truant at least once in our life. However, Japanese students don't skip classes, nor do they arrive late for school. Moreover, around 91% of pupils in Japan reported that they never, or only in some classes, ignored what the teacher lectured. How many other countries can boast such statistics?

**A single test decides the students' futures.**



[© japantimes.co.jp](http://japantimes.co.jp)

At the end of high school, Japanese students have to take a very important exam that decides their future. A student can choose one college they would like to go to, and that college has a certain score requirement. If a student doesn't reach that score they probably don't go to college. The competition is very high — only 76% of school graduates continue their education after high school. It's no wonder that the period of preparation for entrance to higher education institutions is nicknamed 'examination hell.'

**College years are the best 'holidays' in a person's life.**



[© Chris 73 / wikimedia.org](#)

Having gone through 'examination hell,' Japanese students usually take a little break. In this country, college is often considered the best years of a person's life. Sometimes, Japanese people call this period a 'vacation' before work.

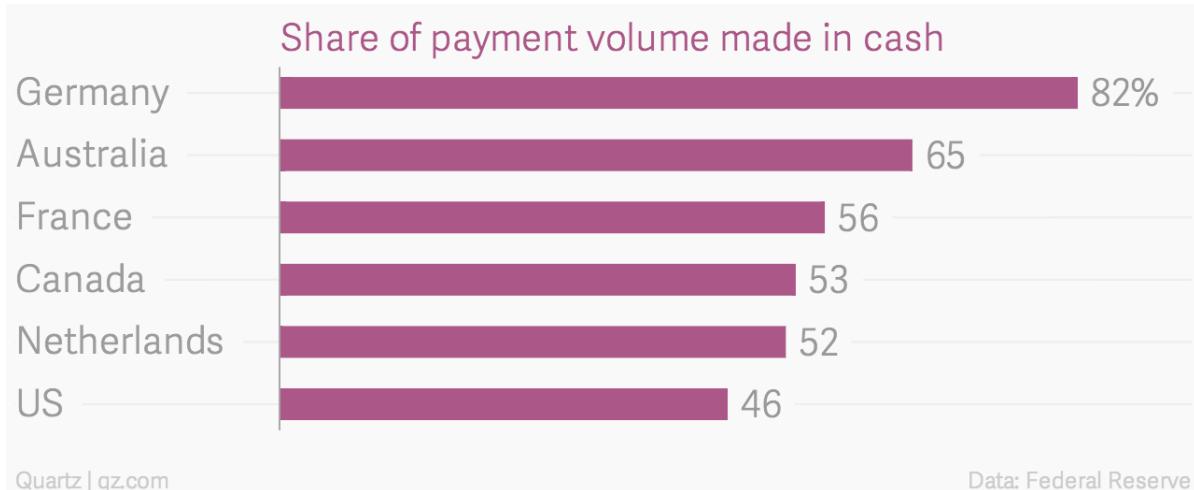
## Why Germans pay cash for almost everything



He's almost certainly carrying cash. (Fabrizio Bensch)

As banks, technology giants and would-be disruptors such as Square scrum over the payment system of the future, German consumers seem perfectly happy with the payment system of the past. Germany remains one of the most cash-intensive advanced economies on earth.

On average, wallets in Germany hold nearly twice as much cash—about \$123 worth—as those in Australia, the US, France and Holland, according to [a recent Federal Reserve report](#) on how consumers paid for things in seven countries. Roughly 80% of all transactions in Germany are conducted in cash. (In the US, it's less than 50%.) And cash is the dominant form of payment there even for large transactions.



No one knows precisely why Germans have such a strong preference for cash, though survey data offer some hints. German respondents suggested that using cash makes it easier to [keep track of their money and spending](#) [pdf].

"A glance into one's pocket provides a signal about the extent of expenses and the remaining budget. With a large cash share of expenditures, the quality of the signal is high. We conjecture that for some consumers this signal is of value and hence they choose to use cash," wrote ECB analysts who studied the phenomenon.

Other responses suggest Germans like the anonymity of cash, in keeping with their general enthusiasm for [tightly protecting privacy](#).

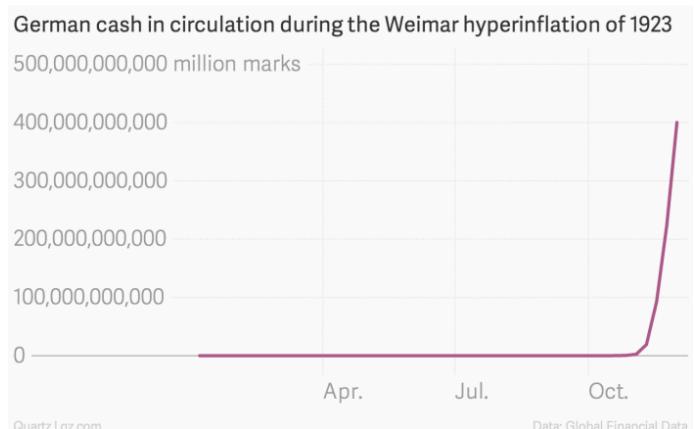
But, of course, their attitudes toward currency must owe something to Germany's tumultuous monetary history. During the Weimar-era hyperinflation that peaked in 1923, prices rose roughly a trillion-fold, as Germany attempted to pay its onerous war reparations with devalued marks.

At the end of it, [a loaf of bread cost 428 billion marks](#), a kilo of butter would run you roughly 6 trillion. Employers would halt work in the middle of morning to pay out bales of banknotes to workers—who sometimes collected them [in laundry baskets](#)—and the workday would be suspended for an hour or so as employees were given time to run around and purchase as much as they could before the money became worthless. (They would barter it later.) And, of course, people were using the worthless banknotes for all sorts of silly things, such as [wallpaper](#), [furnace fuel](#) and [kites](#).

*The sheer lunacy of the sums involved make this everyone's favorite hyperinflation.*



Weimar wallpaper, 1923. (Deutsches Bundesarchiv)



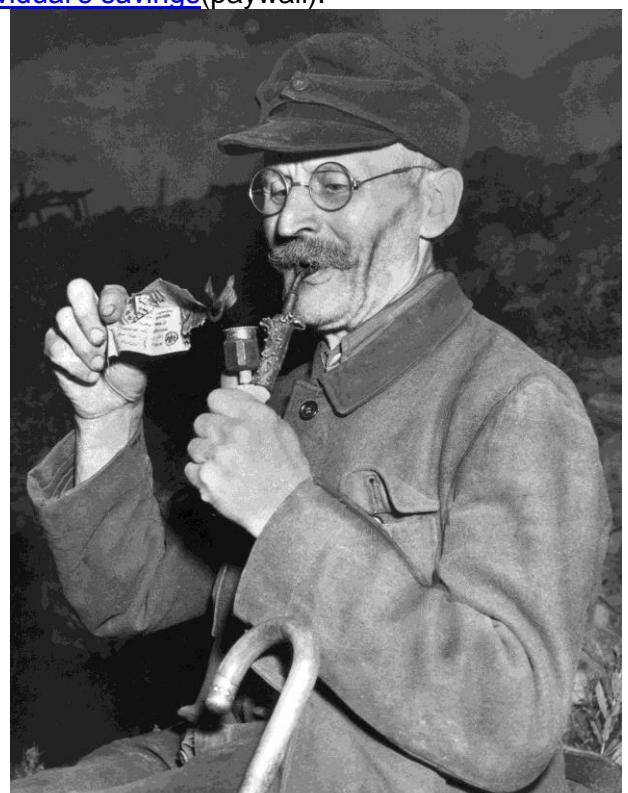
But this wasn't the last time Germany's currency was rendered worthless in the 20th century. After World War II, the reichsmark was again in disarray. Hitler had largely financed the war by printing money, keeping inflation at bay through a uniquely fascist policy of strict price controls and violent threats. ("Inflation is a lack of discipline," [Hitler once said](#). "I'll see to it that prices remain stable. That's what my storm troopers are for.")

During the postwar occupation, the Allies kept wage and price controls and rationing in effect. But more and more economic activity [moved to the black market](#). Packs of Camels and Chesterfields, nylon stockings and Parker pens—which US servicemen stationed in Germany could easily buy at their bases—became de facto currencies.

The currency reform of June 20, 1948, in which Germans were forced to convert their cash into the newly introduced deutsche marks at a rate of more than 10 reichsmarks to the D-mark, was painful too, vaporizing [more than 90% of an individual's savings](#) (paywall).

But the new currency helped pull hoarded goods back into shops and tamped down on the enervating effects of the black market. It was widely viewed as a tough, but necessary step that put Germany's post-war economic resurgence in motion.

As such, the deutsche mark became a point of pride, first for West Germany, and in 1990 for those who lived in the former Communist east as well. (They were able to exchange their worthless ostmarks for deutsche marks at a generous rate of one-for-one.) It was with some consternation that Germany changed over to the euro in 2002.



*A man lights his pipe with a useless reichsmark, on June 20, 1948, the day the deutsche mark was introduced. (AP Photo)*

So what role does this history play in the preference for cash?

One explanation is that, as researchers have found, memories of hyperinflation have [quite a bit of staying power](#). People in countries that suffered banking crises quite sensibly often prefer to save in cash—though typically in foreign currencies such as US dollars—rather than put money in the bank. (Federal Reserve Bank of New York economists found that demand for US dollars [rises for at least a generation](#) in countries after they suffer a searing experience with high inflation.) And countries such as Bulgaria and Romania, which have recent histories of currency instability and financial crises, also are quite heavy users of cash.

But the real point isn't that Germans love cash. It's that—for the same historical reasons—[they loathe debt](#). (Armchair anthropologists have also long noted that German word for debt—Schulden—comes from the word for guilt, Schuld.)

Levels of consumer debt in Germany are remarkably low. German aversion to mortgage debt is part of the reason why the country has some of the [lowest homeownership rates in the developed world](#). Just 33% of Germans said they had a credit card back in 2011. And most of those hardly ever get used. In 2013, only 18% of payments in Germany were made via cards, compared to 50% in France and 59% in the UK.

The national preference for cash, then, seems to be the flip side of aversion to debt, which, in turn, can be interpreted as a sign of deep-seated doubt about the future. (German businesspeople are also[notorious for their pessimism](#) about the future.) And fear of the future, of course, is rooted in the past.

In other words, the German tendency to settle up in cash undeniably reflects the fact that for much of the last century, Germany has been either on the brink of, in the midst of, or struggling to recover from, disaster. And traumas like that are bound to leave, if you'll excuse the pun, a mark.

Double trouble: Your brilliant Kickstarter idea could be on sale in China before you've even finished funding it  
Josh Horwitz

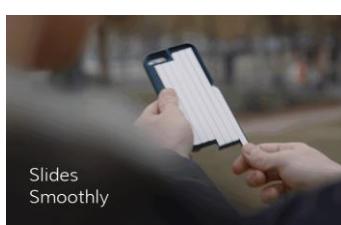


Shenzhen, China's hardware manufacturing hub. (Reuters/Bobby Yip)

The Israeli entrepreneur had spent one year designing the product that would make him rich—a smartphone case that unfolds into a selfie stick. He had drawn up prototypes, secured some minimal funds from his family, and launched a crowdfunding campaign. He even shot a professional promo video, showing a couple taking the perfect selfie in front of the Eiffel Tower.



1



(Stikbox)

Yekutiel Sherman couldn't believe his eyes.

But one week after his product [hit Kickstarter in December 2015](#), Sherman was shocked to see it for sale on AliExpress—Alibaba's English-language wholesale site. Vendors across China were selling [identical smartphone case selfie-sticks](#), using the same design Sherman came up with himself. Some of them were

selling for as low as \$10 a piece, well below Sherman's expected retail price of £39 (\$47.41). Amazingly, some of these vendors stole the name of Sherman's product—Stikbox:



6 Colors Available  
Bluetooth and Phone Case  
iPhone6s/Plus Stikbox Selfie Stick  
**US \$15.48 / piece**  
Shipping: US \$2.08 / lot via AliExpress  
Standard Shipping  
Orders (0)



8 Colors Available  
iPhone6s/Plus Case Bluetooth  
Stikbox Selfie Stick Stand Cover  
**US \$12.99 / piece**  
Shipping: US \$52.48 / lot via DHL  
★ ★ ★ ★ (5) | Orders (12)



8 Colors Available  
Portable Fold Phone case  
iPhone6s/Plus Case Bluetooth



6 Colors Available  
iPhone6s/Plus Bluetooth Stikbox  
Selfie Stick Case Stand Cover

Sherman had become a victim of China's lightning-fast copycats. Before he had even found a factory to make his new product, manufacturers in China had spied his idea online, and beaten him to the punch. When his Kickstarter backers caught on, they were furious. "You are charging double the price for what the copycats are charging, yet I seriously doubt the final product will be any better than the copycats," [one person commented](#).

Years ago, experts in the hardware industry would have had more sympathy for Sherman. Now, no one does—not even Sherman himself. While discussions of intellectual property in China's manufacturing centers once focused on how brands and investors could protect their designs from China's rapacious copycats, things have changed. Startups and foreign manufacturers are embracing a new reality—someone in China is going to make a knockoff of your unique invention, almost immediately. All any company or entrepreneur can do is prepare for it.

### The origins of copycat culture

China's knockoffs come in many different forms, and can affect businesses large and small.

In some cases, factories will make products that physically resemble ones made by prominent brands. Quality may vary—an Android phone with rounded edges and a stamped-on Apple logo will never come close to replicating the feel of an iPhone. But a counterfeit Gucci bag might easily pass for the real thing.

Sometimes, as was the case with Stikbox and [the hoverboard](#), a factory or design team will spot a fledgling new product on the internet, figure out how it's made, and start churning out near-identical products. Other times, a Chinese partner factory will produce extra units of a product they agreed to make for another company, and sell the surplus items themselves online or to other vendors.

Jack Ma, founder of Alibaba, drew criticism when he [told investors in June](#) (paywall) that fake goods “are of better quality and of better price than the real names” and come from “exactly the same factories” as authentic goods. But there’s some truth to his comments. Fake goods “are of better quality and of better price than the real names,” Jack Ma said.

Many analysts and historians have attributed Chinese counterfeiting to perceived aspects of Chinese culture like its emphasis on [memorization in education](#), or an[authoritarian government that stifles innovation](#). But rather than these reductions of culture, it has more to do with the evolution of China’s gadget and electronics manufacturing hub of Shenzhen, explains Silvia Lindtner, who researches Chinese entrepreneurship culture at the University of Michigan.

The city’s rise throughout the ’90s and early ’00s coincided with a boom in outsourcing among global multinational corporations. Instead of overseeing all the manufacturing of all the parts inside a product, large global hardware companies signed contracts with local manufacturers in Shenzhen to make and design products piecemeal. These contractors would then turn to smaller sub-contractors to help fill orders.

Many of the factories involved in these fragmented supply chains were small, family-owned entities operating without government approval. As they worked together, they realized they could do more than just supply parts that ended up in name-brand hardware. They could create rival products on their own, and reach customers who were too poor to buy a Nokia phone or Apple iPod, said Lindtner.

They banded together, at times sharing the recipes for specific electronic devices on online message boards. Thus began the shanzhai phenomenon, a word that literally means “mountain fortress,” but came to stand for products that skirt existing intellectual property laws. Phones and consumer electronics with names like “aPod” and “Nokla” flooded the market in the late ’00s.



A “*shanzhai*” iPhone lookalike tablet running (likely a pirated version of) Windows software. (Reuters/Bobby Yip)

### Open-source manufacturing

The shanzhai era in consumer electronics gradually faded as incomes rose and brand-name smartphones became more affordable. But it enforced a culture of knowledge-sharing among manufacturers, wherein no single product design is sacred. Lindtner compares the culture of Shenzhen’s manufacturing ecosystem to the open-source movement among software developers. Much like how programmers will freely share code for others to improve upon, Shenzhen manufacturers now see hardware and product design as something that can be borrowed freely and altered. Success in business comes down to speed and execution, not necessarily originality.

"It's understood that re-iterating or copying is part of the culture, and whoever is better and faster is going to make the deal," said Lindtner.

Nowadays, China's copycat phenomenon extends well beyond multinational corporations like Gucci or Nokia—startups are affected too. Thanks to the internet, factories and designers looking for the next hit product can easily turn to Kickstarter, Amazon, or Taobao to see what gadgets are hot. They message each other instantly using WeChat, China's dominant chat app, or Alibaba's chat software, which makes sourcing and assembly line planning even easier than in the pre-smartphone days. Factories turn to Kickstarter, Amazon, or Taobao to see what's hot.

"The whole Chinese system has developed around the idea that you have instantaneous communication and basically infinite information," said Bunnie Huang, author of [The Essential Guide to Electronics in Shenzhen](#). "Back in the '80s people were talking about 'just-in time' manufacturing" as something to aspire to, he said. "But now, the Chinese don't even know any other way."

### **Enforcement is impossible**

Businesses can take certain legal precautions to reduce the risk of getting copied. A first, crucial step, according to Song Zhu, who litigates IP disputes between US and Chinese firms at California-based law firm Ruyak Cherian LLP, is to apply for utility and design patents for a product that's valid in the US, China, and anywhere else one hopes to sell.

Entrepreneurs should also sign "NNN agreements" with potential Chinese partners before revealing any intellectual property. This contract prevents partner factories from using the intellectual property themselves after first view ("non-use"), sharing it with others ("non-disclosure"), or inking a partnership and then selling extra units on their own ("non-circumvention").

But even with these protections, there's no guarantee that you can stop someone from copycatting your product. Zhu said that the problem lies not in China's courts, but enforcing rulings. Winning a case against one factory is relatively easy. But suing every factory and winning is expensive and time consuming. Suing every factory and winning is expensive and time consuming.

"There are probably hundreds of small factories who might see a product on the internet and think 'Hey I can do this,' said Zhu. "How are you going to shut down all of them? How can you even find out where they are? And the money you spend suing them is more than you can get out of the lawsuit."

This is now the position Sherman finds himself in with Stikbox. While he hasn't pursued legal action yet, he said he spends 20% of his time tracking down copycat factories through China's giant e-commerce sites. It sometimes takes him up to five days to figure out one factory's location.

"The copycat factory doesn't show its address on Alibaba, only a trading company who represents them. Sometimes you have to track down two or three trading companies before you get to the actual factory," he told Quartz.

### **Your great idea doesn't matter**

The spread of copycat manufacturing isn't just creating headaches for hardware companies and startups. It's challenging traditional notions of intellectual property—specifically, what type of ideas are valuable, and what type of ideas are not.

Decades ago, a company or entrepreneur might come up with an idea and then spend years securing the patents, completing the design, devising a manufacturing plan, and bringing it to market. Enforceable contracts with partners helped ensure these ideas wouldn't leak to competitors—but so did the high cost of starting a factory, sourcing components, and managing assembly lines.

Moving the world's manufacturing center to China makes the latter hurdles nearly disappear. Factories are set up in makeshift buildings. Cheap labor is abundant. Sourcing components is easy because of online marketplaces like Alibaba. As a result, smart ideas that are easy to turn into physical products become commoditized quickly.

Businesses are now forced to come to terms with this new reality. It's not enough to create a product with a groundbreaking design or features, like a smartphone case that turns into a selfie stick. Companies dealing in the creation of physical goods now must make products that are impossible to copy exactly from the get go, by focusing on a special feature they can protect, or creating a coveted brand name consumers will pay more for.

"If you have a simple product that has some market demand, you will get copied," said Benjamin Joffe, who works with hardware startups that are manufacturing in China at HAX, a venture capital fund. "The question is more, what do you actually have that's defensible?" What do you actually have that's defensible?

Companies can defend themselves from copying by investing in software that complements physical hardware, and then guarding it. Apple, for example, does this with the iPhone, which carries the proprietary iOS operating system that's unavailable on other phones. Or they can invest in well-crafted branding and marketing. GoPro, for example, has made a name for itself among its target user base of sports and photography enthusiasts. This can help insulate it from competition from Korea's LG, Xiaomi, and small Chinese knockoff factories. (Sure, there are plenty of fake GoPros out there, but some consumers will pay more for the real thing.)

Alternatively, a company can make a product that requires sophisticated manufacturing know-how, so that the average factory wouldn't bother trying to copy it.

Hong Kong-based startup Native Union, for example, created an earpiece for smartphones that looks like an old-fashioned, crescent-shaped landline phone receiver. It was clever, but got copied immediately. Founder Igor Duc later changed the company's direction and began making a totally different product—smartphone cases made out of Italian marble that sell for \$80 each. They're more difficult to make than the average consumer electronic device, which prevents copycats from surfacing.

"When you use complicated raw materials like marble you need to have a lot of expertise about what is good quality, and you need to shave it with a very specific machine," said Duc. "Whereas a plastic injection is easy to copy, what we do now is more complex."

### The bright side of copycats

Joffe, the venture capital investor, argues that some companies might even benefit from copycatting, as it can bring more awareness to the product itself. "If you have more customers buying the fake product then it creates more awareness for the real product, and it becomes an aspirational thing. At some point they might be able to afford the real thing."

This is what Sherman reminds himself of, as he scrambles to fulfil orders while his empty-handed Kickstarter backers ponder buying a fake from Taobao instead.

"There are other selfie stick cases but we are the only ones that have been copied. So it shows that our product is worth being copied," he said. "The quote that comes to mind is, 'Imitation is the sincerest form of flattery.'"

Yet Sherman estimates that he has lost "hundreds of thousands" of dollars in potential revenue due to copycats. Imitation isn't just a sincere form of flattery, it's an expensive one as well.

# IELTS Speaking Script: 60 answers

## PART 1

Bring things

### 1 What will you bring when you go out?

I'll bring my wallet in which the most important thing will be a card bearing personal contact information. In case of accident, someone will be able to contact my family. Driver's license or other IDs help, but only if they have the current address. Plus, it won't show who to contact in case of emergency. So I'll write important contacts on this card.

For longer travels, I think I'll bring a small bag with the most necessary pills and medicine I might need. After all, nobody wants to suffer a **punishing headache**, **high-climate fever**, **upset stomach** or all three during a holiday.

### 2 Did you ever forget to bring things?

Of course, things often go like this. You've gone out of the house and have already been on your way when **all of a sudden** you remember all of the things you forgot to bring and now need. For example, I often forgot to bring with me a bottle of water. Buying and storing plastic water bottles is annoying (and wasteful), so I'll have to put it on my checklist to **counter my absent-mindedness**.

### 3 Will you bring different things in the daytime or at night?

Well, warm clothes and a flashlight are obviously what you would need when going out at night. Of course, you may not need warm clothes on a hot summer night; and today a smartphone can do the job of the flashlight/or the torch. However, day or night, we all need to prepare for the worst weather, so I'll always keep a trusty umbrella at hand when going out.

Shoes

### 4 Do you like shoes?

Girls: Absolutely. A great pair of shoes can add a bit of fun or spark to an **otherwise bland outfit**. I even go as far to think that shoes is a one of the therapies that help me **get over all the stresses** and strains of a long day.

Boys: Yes and no. Whether you're running for fun or competitively, having the right kit is a must. Not only will it greatly reduce your risk of injuries, but it'll help you to really **look the part!** So I must say running shoes are my favourites. For other types of shoes, I am a bit rusty, though someone says that a guy's footwear you can tell a lot about his personality without even speaking to him.

### 5 Which do you prefer, comfortable ones or fashionable ones?

It often happens like this. I keep asking myself. How much am I prepared to sacrifice comfort to achieve the style that I like? Or will I sacrifice on my ideal style and go for a more comfortable look. I haven't **made up my mind** yet. For women, I am happy to see that many now **vote with their feet against high heels**, grown-ups dress to please themselves and want to feel comfortable, and for the majority that doesn't involve wearing high heels.

### 6 Are people willing to buy expensive shoes?

I must say...yes. The physical appeal of luxury goods is undeniable – the leather is softer, the shoes are more comfortable; of course, the price tag is often **off-putting**. Unless you've got a good job or fantastic

savings habits, luxury consumer goods will ***sit on your credit card*** for a long time. Anyway, you know, it's well-known that people don't behave rationally.

## Television

*7 Did you often watch television when you were a child?*

Unfortunately...yes. I watched TV most of my waking time; I watched everything from cartoons to news or TV series. I thought screen time was a major issue for my parents. I read somewhere that watching too much TV affects brains; I'll try my best to guide my children through their childhood with books and ***keep the telly at bay***.

*8 Do you often watch TV recently?*

Not really. In fact, I started my TV-free life a while ago. Since the day I entered university, I watched less and less TV. When I started work, I stopped watching altogether because I was so busy. It remains that way even today. And truth be told, my life didn't crash from not watching TV.

*9 What kind of TV programmes do you like most?*

Lately I've found myself liking horror, thriller shows; anything with mystery and a good story. Horror to me is more exciting. The plot is usually good as well. How to get away with murder has a nice mystery to it and a good plot. I like shows that give me anxiety.

## Housework

*10 Do you do housework at home?*

Oh yes, though I don't fancy doing chores. Let's face it -- certain things just have to get done in your home, like laundry, basic cleaning, meal preparation, cooking, bill paying, and a plethora of other tasks. This is especially true once you have kids, which seems to vastly increase the amount of housework needed.

*11 What kind of housework do you often do?*

Cooking – I even call it kitchen therapy. At the end of a long workday, one of my favourite ways to unwind is by slicing and dicing vegetables for dinner. The steady chop, chop, chop of my knife against the cutting board ***quiets my mind*** and ***soothes my soul***. Cooking is meditation with the promise of a good meal afterward.

*12 Did you do housework when you were a child?*

Oh, yes, I did. Like anyone, I don't like to do chores; however, whenever I groaned about it, my mom said "You're part of the family. We need you to help." And she's right, helping made me feel part of the family and contributing to all of our ***greater good***.

*13 Do you think that children should do housework?*

I can't agree more. Children who do have a set of chores have higher self-esteem, are more responsible, and are better able to deal with frustration and delay gratification, all of which contribute to greater success in school or later in their lives. Doing chores gives a child the opportunity to give back to their parents for all you do for them. Kids begin to see themselves as important contributors to the family. They feel a connection to the family.

## Dream

*14 Do you remember your dream when you wake up?*

Sometimes yes, the other times, no. I don't care much about whether I can recall a dream or not, so long as I have a good sleep, though some people even say that dreams are a gift and deserve to be remembered.

#### *15 Do you like hearing others' dreams?*

Dreaming is the easiest and the most enjoyable thing ever. Listening to others' dreams motivates me. Sometimes I inspire to others' dream. Where there is dream, there is hope. And where there is hope, there is happiness.

#### *16 Do you think dream will affect life?*

Dreams not only can affect our relationships, behaviour, and moods but they also can serve as a guide to our emotions that sometimes, we can't even express. This is especially true when you have bad dreams; in fact, bad dreams can trigger fear and insecurity and these feeling may take a long time to go away.

#### *17 Do you want to learn more about dreams?*

I would say no. Let me think about a reason. Dreams or things related to psychology are not **my cup of tea**. A dream is broken with the dawn and may never reoccur; there may be hundred such mysterious dreams. So I'd rather go back to real life as quickly as possible after a sleep, other than sticking to a dream.

History

#### *18 Do you like (to learn about) history?*

History was always my best and favourite subject in school. I found it much more interesting than math which **bored me to tears**. I always get upset when people say history is boring, stupid and not an important subject. There are two important reasons for my love of history. One, if we forget our mistakes from the past we will repeat them. Two, our ancestors struggled and sacrificed for us. We owe it to them to understand who they were and what they dealt with in their life. (I love working on my family tree).

#### *19 What historical event do you find most interesting?*

Oh, that's a big question; please give me a second to think about an answer. Well, I would pick the World War II as the most interesting, the most tragic historical event. It's interesting in the sense that we can **draw endless lessons from it**. Here are a few: Fanatics of any kind should not be allowed anywhere near political and military power. Nuclear weapons should never, never-ever, never-ever-ever be used. And "ordinary" people can be more heroic and brave than one would expect.

#### *20 Do you think history is important?*

History is important because it allows us to understand our past, which in turn allows us to understand our present. People often say that "history repeats itself," then if we study the successes and failures of the past, we may, ideally, be able to learn from our mistakes and avoid repeating them in the future.

#### *21 Do you like to watch programs on TV about history?*

It depends on what you mean: shows that try to educate the audience about historical topics, or pure fiction based on historical topics. As to the first, there are very few shows that can do that at a level that I believe is useful. It's very common, for example, to simply take any film from a period and edit it into the narrative, without researching whether it is authentic or accurate. As to movies based on historical subjects, I enjoy them. However, it can be harmful over time, because people tend to understand history more from popular culture than from the work of historians.

#### *22 How (or, from where) do you get information about history?*

I am keen on learning about history by reading books. A good history book will show history with more **of a human touch**, then history can be shocking, and funny, and sad — and even if you don't remember all the

dates and faces, it can leave you knowing more about the world. It's totally different from boring history classes in school.

#### Leisure time

##### 23 When do you have free time?

It's hard to answer the question to separate my free time from my busy time. It's because many of the things that are on my "have to do" list are also things that are things that I want to do, especially cooking (I love food) and cleaning (I love neatness). That said, I have a fairly open schedule. However, for me the life-work distinction is fuzzy, almost invisible but I'd have to say I can spend maybe 4-6 hours a day, waking time that is, doing whatever I want. Since sleep is also something I enjoy, that's a **big chunk of time** doing something nominally fun also. So, for your question.

##### 24 Do you think it's important to have leisure time?

Oh, it's absolutely vital to have leisure time. How people spend their free time can actually have a big impact on their success in the professional world. I learn that successful people tend to spend their free time in ways that enrich their body and soul. They Exercise. They Read. They Take Classes. They Volunteer. They Network. They Spend Time With Friends and Family. You can't do all of these if you are busy with work, that's why leisure time is important.

##### 25 How does that (the way Vietnamese people like to relax) compare with western countries?

It's too broad a question; I can only compare Vietnam and the UK, a Western country that I've been to. In both countries, sports and physical recreation are popular. Local governments provide cheap sport and leisure facilities such as swimming pools, tennis courts, parks and golf courses. People go to watch other people play sports like football or take part in sports themselves. Oh, there's a huge difference between Vietnam and the UK. In Vietnam, everyone loves karaoke and opening karaoke shops can give one a fortune, but karaoke singing is not as popular in Britain, from what I experienced.

##### 26 Do your friends ever come to your home in their free time?

Yes, of course, I love playing host to buddies. They make me **burst into laughter** when I'm **down in the dumps**. They're there to **slap me on the back** and **raise a glass** when I have good news. And because they play a starring role in some of my most precious memories. So, yes, I do have friends come to my home in their free time.

##### 27 Compare the way people in Vietnam relax today and the way they used to relax years ago.

That's a tough one, let me think a bit. Yes, one thing that you can see a big difference between today and the past is the habit of seeing films in cinemas. In the past, Vietnamese cinemas used to be typically Soviet-style halls with underpowered projectors, showing second-run Hollywood or Hong Kong films, with Vietnamese voice-overs read in a single monotonous voice. Today, Vietnamese teenagers crowd into multiplexes showing international hits such as Avatar with first-rate dubbing or subtitles, Dolby sound and even 3D. So years ago, movies were not very popular as form of entertainment, today watching blockbusters in cinema is an easy way to kill time in my country.

#### Mirror

##### 28 Do you often look at yourself in the mirror?

Girls: Very often, a lot, I can't count (laugh). I want to see if my face is clean, my hair looks good, do I have any new pimples, or whether that new wrinkle cream appears to be having any results. I read somewhere that women are much more critical of their appearance than men and much less likely to admire what they see in the mirror.

Boys: Twice a day, I think. Any way I look in anything that I can see my reflection in when I pass it by. I read somewhere that males 'mainly' look at their appearance to admire themselves and the body parts they like the most. And this is true to me; I look in the mirror and say 'Oh, great!'

### *29 Do you often buy mirror?*

Well, actually, no, I don't often buy mirror. I have to say I've never bought any mirror. Mirrors are durable and last a lifetime, so I just don't have a chance to buy a new one.

### *30 Do you think mirrors are necessary ornaments?*

Yes, mirrors are important in any building, I think. Using mirrors is a well-known interior design technique often employed in small rooms or apartments. For cramped quarters, mirrors help provide the illusion of space, making it look wider and larger. Its characteristics – luminance and inability to deteriorate, corrode, stain or fade – make it one of architect's most favoured cladding.

## Sports

### *31 What sports do you like? (Why?)*

I am a big fan of swimming. When I'm in the water I'm truly myself, ***floating free of any worries***, self-consciousness or physical discomfort. I have no reasons for pestering the pool. Being immersed in water is a great stress reducer and allows me to relax, escape reality and ***switch off from the rest of the world***. In addition, I learn that swimming releases feel-good hormones into the bloodstream, leaving us with a natural high after a work-out.

### *32 What sports are the most popular in Vietnam?*

Number one is football, undoubtedly. Vietnamese people love their national football team, so a loss of the team can be a big upset while they ***would throw big celebrations over a win***. Sadly national football has been blackened by riots, dead fans and match-fixing over the past few years. For number two, it's more difficult to pick. Oh, yes, I would say the second most popular sport in Vietnam is martial arts of all forms.

### *33 Are boys and girls good at the same sports?*

We can't compare because boys and girls are often put in single-sex competitions. I also think it's very difficult to compare individuals when it comes to physical performance, even in one gender, so I would avoid comparison altogether.

### *34 What sports do children prefer?*

Frankly, I don't know 'coz I have no experience with kids. Let me think, oh yes, my nephews love bicycling, swimming. I believe that these sports bring great fun and contain less contact than sports like football, hockey or wrestling. When they get older, they can play team sports like football or basketball. Aside from being fun things, sports are all good for teaching children a number of values like working with others, responsibility and social skills.

### *35 Do you like to do daily exercise? (Why? Why not?)*

Yes: I like to exercise most of the time but I don't do it as often as I could. I like to exercise because it makes me feel healthy and in shape. Exercise just makes me feel like I am doing something right for myself, but sometimes after a workout I'm a little sore which hurts but means that I'm getting healthier.

No: Sometimes I like to exercise and sometimes I don't. It really depends on how I am feeling. For example, when I may feel lazy, I encourage myself to exercise. During the exercise, I feel motivated and healthier. However, doing exercise has not been made a habit; I think that's why I sometimes don't feel like doing it.

### *36 What are the advantages of doing regular exercise?*

I think it would take me a day bragging about benefits of regular exercise. Exercise can help prevent excess weight gain or help maintain weight loss. And it doesn't cost much, for example, I can take the stairs instead of the elevator, and it's truly a physical challenge. What else's? Exercise improves mood and boosts energy because it delivers oxygen and nutrients to tissues and helps the cardiovascular system work more efficiently.

### *37 Where do people in Vietnam usually exercise?*

I don't know about other cities, but here in Hanoi, the Sword Lake or parks is where you'll catch the locals out and about exercising, jogging, dancing, and doing their morning tai chi. The image of people doing exercise either in the park or around Hoan Kiem Lake has been the typical picture of this capital city and it has got to most people's memory no matter they are tourists or Hanoians. Funnily, this has made a vivid culture of Hanoi.

### Birds

#### *38 How do you feel about birds? (Why do you feel that way?)*

I feel relaxed and envious at the same time. I envy their ability to fly wherever they want, but it brings me a good feeling when seeing them stretch their wings high above. This explains why I hate seeing caged birds; I can't bear seeing them in confinement.

#### *39 How do Vietnamese people feel about birds?*

Generally speaking, Vietnamese people love birds and they are fond of keeping birds as pets. It's not uncommon to find cafés for bird lovers in big cities where you can sit in a garden and enjoy listening to songbirds. Like people anywhere in the world, people here find birdsong relaxing and reassuring. Over thousands of years, we have learned that when birds sing, they are safe.

#### *40 Are there many birds near your home?*

No, I live in a city so it's harder to catch a glimpse of birds when you are surrounded by houses and traffic. Luckily, many families in my neighbourhood keep birds as pets and I can hear them singing every morning. It helps me feel relaxed.

## PART 3

### Food & Café

#### *1 Which one is better: home-made foods or foods from a restaurant?*

I would say home cooked foods are better. Eating at home allows you to control the ingredients in your food, so you can use natural ingredients instead of unhealthy processed foods. Processed foods which are often served in restaurants tend to be high in sodium, fat and added sugars. Also, I value homemade foods for their economic benefits. Eating at home is cheaper than going to a restaurant or buying pre-cooked meals.

#### *2 Why do people today go to café so often?*

I love sitting in café, so I totally understand why many people go to café so often. First, people don't always go to coffee shops just for a drink, but to spend time with friends or read a book. This "coffee shop culture" is very popular in Vietnam and in many other countries. Second, most coffee shops have a cosy atmosphere. They are places where you can sit for hours as you sip your coffee. People go with friends and family to chat and relax after going shopping, or meet up just for a gossip. Third, coffee shops are great

places to read in peace, or to sit and write. Last but not least, with free Wi-Fi in many places, it is not difficult to spend a lot of time in a coffee shop.

### *3 What kinds of café you like?*

I like places that offer high valued coffee and upbeat vibes, like Starbucks. I would want coffee of a quality that you can drink without milk or sugar. However, it's not just about coffee. How wonderful to sit in a cosy cafe and enjoying the invigorating aroma of brewed coffee ***floating in the air***. Some people even went as far to name a café a third place between home and work.

### *4 What do you do in a café?*

Oh, an interesting question – whole lot of things we can do in a café: read, chatting with friends, sitting and enjoying a good copy. Oh, recently it's increasingly popular that people go there to work. You know, a change of environment stimulates creativity. It offers an excellent alternative to offices, even the most awesome of offices we can ***fall into a routine***, and a routine is the enemy of creativity.

Plan

### *5 Do you think people should have plans or just do whatever they like immediately?*

I think people always need to plan well ahead rather than ***act on impulse***. A plan will remind people of their goals and provide the action to take and helps them get there in the most straightforward way.

### *6 Do most people accomplish their plans? Why?*

I am afraid not, in fact, most people fail to achieve what they've planned. This is because they mistakenly believe that planning simply means putting a goal on paper and setting a date for completion. Therefore, their commitment will fade very soon as they cope with challenges and difficulties. In other cases, people fail because of the sheer number of goals. Having too many goals may make people lose focus. It's like standing in front of a dart board with three targets in mind. Hitting just one target is difficult enough; hitting three targets simultaneously with one dart is impossible.

### *7 What are the factors that young people will consider when choosing jobs?*

Deciding on a career isn't easy for most people, especially for young people. For a young person, I think the first thing to consider is his/her own personal interests. Your career doesn't have to be your passion, but it shouldn't bore you to tears, either. Then one should think about their strengths and weaknesses, the future calling should maximise their strengths and address their weaknesses. Last but not least, the best job often goes with satisfactory rewards, so one cannot miss out information about remuneration offered by an employer.

### *8 What are the impacts of families on people choosing jobs?*

Families can pose huge impacts on people's preference for jobs – the influence can come from parents, spouses or children. Many parents apply pressure on their offspring to strive for particular high-profile careers, feeling they are encouraging their children to reach high. Some spouses may want to stay home with young children, encouraging the working spouse to aim for higher roles in a particular profession to ensure adequate earnings. And children – they often play a significant role in influencing career choices. For example, one may look for employment with flexible or telecommuting options, or a position that allows job sharing so that he/she can spend more time with children.

### *9 What is the impact of salary on doing work?*

Salary can have a significant impact on work and productivity; but I don't think it is the only drive for productivity. Instead, job satisfaction and a sense of purpose can bring people a powerful source of motivation. Employers should set a salary that can encourage staff's commitment; in other words, the salary should be enough for employees to stay focussed other than looking around for better opportunities.

## Shops

### 10 Do you like to visit large shops or small stores?

I would much rather shop at a smaller store than wasting time wandering the mall trying to find what I'm looking for. It becomes too confusing and there are too many choices, people and parking issues. When I do go to the mall now, I usually like to shop in just a few stores that are my favourites. I don't find the crowds in the mall enjoyable and if you want to get something to eat it is usually so overcrowded and noisy in the food court. If you go during the week it is not as bad but if you would like to shop on the weekends, it is too hectic.

### 11 What kinds of shops are popular in your country?

I don't know much about other cities, but in Hanoi and Ho Chi Minh City, small shops clustering in a street and selling one type of products are typical. For example, in Hanoi, you can find streets which sell only embroideries or street lined only by silk shops. Smaller shops are more popular than shopping malls because they are friendlier to motorbikes, which outnumber cars in these cities.

### 12 Should the government in your country protect those small stores?

Of course, governments should do something to protect small stores; however, honestly I don't think small stores can avoid their doomed future where **the market is eaten up by** chain stores and supermarkets. But I also think the government can help preserve dying trades by encouraging young people to learn traditional skills and making policies to boost tourism. Traditional craftsmanship is what attracts tourists, and tourists in turn will **bring in the cash flow** which is needed by small stores.

## Public speaking

### 13 How to achieve public speaking skills?

Honing your eloquence as a public speaker is not as easy as abcd; it needs preparation and a lot of other things. But I think showing up prepared is the number 1 way to **calm our nerves**. I learned that the late UK Prime Minister Winston Churchill spent days, or even weeks, crafting his speech and practiced reading it word for word. By preparing we can visualise the environment and the audience's reactions and time our messages better.

### 14 What do you think is a good speech?

A good speech is one that can touch our heart and motivates us to believe in ourselves. It should also grab your attention right from the beginning and build up stronger towards its peak. That's why I always admire Michelle Obama for her exceptional skills as a public speaker. Her speech is memorable and personalized with her own stories, instead of stressing us with big words.

### 15 What is the importance of public speaking skills?

No one can refute the importance of public speaking skills. A powerful speech can unite a nation and gear people up to greatest challenges. The skills are definitely important for individuals as they help boost confidence and help people get a message across. That's why Warren Buffet considers public speaking the most important skill one should learn.

### 16 Why are some people afraid of talking in the public?

I think the anxiety over other people's judgment is one of the biggest fears facing public speakers. When we care too much about what other people may think, we forget our own focus and forget what we should deliver. Another reason may come from the lack of preparation; without preparation, I think, anything can get in your way and prevent you from staying focussed and calm.

## Neighbourhood

### *17 What are the benefits of having kind neighbours?*

Kind-hearted neighbours are jewels; they are helpful in numerous ways, say, crime fighting or pet sitting. Neighbourhood watch is shown to be extremely effective in detecting stalkers or thieves. When you're away, it's always good to have someone in the neighbourhood keep an eye on your property. Or if you have cats, dogs or other kinds of pets, these animals need periodic check-ups when you are away. In this case, a friendly neighbour is really someone we can count on.

### *18 Why do neighbours seldom talk to each other nowadays?*

I'm always asking myself that question too. In my sugar-coated memory, we grew up in a village with a few hundred people our entire lives. And our neighbours helped look after children or property in our absence, but not anymore. There are all sorts of reasons. It's possibly because towns have grown larger with an increased population; hence social problems that make people become more cautious. And there came all the electronic devices and the social networking sites. All the devices wipe out the need for human communication in real life.

### *19 How to improve the relationship among neighbours?*

Oh, it may not that hard to improve ties with neighbours. Sometimes, all it takes to connect with a neighbour is to smile and greet them respectfully. It is the simplest way of making contact. Or you can consider throwing a party and invite your neighbours. You can have a neighbourhood BBQ party or host an ice cream party at the end of the summer. This is a fun and enjoyable way of connecting with your neighbours. **Cultivating bonds** between neighbours doesn't take a lot of effort.

### *20 Do people living in small cities know more about their neighbours than people living in big cities?*

Yes, it's often the case. In big cities, people tend to be pushed by past face of life and have little time getting to know people in their neighbourhood. In smaller towns, people are often in close contact with one another, chitchatting on daily basis. However, there are always exceptions; for example, though I live in Hanoi, one of the two busiest cities in Vietnam, I find people living in my quarter very friendly. We talk a lot and even party together. Maybe it's just my luck.

# Lộ trình Tự học 9.0 IELTS Writing

# Học tiếng Anh, đọc sách và tập thể dục | Ba việc quan trọng nhất tuổi trẻ cần làm

Tựa đề không liên quan lắm đến nội dung phần này nhưng đơn giản là mình...thích tựa đề này. Còn phần dưới đây sẽ nói đến những nguyên tắc quan trọng nhất khi học tiếng Anh và ôn thi IELTS.

**ĐIỀU 1: Tiếng Anh là thứ quan trọng nhất cần học với người trẻ Việt Nam** - nó là công cụ để bạn học mọi thứ khác. Nếu bạn chưa có tiếng Anh, tương lai học tập của bạn vẫn nằm trong tay kẻ khác, họ cho bạn cái gì, bạn sẽ biết cái đó; cho ngôn tình, biết ngôn tình, cho 50 sắc thái biết 50 sắc thái. Kể cả họ cho bạn cái sai, bạn cũng chẳng thể biết thế nào là đúng mà sửa lại. Khổ chưa, tỉnh lại đi và học tiếng Anh cho tử tế vào.

**ĐIỀU 2: Hiểu và thực sự Hiểu** là quan trọng nhất - đừng lừa dối mình nữa, không hiểu thì hãy hỏi cho bằng hiểu, đừng cười duyên. Có một tình huống trên tivi mà mình mãi ghi nhớ, đó là khi một cô chân dài Việt Nam tham gia Next top model châu Á, giám khảo nói một điều gì đó với cô, cô cứ cười chumm chím. Giám khảo lại hỏi lại xem cô có hiểu không, cô vẫn tiếp tục...cười. Rồi họ bảo nếu vậy thì mày làm đi, cô vẫn đứng đó và tiếp tục...cười. Đến đây, giám khảo lộn tiết và mắng thẳng vào mặt: "Trời ơi, tại sao mày không thể dừng cười à? If you don't understand, just ask. Please ask, we need you to ask, not to smile when you don't understand." Vậy đấy, biết mình không hiểu để hỏi là điều bình thường ở một người bình thường. Hãy là một người bình thường, vậy thôi 😊

**ĐIỀU 3:** Ngữ pháp của bạn có cho bạn điểm cao bao nhiêu trong các kỳ thi ở trường mà bạn chẳng hiểu gì khi đọc thì đó cũng là ngữ pháp vứt đi. **Ngữ pháp là để dùng và để hiểu** - ngữ pháp không phải là để thi tốt nghiệp hay thi đại học.

**ĐIỀU 4: Đọc sách tiếng Anh là điều quan trọng nhất**, không có gì thay thế được việc này. Rất đơn giản thôi, tất cả mọi vấn đề bạn cần giải đáp đều đã được trả lời bởi một ai đó khác - và nó nằm ở trong sách. Bất cứ những nỗi đau bạn cần chia sẻ đều đã được đau bởi người khác – và bài học để biến nỗi đau thành sức mạnh cũng nằm trong sách. Mỗi tối, bạn chỉ cần đặt smart phones xuống, giở sách ra và thực sự tập trung đọc, bạn sẽ thấy cuộc sống của mình thay đổi hoàn toàn. Khi bạn đọc, hiểu và có cảm xúc, bạn sẽ thấy tập trung hơn, hạnh phúc hơn và khoẻ mạnh hơn.

Thay vì đuổi theo, kiss ass hay hôn ghê thần tượng, bạn có thể chọn cho mình một tư thế cao hơn bằng một cuốn sách. Thế là, đừng một cái, từ chối đuổi theo để hôn mông, bạn đã đàng hoàng ngồi đó, để những thần tượng bao đời thì thầm vào tai bao điều hay lẽ phải. Thế có phải là sướng không?

Đây, mới tối qua thôi, thần tượng của mình, ông cụ Winston Churchill (cố Thủ tướng Anh, Nobel Văn chương, nhân vật lịch sử lỗi lạc, người có công lớn để Đồng minh giành thắng trong Thế chiến thứ 2) đã thầm vào tai mình những điều sau:

*"We have no reason to despair; still less have we any reason to be self-satisfied. All is still in our hands for good or for ill. We have the power today to choose our future..."*

(Chúng ta chẳng có lý do gì để phải tuyệt vọng và cũng chẳng có lý do gì để tự mãn cả. Tất cả dù gì thì vẫn nằm trong tay ta. Và ngày hôm nay, chúng ta có quyền để lựa chọn tương lai cho chính mình.)

# Quan trọng: tâm lý ôn thi | Hope for the best, prepare for the worst and expect nothing!

Như mình đã chia sẻ, suy nghĩ định hướng hành động, suy nghĩ đúng thì hành động sẽ đúng, suy nghĩ sai thì hành động sẽ sai. Sau đây là một số suy nghĩ sai gây ảnh hưởng đến kết quả IELTS của bạn.

*Em nhất định phải được 8 IELTS Writing, nhất định phải được./ Em cần 7.0 IELTS Overall (không band điểm nào dưới 7) để định cư, em sẽ bỏ mọi thứ khác để tập trung cho mục tiêu này.*

Với suy nghĩ thứ nhất, “nhất định phải được” là ý chí của bạn, còn việc bạn có được 8.0 IELTS Writing hay không phụ thuộc vào thực lực và may mắn nữa. Với suy nghĩ thứ hai, bạn “sẽ bỏ mọi thứ khác” là quyết định của bạn, và quyết định đó không hề đồng nghĩa với việc bạn sẽ đạt 7.0 Overall để định cư. Cái chính là “mọi thứ khác” mà bạn định bỏ bao gồm công việc, gia đình, bạn bè – những điều mang lại cho bạn thu nhập, cơ hội, tình cảm và niềm vui – chúng hữu hình, giá trị và có thật trong cả hiện tại và tương lai. Còn cái mục tiêu mà bạn “nhất định đạt được kia” thì chưa chắc sẽ thành hiện thực. Hơn nữa, những giá trị hữu hình trong hiện tại là nền tảng để bạn đạt được mọi thứ trong tương lai; nếu đập bỏ nó, em sẽ còn lại gì?

Tại sao trạng thái tâm lý của học viên trong đoạn hội thoại trên lại có hại và nên tránh? Nguyên nhân là khi bạn cứ “nhất định, nhất định phải được” như vậy thì thứ chiếm hết tâm trí bạn là mục tiêu và tham vọng. Mục tiêu tham vọng sẽ dẫn bạn đến việc bạn kỳ vọng quá lớn. Và kỳ vọng quá lớn sẽ dẫn tới nỗi lo lắng thường trực về việc có thể mục tiêu đó không đạt được. Và nỗi lo lắng thường trực sẽ dẫn bạn đến tình trạng stress, mệt mỏi và mất tập trung – những thứ có hại cho tâm lý và sức khỏe, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả ôn luyện của bạn.

Tiếng Anh có một lời khuyên tuyệt vời hay: “Hope for the Best, Prepare for the Worst and Expect Nothing” hay “Expectations hurt.” Khi bạn chuẩn bị tư tưởng cho tình huống xấu nhất, bạn sẽ đón nhận mọi kết quả một cách rất nhẹ nhàng. Tâm trí bạn chuyển sang trạng thái tĩnh – trạng thái lý tưởng để bạn nhìn rõ mình muốn gì và mình cần phải làm gì. Chính trạng thái tĩnh sẽ giúp bạn đạt được sự tập trung và hiệu quả cao nhất khi ôn tập.

# Tin vui cho tất cả mọi người

Nếu bạn không bị thần kinh, nếu bạn không bị Alzheimer, chắc chắn bạn có thể học và học giỏi tiếng Anh dù ở lứa tuổi nào. Nếu hiện tại bạn chưa giỏi,ắt phải có lý do và thường thì chúng là những lý do sau:

#1 Việc **HIẾU** và **THỰC SỰ HIẾU** không được coi trọng trong các bậc học từ thấp đến cao. Các bài thi trong hầu hết các nhà trường ở Việt Nam đều thiên về “lắp ráp” ngôn ngữ thay vì khuyến khích học viên thực sự hiểu, thực sự cảm nhận để...thực sự vui sướng khi đọc hay nghe. Khi bạn đọc mà không hiểu hay chỉ hơi hiểu, mọi thứ sẽ bị bao phủ bởi một màn sương mù - càng ở lâu trong đó thì bạn càng u mê và chẳng biết đường nào mà đi nữa (vì có nhìn thấy gì đâu mà đi).

#2 **PHÁT ÂM CHUẨN** không được coi trọng. Phát âm chuẩn là điều đầu tiên và quan trọng nhất cần phải học nếu muốn giỏi tiếng Anh; bi kịch là phát âm lại là yếu tố bị coi nhẹ nhất trong nhà trường ở Việt Nam. Thày cô nói sai, học trò học theo cái sai và cái sai cứ đeo đẳng mỗi thế hệ cho đến tận sau này. Hãy tin điều này: không phát âm chuẩn, bạn sẽ không học được tiếng Anh đâu.

#3 Phương pháp học **CƯỠNG BỨC** bộ não: đây là lối học gạo, nhòi nhét, cái gì cũng phải học thuộc hòng để hòng đi thi sẽ lắp đúng, ghép đúng đáp án và được điểm cao. Đây là phương pháp học rất có hại cho bộ não bởi nó làm tê liệt khả năng cảm nhận để biết cái gì là hay để học và cái gì dở để tránh, bởi nó khiến người học luôn ngợp và mệt mỏi khi đứng trước kiến thức mới thay vì tò mò và háo hức. Hãy nhớ “giáo dục là những gì còn lại sau khi đã quên” - hãy cảm nhận, rồi quên đi. Khi bạn thực sự cảm nhận, những thứ hay ho sẽ tự ở lại với bạn.

#4 **CHẠY THEO ĐIỂM SỐ** và **COI ĐIỂM SỐ LÀ ĐIỂM KẾT THÚC**: hùng hục cày để có 6.5 IELTS hay điên cuồng chạy đua để đạt thành tích khủng là lựa chọn của nhiều bạn, nhưng đây lại là một cái bẫy nguy hiểm vì nếu cứ hùng hục...không đúng cách, điểm của bạn không những không tăng mà còn sẽ giảm.

Quan trọng hơn, với tâm lý như vậy, bạn sẽ rất khó đạt trạng thái thư giãn và thả lỏng trong quá trình học. Chính sự thư thái sẽ giúp bạn dễ dàng tập trung và nghe tiếng nói nội tâm nhất, mà đây lại là điểm then chốt để bạn ngầm tiếng Anh và đạt kết quả cao. Kể cả khi bạn đạt kết quả cao rồi thì cũng đừng bao giờ nghĩ đó là điểm kết thúc; trái lại, kết quả chỉ là điểm khởi đầu trên hành trình bạn sử dụng tiếng Anh để học tập, làm việc và khám phá thế giới mà thôi.

# Hướng dẫn sử dụng Facebook để max điểm IELTS

Giống như mọi việc quan trọng nhất, quá trình ôn thi IELTS đòi hỏi sức khỏe, niềm tin, tinh thần sảng khoái và sự chuẩn bị kỹ càng. Trớ trêu là rất nhiều thí sinh đã “rơi sạch” những thứ trên trong quá trình ôn tập; nguyên nhân thì có nhiều nhưng “thủ phạm” số 1 có lẽ là Mark Zuckerberg ☺. Đơn giản là bởi Mark đã tạo ra Facebook, trong đó có Group này.

Với các thí sinh IELTS, Facebook tạo ra sự dư thừa tài nguyên ôn luyện (bao gồm những lời khuyên đa chiều), lan truyền sự sợ hãi hoang mang và max lòng tham. Sự tham lam khiến học viên lâm vào tình cảnh ai cho cái gì cũng lấy, ai bảo gì cũng nghe và cực kỳ nhạy cảm với từ khóa “miễn phí.” Hậu quả là nhiều sĩ tử cuối cùng thành “tử sĩ” vì...bội thực, sách down về cả kho nhưng chỉ nghĩ đến việc mở một cuốn ra làm thôi cũng thấy “ớn lạnh” rồi.

Vì vậy, hãy là một Facebooker thông thái, thay vì để thác lũ ebooks cuốn đi, bạn hãy đứng trên bờ với tâm thế chủ động của người có quyền lựa chọn những con cá béo. Những “mẹo” nhỏ sau đây sẽ giúp bạn thực sự sử dụng Facebook theo hướng có ích cho bản thân (hãy đặc biệt chú ý đến tip Ask anything).

**Download có lựa chọn:** bạn nên download ebooks của những nhà xuất bản “xịn” như Cambridge, Oxford, Pearson, Penguin và tránh thật xa các essay forum của cả Tây và Việt, forum ngữ pháp của người Việt hay những tài liệu kiểu như 500 từ vựng academic hay 1.000 từ vựng để max điểm vocabulary. Bản thân mình đã trực tiếp đọc các bài luận trên nhiều forum và giật mình vì số lượng lỗi trong mỗi bài; cũng dễ hiểu tình trạng này vì essay forum là nơi toàn dân có thể post bài và, cũng như bạn, họ cũng đang mong chờ có người sửa bài (đầy lỗi) của họ mà thôi. Còn 500 hay 1.000 từ vựng là thủ thuật marketing đánh vào lòng tham của khách hàng, bạn chẳng thể nuốt nổi chúng đâu – đặc biệt khi chúng bị tách khỏi văn cảnh và đứng cô đơn, vô hồn. Với cả nếu nhiều từ vựng như vậy rồi thì bạn mở từ điển Cambridge ra đi, vừa xịn lại vừa miễn phí 100%.

**Print it:** hãy lựa chọn một cuốn sách uy tín được lựa chọn theo lời khuyên ở trên, in nó ra và làm thật kỹ. Việc in sách ra có nhiều tác dụng tốt như sau.

Một, bạn sẽ phải bỏ tiền ra in thay vì chỉ xài “chùa” trên mạng – bất cứ cái gì khiến bạn mất tiền thì sẽ khiến bạn có ý thức hơn khi sử dụng. Hai, bạn sẽ thực hành kỹ năng Reading và Listening đúng với điều kiện thi hơn bởi vì bài thi IELTS Reading và Listening vẫn khá truyền thống với pen & paper. Ba, bạn sẽ tránh được việc suốt ngày la cà trên mạng để thực sự tập trung ôn luyện. Bốn, bạn sẽ có được cảm giác “thành tựu hữu hình” khi chứng kiến mỗi ngày trôi qua, mình lại hoàn thành được một phần nào đó trong cuốn sách, thay vì hoảng hốt vì cả trăm cuốn ebooks đang nằm “mốc lén” trong kho.

**Biết cách đặt câu hỏi trên các IELTS Facebook Groups:** Câu hỏi “đúng” là những câu hỏi cụ thể về tiếng Anh,诞生于 việc bạn thực sự làm đề IELTS.

Trước khi hỏi, bạn cần thực sự làm đề, vật lộn với tiếng Anh qua việc sử dụng từ điển Cambridge, www.google.co.uk để tìm câu trả lời. Chỉ khi nào bạn đã cố hết sức mà vẫn không hiểu thì hãy hỏi. Và bạn hãy sử dụng “cú pháp” sau khi đặt câu hỏi trên Facebook Groups.

“Cú pháp” này thể hiện bạn là người ham học, chủ động, biết ơn và chú ý đến chi tiết. Tại sao phải theo “cú pháp” này? Đơn giản là bởi không ai muốn giúp một người lười học, bị động, vô ơn và cầu thả.

Cú pháp khi đặt câu hỏi trên Facebook Group:

*Em vừa làm IELTS Cambridge 10, Reading Test 1, Passage 1... (tốt nhất là đính kèm ảnh chụp, highlight chỗ cần hỏi).*

*Em đã tra Cambridge và www.google.co.uk (để thể hiện rằng bạn đã tự lực chứ không đợi ăn sẵn).*

*Em cố hiểu chỗ đó như sau..... (để thể hiện bạn đã thực sự vật lộn để hiểu).*

*Tuy nhiên, em vẫn băn khoăn về ngữ pháp abc hay từ vựng xyz.*

Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của cả nhà ạ.

Trân trọng cảm ơn,

Họ tên của bạn

Trong câu hỏi, bạn hãy cách dòng khi hết đoạn để nội dung rõ ràng và dễ nhìn. Bạn cách dòng bằng cách bấm Enter hoặc Shift + Enter. Sau khi viết, đừng post vội, hãy kiểm tra lại thật kỹ về diễn đạt để làm sao câu hỏi của bạn dễ hiểu và rõ ràng nhất. Và đừng quên kiểm tra thật kỹ các lỗi chính tả, đây là việc đơn giản nhất nên hãy đừng làm sai.

Việc bạn trình bày theo “cú pháp” như trên không chỉ thể hiện bạn đã thực sự “khổ tâm” để hiểu bài mà nó còn giúp người trả lời nắm được khó khăn của bạn, để họ có được câu trả lời “hết ý” cho bạn. Về bản chất thì việc này cũng chẳng khác gì đi khám bác sĩ, bạn càng kể được đúng và chi tiết triệu chứng bệnh thì bác sĩ sẽ chẩn bệnh càng chính xác hơn.

## Hướng dẫn ôn Ngữ pháp

Ngữ pháp là chìa khoá để bạn học và hiểu tiếng Anh - nếu bạn đọc mà không hiểu thì có nghĩa là chiếc chìa khoá đã bị hỏng, đơn giản vậy thôi. Lúc này, dù điểm số (Ngữ pháp) trên lớp của bạn có cao như thế nào đi nữa, nó cũng chẳng có giá trị gì, sự thật là như vậy.

Khi ôn thi IELTS, nền tảng ngữ pháp rất quan trọng để bạn hiểu thực sự khi đọc và nghe; từ đó, bạn sẽ ứng dụng để nói và viết chính xác. Đây cũng chính là điểm khác biệt cơ bản giữa việc ôn ngữ pháp phục vụ thi IELTS và cày ngữ pháp phục vụ thi tốt nghiệp hay đại học. Khi bạn ôn ngữ pháp cho kỳ thi IELTS, mục tiêu là **HIỀU BAO NHIỀU** chứ **KHÔNG** phải là NHỚ ĐƯỢC BAO NHIỀU công thức ngữ pháp.

Vì thế, bạn cần làm bạn với Ngữ pháp theo hướng dẫn dưới đây.

*Hoàn thành việc đọc cuốn sách Ngữ pháp càng nhanh càng tốt. Để hoàn thành sớm, bạn đừng ghi nhớ bất cứ điều gì khi đọc; hãy cứ đọc, cứ đọc. Nếu gặp dạng ngữ pháp nào hay và lạ, hãy đánh dấu lại để sau này tiện tra cứu. Nếu gặp chỗ nào khó hiểu, hãy ghi lại để hỏi thầy và bạn. Mục đích quan trọng nhất là đọc xong và hiểu hết.*

Ý nghĩa của việc này là “ôn lại” và trang bị cho bạn bức tranh tổng thể về ngữ pháp; để khi va chạm với một dạng ngữ pháp nào đó, bạn sẽ phản ứng: “Ô, cái này mình đã đọc trong sách Ngữ pháp rồi” và bạn có thể tra cứu lại một cách nhanh chóng và dễ dàng. Khi đó, sách Ngữ pháp sẽ là giống như một cuốn từ điển để bạn tra cứu, thay vì bạn phải ghi nhớ quá nhiều.

**Action: hoàn thành sách Ngữ pháp Grammar Bible trong khoảng thời gian 1 tháng.**

# Điều quan trọng nhất khi Viết

Suy nghĩ định hướng hành động. Suy nghĩ đúng, bạn sẽ làm đúng, và ngược lại. Với kỹ năng Viết, suy nghĩ sai sẽ khiến bạn cực kỳ mệt mỏi và mất thời gian luyện tập mà điểm số lại hầu như không được cải thiện.

Suy nghĩ **SAI** về kỹ năng Viết là quan niệm bài viết của mình là nơi **thể hiện (show off)** vốn từ vựng và ngữ pháp phong phú và cao cấp của bản thân. Tại sao đây lại là một quan niệm sai lầm và nguy hiểm? *Thứ nhất*, nếu bạn đang là một thí sinh chuẩn bị cho kỳ thi IELTS, vốn từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh của bạn không phong phú mà cũng chẳng rộng lớn, bạn lấy gì để mà khoe, đơn giản vậy thôi. *Thứ hai*, quan niệm phải show off vốn từ vựng và ngữ pháp cao cấp khiến bạn ngày đêm đi sưu tầm những word list “hàng hiệu” được chia sẻ vô vàn trên mạng; và kết quả là bạn... chết ngập trong đống từ vựng và ngữ pháp hàng hiệu ấy. Không chết mới là lạ, chúng vừa nhiều lại vừa khó nhớ, khó thuộc và khó sử dụng, hấp thụ thế nào được. *Thứ ba*, quan niệm thích thể hiện này sẽ khiến bài viết của bạn như một lão trọc phú mới nổi, khoác đầy hàng hiệu nhưng vẫn kệch cỡm và rách rưới. Vậy nên người ta mới nói chơi hàng hiệu đâu có dễ, nó cần kiến thức, văn hóa và cả chiều sâu nữa chứ không chỉ đơn giản là câu chuyện tóm át manh quần 😊

Nếu bạn đang mang tư tưởng này, hãy “tẩy não” mình bằng cách làm hai việc sau: xóa sổ suy nghĩ show off và nạp nguyên tắc dưới đây vào đầu. Với mình, đây là nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất khi học Writing.

**Khi viết, mục đích quan trọng nhất là truyền tải chính xác nội dung muốn nói, từ vựng và ngữ pháp chỉ là công cụ để thực hiện mục đích ấy. Đây KHÔNG PHẢI là nơi thực hành Ngữ pháp và đây cũng KHÔNG PHẢI là nơi trưng trổ Từ vựng. Bạn cần tìm những công cụ từ vựng và ngữ pháp PHÙ HỢP NHẤT với từng văn cảnh cụ thể; nếu không phù hợp, bạn có thích thế nào cũng không được ép từ vựng đó vào văn cảnh.**

Đây là một yêu cầu khó, vì sao? Vì khi chưa có vốn (từ vựng và ngữ pháp) và chưa có **cảm giác** về tiếng Anh, bạn sẽ rất khó để biết một từ vựng hay một cấu trúc ngữ pháp có phù hợp với văn cảnh hay không.

Nhưng bạn đừng lo, những phương pháp học tự nhiên và thú vị trong cuốn sách này sẽ giúp bạn dần dần tìm được cảm giác khi học tiếng Anh. Bạn sẽ thấy việc học ngôn ngữ sẽ rất nhàn khi nó diễn ra tự nhiên, không cần lên gân.

# Phương pháp học từ vựng hiệu quả nhất

## Hướng dẫn sử dụng từ điển Anh Anh: Thế là là từ vựng “vứt đi”?

Khi bạn đang có một nghĩa của từ vựng trong đầu, nhưng nghĩa đó không giúp cho bạn “thực sự hiểu” nội dung tiếng Anh đang đọc thì đó là từ vựng “vứt đi.” Bạn hãy xem ví dụ sau:

Câu gốc: *A house helps protect us from the elements.*

Cách hiểu (sai): *Nhà giúp bảo vệ chúng ta khỏi CÁC THÀNH PHẦN.*

Nghĩa đúng bị “vứt đi” trong câu trên là “các thành phần.” “Element” đúng là “thành phần” thật nhưng đó chỉ là nghĩa tồn tại trong trí nhớ của bạn thôi, chứ không phù hợp với văn cảnh này. Bạn phải vứt nghĩa đó đi và tra từ điển cho bằng ra thì thôi, chứ không được ép nghĩa biết vào đây.

Và bí kíp số 1 chính là từ điển Anh Anh. Trái với sự e ngại của nhiều người, từ điển Anh Anh rất dễ hiểu, dễ sử dụng và giúp bạn tránh được việc lệ thuộc vào những nghĩa tiếng Việt có sẵn nhưng không dùng được cho văn cảnh.

Chúng hãy thử thực hành từ điển Anh Anh của Cambridge (<http://dictionary.cambridge.org/>) với ví dụ trên nhé.



Bạn hãy nhập từ “element” vào Cambridge. Trong mục Contents (Mục lục nghĩa), bạn sẽ thấy “element” có tận 6 nghĩa. Phần giải thích ngắn sẽ giúp bạn tìm được nghĩa phù hợp (weather - thời tiết).



Contents

— noun (6)

[element \(PART\)](#)

[element \(AMOUNT\)](#)

[element \(SIMPLE SUBSTANCE\)](#)

[element \(EARTH, AIR, ETC.\)](#)

[element \(WEATHER\)](#)

[element \(ELECTRICAL PART\)](#)

Khi bấm vào chữ “weather,” từ điển Cambridge sẽ cho bạn một ví dụ dễ hiểu và hay:

*We braved the elements and went for a walk. = We went for a walk despite the bad weather.*  
(Chúng tôi vẫn quyết định ra ngoài dì dạo, mặc thời tiết xấu.)

### element noun (WEATHER)

#### ➤ the elements [plural]

##### ★ the weather, usually bad weather:

*We decided to brave the elements and go for a walk (= go for a walk despite the bad weather).*

Như vậy, thay vì không hiểu gì với nghĩa “vứt đi” trong trí nhớ, bạn đã thấy mọi thứ sáng rõ với nghĩa “weather”. Quan trọng hơn, vốn tiếng Anh của bạn sẽ tăng lên rất nhiều, hãy xem bạn học được những gì từ ví dụ trên nhé.

1. “Element” không chỉ mang nghĩa “thành phần” mà còn có nghĩa “thời tiết”
2. Cambridge hướng dẫn rất cụ thể cách dùng đúng: sử dụng kèm quán từ “the” và dạng số nhiều: the elements
3. Bạn học được cụm từ giúp tăng điểm từ vựng: *brave the elements* (vượt qua thời tiết xấu).
4. Bạn học được chức năng ngữ pháp mới của *brave* (động từ) bên cạnh chức năng thường thấy (tính từ).
5. Bạn học được cách biến đổi cấu trúc gốc để dễ ghi nhớ và sử dụng, chuyển “*brave the elements*” thành “*brave the weather*.”

Thế đấy, hãy chăm chỉ tra từ điển Cambridge, đừng sợ. Hãy luyện thói quen mở sẵn từ điển miễn phí <http://dictionary.cambridge.org> trong smartphone khi đọc. Cho đến hôm nay, tôi vẫn luôn cần tra từ điển khi đọc; thậm chí, có những lúc, khi vừa tra xong một từ và đặt điện thoại xuống, tôi lại phải nhắc điện thoại lên để tra tiếp một từ khác, liên tục không ngừng cho đến hết trang sách.

Những lúc đó, tôi đọc chậm như rùa. Nhưng chẳng sao cả vì điều quan trọng là tôi biết mình thực sự hiểu đúng và biết mình đang học rất nhiều điều mới.

## Hướng dẫn học từ vựng bằng âm thanh: The music of English

“Ngắm âm thanh” là bí quyết của tất cả những người học giỏi tiếng Anh. Khi ngắm âm thanh, từ vựng sẽ trở thành một bài hát bạn đã thuộc; chẳng cần cố gắng thì giai điệu cũng tự động vang lên trong đầu bạn, bạn muốn quên cũng chẳng quên nổi. Thật kỳ diệu phải không?

Kỳ diệu hơn, trong thời đại smartphone và Internet ngày nay, bạn KHÔNG CẦN ai dạy để có thể phát âm chuẩn và hay. Và sau đây là những bí quyết tuyệt vời.

**Tip 1 - Tự nhìn phiên âm để đọc chuẩn một từ:** Chỉ cần Google cụm từ “International Phonetic Alphabet,” bạn sẽ tìm được bảng ký hiệu phiên âm. Những từ vựng đơn giản sẽ giúp bạn giải mã những ký hiệu phiên âm có vẻ rất “loằng ngoằng.”

VOWELS	monophthongs				diphthongs		Phonemic Chart voiced unvoiced
	i:	I	ʊ	u:	ɪə	eɪ	
	sheep	ship	good	shoot	here	wait	
e	θ	ɜː	ɔː	ʊə	ɪɔː	əʊ	show
bed	teacher	bird	door	tourist	boy	shoe	
æ	ʌ	ɑː	ɒ	eə	aɪ	aʊ	cow
cat	up	far	on	hair	my		
p	b	t	d	ʈʃ	dʒ	k	g
pea	boat	tea	dog	cheese	June	car	go
f	v	θ	ð	s	z	ʃ	ʒ
fly	video	think	this	see	zoo	shall	television
m	n	ŋ	h	l	r	w	j
man	now	sing	hat	love	red	wet	yes

The 44 phonemes of Received Pronunciation based on the popular Adrian Underhill layout

adapted by EnglishClub.com

**Tip 2 - Sử dụng từ điển “biết nói”:** Từ điển Cambridge trực tuyến có file âm thanh cho tất cả các từ. Bạn chỉ cần bấm vào biểu tượng chiếc loa là có thể nghe được. Thậm chí, mỗi từ còn được đọc vanh vách theo kiểu Anh hay kiểu Mỹ nữa.

Đến đây, bạn lại phàn nàn: “Đọc một từ thì nói làm gì, đọc cả câu mới khó chứ.” Mời bạn xem tiếp tip 3.

**Tip 3 – Chunking & Clapping:** “Chunking” là khả năng chia câu dài thành từng đoạn ngắn có nghĩa (nhấn mạnh chữ “có nghĩa”). Khi đó, thay vì phải “uốn éo” với ngữ điệu của một câu dài, bạn chỉ cần crack từng đoạn ngắn để xử lý ngữ điệu một cách dễ dàng.

Bài tập này giống cách chúng ta ngắt nhịp khi đọc thơ. Bạn hãy chuẩn bị một chiếc bút chì để ngắt nhịp trên giấy nhé.

Câu gốc: *We shall fight on unconquerable.* (Chúng ta sẽ chiến đấu bất khả chiến bại)

Chia nhịp: *We shall fight on | unconquerable.*

Vỗ nhịp: dừng đọc vội, hãy ngâm nhịp bằng cách vỗ tay theo quy tắc sau:

- Từ không quan trọng: chỉ chạm nhẹ hai tay, không vỗ thành tiếng
- Từ quan trọng: vỗ mạnh thành tiếng

Theo quy tắc trên, trong cụm “we shall fight on,” chúng ta sẽ có 2 phách mạnh (we & fight) và hai phách nhẹ (shall & on). Làm theo cách này, bạn sẽ nhanh chóng hình dung ra nhịp điệu câu.

Với từ *unconquerable*, bài tập vỗ nhịp như trên vẫn áp dụng được. Bạn chỉ đưa từ này vào [google.co.uk](http://google.co.uk) là ra cả phiên âm và cách đọc (bấm vào biểu tượng chiếc loa).

Với từ này, nhịp phách mạnh ứng rời vào âm tiết có trọng âm, nhịp phách nhẹ là những âm tiết còn lại /ʌn'kɔŋk(ə)rəb(ə)/. Bạn có thể bật loa lên, nghe và ngâm nhịp trước. Sau đó, hãy vỗ nhịp theo âm thanh ghi nhớ được.

Lưu ý: nghe + ngắm nhịp đập, đừng đọc vội.

**Tip 4 – Soundbites:** Một cách khác để ngắm ngữ điệu tiếng Anh cực kỳ thú vị và hiệu quả là xem những đoạn video ngắn nhưng cực hay và sâu sắc soundbites - những đoạn ngắn và hoàn chỉnh về ý nghĩa.

Bạn hãy xem cách cô bé này “xử lý” những soundbites sau như thế nào khi “mắng” Thủ tướng Anh nhé.



<https://www.youtube.com/watch?v=qcWFfTL-k0k>

- *You should be out there (Theresa May)*
- *Look! I'm only 5 years old*
- *spend some (money) | and help people*
- *I do not like that | Theresa May*
- *I'm very angry.*

Bạn thấy sao, cách này “cool” hơn hẳn, phải không? Học thì phải vui, vui thì mới gắn bó lâu dài được.

### Lựa chọn từ vựng để học: 3 tiêu chí vàng

#1 Gạt đi tất cả những ám ảnh về từ vựng cao cấp hay academic, bạn hãy đi theo tiếng gọi trái tim khi học từ. Với mình, trái tim luôn mách bảo phải học những gì **gần gũi với đời sống và giống tiếng Việt nhất**, thay vì những thứ trông nguy hiểm nhưng lại khó nhớ và khó sử dụng. Điều quan trọng là những gì gần gũi với đời sống là những thứ bạn sẽ cần đến khi viết hoặc nói; vì vậy, hãy tích lũy càng nhiều càng tốt những cụm từ vựng theo tiêu chí này.

#2 Tiêu chí thứ hai để lựa chọn từ vựng là **“đáng nhớ và khó quên.”** Đây là những từ và cụm từ vựng đánh trúng vào tâm tư, tình cảm và niềm tin của bạn nên chúng sẽ rất dễ thấm. Là những từ vựng đã chinh phục chính bạn, khi sử dụng, nhiều khả năng chúng cũng sẽ chinh phục cả người đọc và các giám khảo nữa, vì những gì xuất phát từ trái tim thì sẽ đi đến trái tim. Và bạn cũng thấy rồi đấy, chẳng có lý do gì bạn không học những từ vựng này cả vì đơn giản là chúng “đáng nhớ” và lại “khó quên” mà.

#3 Tiêu chí thứ ba trong lựa chọn từ vựng là tiêu chí **kết dính** – tức là những từ vựng này không đứng đơn lẻ mà phải kết dính với các từ vựng khác trong một văn cảnh cụ thể. Đây là một điều rất quan trọng vì collocation hay liên kết từ thường khó nhớ và dễ sai; khi đặt trong văn cảnh với nghĩa rõ ràng, chúng sẽ trở

nên dễ nhớ hơn. Hơn nữa, bạn sẽ dễ dàng “đọc to và diễn cảm” từ vựng lên vì chúng mang nghĩa hoàn chỉnh, được đặt trong một văn cảnh hoàn chỉnh.

Dưới đây là một số từ vựng hay mình vừa mới sưu tầm theo những tiêu chí trên:

- *My comfort with Math withered. (Sự thoải mái và yêu thích của tôi với môn Toán đã **mất dần đi**. “wither” mang nghĩa “héo đi, úa đi, phai nhạt đi”)*
- *Girls learn to trust people’s estimates of them. (Các em nữ dần tin vào những **đánh giá** của mọi người với mình.)*
- *Males say it (slob) to each other all the time. It may not be a kind thing to say, ... but it certainly makes them think twice before buying into other people’s evaluations. (Bạn con trai thì suốt ngày gọi nhau là “thẳng hủi.” Rõ ràng, đó chẳng phải là điều gì hay ho cả nhưng chắc chắn nó giúp tôi luyện và khiến bạn con trai không dễ để tin ngay những đánh giá của người khác về chúng.)*

## Học bao nhiêu từ vựng mỗi ngày

Với tiêu chí lựa chọn từ vựng “kết dính” như trên, bạn sẽ thất bại nếu mắc bệnh thành tích khi học từ. Khi học từ theo phương pháp trên, bạn sẽ thành công nếu mỗi tuần trôi qua master được khoảng 5 cho đến 10 cụm từ vựng.

Bạn đừng lo rằng số lượng như vậy thì quá ít; nếu bạn có thể thuộc về âm thanh và sử dụng chuẩn xác 5-10 cụm từ vựng mỗi tuần, cách đi chậm như vậy sẽ giúp bạn ngấm về phương pháp. Khi đã ngấm rồi, bạn sẽ thấy rằng số lượng từ vựng/cụm từ vựng bạn có thể ngấm được sẽ tăng lên nhanh và tự nhiên đến mức có thể bạn sẽ không nhận ra.

Và hãy nhớ, **lúc nào cũng mang theo mình word list do chính bạn tạo ra bằng cách lưu vào smart phones hoặc in hẳn ra**. Cứ lúc nào rảnh là bạn lại mang ra để luyện giọng cho ngấm âm thanh và luyện viết cho ngấm cách đánh vần (tránh lỗi sai chính tả khi viết). Quan trọng hơn, với cảm nhận từ vựng mang theo mình, lúc nào bạn cũng có thể giờ ra kiểm tra, thay vì nhớ nhở quên quên một cách không chính xác.

## “Đập” bao nhiêu từ vựng mỗi ngày

“Đập” ở đây nằm trong chữ “va đập” – hiện tượng xảy ra khi bạn liên tục va chạm với những từ vựng cũ mới lẩn cù khi đọc và khi nghe. Nếu chăm chỉ rèn luyện, đây sẽ là bước đột phá của bạn trong quá trình học từ vựng, giúp bạn ngấm từ vựng một cách tự nhiên và tiến bộ vượt bậc trong cả bốn kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết).

Về phương pháp, bạn sẽ được “va đập” hay “va chạm” với từ vựng khi duy trì việc đọc và nghe hàng ngày. Khi đó, bạn sẽ liên tục đối mặt với từ vựng đặt trong văn cảnh khác nhau; mỗi khi “va đập” với một tình huống và ngữ cảnh khó. Việc tra từ điển và vận dụng kiến thức ngữ pháp để crack chỗ khó này sẽ giúp bạn hiểu bản chất của từ vựng. Khi đã hiểu bản chất, việc ghi nhớ và ứng dụng từ vựng của bạn sẽ tốt hơn rất nhiều.

Và trong quá trình đọc, sự lặp lại của một từ/cụm từ sẽ khiến bạn ghi nhớ một cách tự nhiên và dễ dàng hơn rất nhiều. Tuy nhiên, phương pháp học từ này lại khá bài bản và có những trình tự cần phải tuân theo, bạn hãy đọc mini ebook Chinh phục 8.5 IELTS Reading để làm theo nhé. Hãy đặc biệt chú ý đến những đầu mục như **Code it!** hay **HIỀU và Thực sự HIỀU**.

## Câu đầu tiên của bạn – quy tắc Anh em sinh đôi

Việc viết được câu đầu tiên bằng tiếng Anh giống như lần đầu have sex - hồi hộp, bỡ ngỡ, vụng về nhưng cũng ít nhiều sung sướng. Nhưng trên hết, nó là một dấu mốc quan trọng đối với mỗi người; vì thế, hãy biến nó thành một kỷ niệm đẹp và vui vẻ khiến cho bạn tự tin mà reo lên rằng Oh yessss, I did it! thay vì tâm trạng u uất và confused.

Để có lần đầu tiên tuyệt vời nhất, bạn cần thả lỏng và để đầu óc thư giãn 100%; tiếp nữa, hãy ghi nhớ quy tắc **ANH EM SINH ĐÔI** sau đây. Quy tắc này sẽ giúp bạn xóa tan sự căng thẳng và đạt hiệu quả tuyệt vời nhất khi viết, vậy quy tắc này được hiểu thế nào?

ANH EM SINH ĐÔI được hiểu là mỗi một điều bạn muốn diễn đạt trong tiếng Việt (điều A) thì đều có một điều tương tự đã được nói và viết ra trong tiếng Anh (điều A'). Hiểu được điều này, bạn sẽ đi tìm bằng được người anh em sinh đôi kia (A') thay vì ngồi vắt óc để nặn ra một thứ gì đó méo mó và không chuẩn xác.

Khi làm theo quy tắc này, bạn sẽ dùng việc “cưỡng bức bộ óc” phải dịch từng từ, từng chữ sang tiếng Anh – một việc rất mệt mỏi cho bạn và vô nghĩa cho người đọc (vì có thể người Anh đọc sẽ chẳng hiểu bạn muốn nói gì). Thay vào đó, bạn sẽ chỉ cần nghĩ ra cách để tìm kiếm người anh em sinh đôi kia mà thôi.

Câu hỏi quan trọng: *tìm ở đâu, biết đâu mà tìm?*

Thật may mắn, chúng ta đã có cỗ máy tìm kiếm thần kỳ của Doremon mang tên Google. Bạn chỉ cần nghĩ ra những key words thật liên quan, đưa vào Google và thử đọc từ 1 đến 3 bài viết tiếng Anh là sẽ tìm ra một loạt những người anh em sinh đôi “xịn” đang lưu lạc đâu đó. Gợi ý: hãy đọc đề bài và tìm key words trong đó.

Ngoài ra, bạn còn có thể tìm trong cuốn bí kíp số 3, nơi lưu lại những cụm diễn đạt hay và gần gũi với bạn trong quá trình đọc và nghe hàng ngày nữa. Hãy đọc cách soạn cuốn bí kíp số 3 trong phần hướng dẫn Hệ thống từ vựng bằng 4 cuốn “bí kíp.”

## Bắt chước “i hịt”

Bắt chước 100% là cách tốt nhất để học từ vựng. Nguyên tắc của phương pháp này rất đơn giản như sau:

- Bạn tìm được một câu diễn đạt hay trong từ điển hoặc bài đọc.
- Bạn chỉ sửa một chút câu gốc đó để gần gũi với mình.
- Câu sửa của bạn phải tự nhiên và chính xác 100% - **không sai một lỗi nào**, dù nhỏ như con kiến!

Bạn có thể thấy rằng nguyên tắc của phương pháp “bắt chước” này rất đơn giản. Nhưng áp dụng nguyên tắc đó có đơn giản không? Câu trả lời là...không. Việc biến câu nguyên mẫu thành câu của bạn và đúng 100% là một nhiệm vụ hầu như không phải ai cũng làm được.

Trong một buổi học Taster mình tổ chức gần đây, khi được yêu cầu bắt chước “i hịt” câu nguyên mẫu, điều ngạc nhiên là *không một bạn nào* (nhấn mạnh: *không một bạn nào*) đạt được tiêu chí “không sai một lỗi nào.” Để cụ thể tình hình, mời bạn xem những phân tích dưới đây.

**Câu nguyên mẫu:** *The state of my father's health concerns us greatly.*

**Học viên A:** *Ha Tinh's sea pollution concerns us about our country future.*

**Phân tích:** câu ứng dụng trên chưa đạt yêu cầu vì những lý do dưới đây.

Bạn nêu ra tên một địa phương tại Việt Nam mà quên mất rằng người đọc câu của bạn là công chúng nói tiếng Anh, có thể họ chẳng biết Hà Tĩnh là cái chi mô ☺.

Cách ứng dụng “*something concerns us about something else*” của bạn đã vi phạm nguyên tắc bắt chước “i hịt” vì nó đã tạo ra một công thức dùng mới, không nằm trong câu nguyên mẫu. Để kiểm tra xem, công thức dùng này có đúng hay không, chúng ta có hai cách như sau:

- CÁCH 1: đưa câu “sea pollution concerns us about our future” vào [www.google.co.uk](http://www.google.co.uk) để xem Tây có dùng như vậy không
- CÁCH 2: đưa câu “sea pollution concerns us about our future” cho một thày cô người Anh xịn để hỏi ý kiến của họ xem thế nào

Mình đã thử cả hai cách trên và sau đây là kết quả. Với cách 1, mình không tìm thấy cách dùng như của bạn trên Google UK; sau đó, mình thử tiếp với cách 2, cô giáo người Anh xịn tại Hội đồng Anh đã nói ngay: “À, nội dung thì rất rõ ràng rồi; nhưng về ngôn ngữ thì tiếng Anh không diễn đạt như vậy.” Và cô sửa lại như sau:

- CÁCH 1: Sea pollution is a concern for our future.
- CÁCH 2: We are concerned about the impacts of sea pollution on our future.

**Câu nguyên mẫu:** *The state of my father's health concerns us greatly.*

**Học viên B:** *My younger brother's studying concern my parent weary*

**Phân tích:** câu ứng dụng trên chưa đạt yêu cầu vì những lý do dưới đây.

Câu không có dấu chấm hết câu.

Bản thân việc học của ông em thì chẳng có gì mà phải khiến bố mẹ lo lắng cả, phải là *một điều gì đó* “tiêu cực” về việc học của ông ta thì bố mẹ mới lo lắng.

Chủ ngữ là danh từ số ít nhưng động từ lại không chia ngôi 3 số ít.

“concern my parent weary” – đây là công thức sử dụng do học viên này nghĩ ra chứ trong tiếng Anh không có

**Gợi ý sửa:** *My younger brother's poor academic performance concerns my parents greatly.*

**Câu nguyên mẫu:** *[concern + that] It concerns me that he hasn't been in contact.*

**Học viên C:** *it concerns me that the low score makes influence on sitting for a scholarship.*

**Phân tích:** câu ứng dụng trên chưa đạt yêu cầu vì những lý do dưới đây.

Đầu câu không viết hoa.

“make influence on” là cụm từ vựng không chính xác. Chúng ta có 2 cách sau để biết tại sao lại không chính xác.

- CÁCH 1: đưa influence vào từ điển [www.ozdic.com](http://www.ozdic.com) để kiểm tra liên kết từ. Kết quả là không có “make influence” mà chỉ có “have influence.”
- CÁCH 2: đưa cả cụm “make influence on” vào [www.google.co.uk](http://www.google.co.uk) để kiểm tra. Kết quả là không có cách dùng như vậy.

“sit for a scholarship” là cụm từ không phù hợp với văn cảnh vì nó không làm rõ ý nghĩa cần nói. Ở đây, ý nghĩa là “ảnh hưởng đến cơ hội được học bổng” thì sẽ hợp lý hơn ý nghĩa “ảnh hưởng tới việc ứng tuyển học bổng đó.”

**Gợi ý sửa:** *It concerns me that my average GPA may lower my chances of winning that scholarship.*

Vậy đấy, nguyên tắc thì rất đơn giản nhưng thực hiện lại không phải chuyện đùa. Để có được một câu đúng 100%, bạn sẽ cần phải cực kỳ tỉ mỉ, kiểm tra từng chữ một và sửa cho đến khi ưng ý thì thôi. Thế nhưng, chính yêu cầu này sẽ giúp bạn ôn lại được rất nhiều kiến thức ngữ pháp và từ vựng, để bảo đảm câu mình viết ra đủ để đạt...9 điểm, hihi.

**Tip:** Với mình, khi áp dụng phương pháp bắt chước “i hịt,” mình sẽ thay đổi cực ít để bảo đảm không hề mất sức mà vẫn có câu “ngon” nhất để sử dụng. Ví dụ, ở câu trên, mình chỉ cần thay “my father” thành “my teacher” là thành câu của mình mà chắc chắn không thể sai được. Thậm chí, nếu câu hay và dễ ứng dụng sẵn rồi, mình cứ để nguyên như vậy mà đọc diễn cảm để ngắm âm thanh thôi.

# Phương pháp Hệ thống từ vựng bằng 4 cuốn bí kíp thần kỳ

Trong thời buổi Facebook, bạn có thể dễ dàng bị cuốn đi trong thác lũ thông tin; hãy là người đứng trên bờ để câu những con cá béo từ dòng thác lũ đó, thay vì lao vào để bị cuốn đi.

Để tránh tình trạng mơ hồ khi học tiếng Anh (cái gì cũng có vẻ biết nhưng chẳng biết mình thực sự biết cái gì), bạn cần biết cách hệ thống kiến thức, để lúc nào đầu óc cũng thư thái, chứ không nặng nề và u mê. Những cuốn “bí kíp” thần kỳ giống như chiếc két sắt. Nó giúp bạn lưu trữ những thứ hay ho, có thể lấy ra sử dụng dễ dàng, thay vì cái gì cũng phải ghi nhớ rất mệt mỏi.

Nguyên tắc chung:

- ít nhưng chuẩn xác
- bản thân người học phải thấy gần gũi và yêu thích
- đọc và nghe hàng ngày là điều kiện bắt buộc (để tìm được vàng bạc châu báu đưa vào “két”)

Nếu vi phạm bất cứ nguyên tắc nào nói trên, cuốn bí kíp sẽ mất đi tác dụng.

## Cuốn 1: Phát âm (Pronunciation)

Hãy sử dụng trang cuối của cuốn tập (vở) và một note trên smart phone của bạn để ghi lại những từ vựng bạn phát âm chưa chuẩn hoặc chưa biết phát âm.

Yêu cầu:

- Số lượng: ít (2-3 words/tuần)
- Không được ghi phiên âm, nếu quên cách phát âm, bạn phải tra từ điển để kiểm tra lại
- Bạn cần phát âm chuẩn những từ vựng ghi trong cuốn Phát âm này. Âm thanh đó phải được lưu giữ trong trí nhớ, tức là bạn có thể hình dung được đó mà không cần đọc to lên.

## Cuốn 2: Đánh vần (Spelling)

Spelling là yếu tố quan trọng hàng đầu với 3/4 kỹ năng trong IELTS (Listening – Reading – Writing). Chỉ cần thiếu 1 chữ cái thôi là bạn sẽ mất *toàn bộ điểm* của câu trả lời, không cần biết bạn nghe đọc siêu đến mức nào. Đáng tiếc rằng, spelling lại là kỹ năng gần như bị bỏ quên trong quá trình ôn thi IELTS.

Hãy sử dụng cuốn tập (vở) đi học của mình để thực hiện việc luyện spelling mỗi ngày theo yêu cầu sau:

- Viết bằng bút chì mềm
- Rõ ràng và chính xác về spelling – tốt nhất là đưa cho người khác xem họ có đọc được từng chữ cái hay không, đừng tự đánh giá chủ quan
- Khi viết, trong đầu hình dung ra âm thanh của cụm từ vựng đang viết để ngầm cả cách đọc và cách viết

Tip: bạn có thể ghi nhớ spelling bằng mèo đánh vần chữ đó bằng tiếng Việt (exercise, vehicle)

## Cuốn 3: Cụm diễn đạt “tù”

File lưu trong máy tính – bản in lưu trong túi áo/quần – 1 copy lưu trong smart phone.

- Số lượng: ít (có những ngày trôi qua mà chúng ta sẽ chẳng đọc hay nghe được cái gì hay đâu)
- Yêu cầu: nguyên bản, không được biến đổi nội dung + bạn cần phải thực sự hiểu những phrases đưa vào đây.
- Độ dài: cụm diễn đạt hay (<5 words)

Lưu ý:

- Việc đọc và nghe hàng ngày cung cấp inputs cho cuốn 3. Cuốn 3 lại cung cấp inputs cho cuốn 1&2.
- Nếu không đọc và nghe hàng ngày thì cũng không thể có inputs cho bắt cứ cuốn bí kíp nào.

Dưới đây là ví dụ về cuốn 3

Tổng hợp sách báo hàng ngày
Impact trumps income, as I used to say in a past life.
I'm a nightmare dressed like a daydream
London the Capital of Cool
Animal Farm
...our lives are <b>miserable, laborious and short</b> ...and the very instant that our usefulness has come to an end we are slaughtered with hideous cruelty. No animal in England knows the meaning of happiness or leisure after he is a year old. No animal in England is free. The life of an animal is <b>misery and slavery</b> : that is the plain truth.
...the work of the farm went like clockwork.
"Discipline, comrades, iron discipline!"
...the joy of service and the dignity of labour...
Spoken language – fillers (công cụ lắp chỗ trống khi nói)
He got the scholarship, <b>which is a great news</b> .
<b>Oh I love it.</b>
<b>Well, let me think</b> , it's difficult to say that....

## Cuốn 4: my “dear” mistakes

Ghi lại những lỗi bản thân mình hay sai để sử dụng soát lỗi khi viết và nói.

Bạn có thể lưu thành file trong máy tính hoặc chép ra vở, miễn là có thể lấy ra dễ dàng mỗi khi cần tra cứu. Nếu ghi vào tập vở, bạn cần dành 1 phần riêng trong tập vở, **ghi thật to và đóng khung chữ My “dear” mistakes** lên đầu trang. Sau đó, hãy đánh dấu chỗ đó lại để dễ dàng giờ ra khi cần dùng.

**Yêu cầu:** đừng tham mà ghi quá nhiều vào đây, khi soát lỗi bạn sẽ bị rối và việc chữa lỗi sẽ không hiệu quả. Hãy xác định mục tiêu “chậm mà chắc” – ghi 1, 2 lỗi thôi nhưng nó ngấm vào đầu là được.

Ví dụ: My “dear” mistakes

1. Tuyệt đối không dùng “what” trong mệnh đề quan hệ hay mệnh đề tính ngữ
2. Kiểm tra lỗi số ít số nhiều với động từ

## Cuốn 5 & 6: Reading & Listening

Bạn chỉ cần có 1 phần riêng biệt trong tập vở để ghi lại những kinh nghiệm của riêng mình với kỹ năng Đọc và Viết. Hãy ghi thật to chữ **Reading** hoặc **Listening** lên đầu trang và đóng khung cũng như đánh dấu chỗ này lại để tiện tra cứu.

Nguyên tắc: ghi thật ít nhưng ứng dụng thật nhiều, tuyệt đối không tham

Ví dụ

**Reading**

- Luôn cắt bỏ những thứ thừa thãi để tạo sự liền mạch chủ vị
- Phải tìm được chỗ có chứa thông tin trả lời cho câu hỏi
- So sánh key words trong câu hỏi và trong bài

# Lộ trình học Writing ZERO to HERO

Dành cho những ai...không biết bắt đầu từ đâu

Bài viết đã được giới thiệu trên trang Ăn trưa cùng Tony

Đạt 9.0 IELTS Writing là một dấu mốc trên chặng đường gắn bó với tiếng Anh của mình. Thành tích này đã cho mình rất nhiều thứ nhưng, trên tất cả, nó khiến mình càng yêu tiếng Anh và việc viết lách hơn.

Tuy nhiên, chặng đường đến với 9.0 IELTS Writing của mình lại chứa đựng nhiều bí mật kinh hoàng mà một trong số đó là...

## Mình chưa từng ôn luyện IELTS Writing

Được thừa hưởng bộ sách IELTS từ cô ruột từ những năm còn chưa vào cấp 3, IELTS Writing với mình lúc đó chỉ là những trang giấy đen xì và những hình vẽ quái dị (của Task 1).

Lúc đó và cả tận sau này khi đã vào đại học, IELTS Writing với mình luôn là những câu hỏi cao siêu và những biểu đồ phức tạp, tiếng Việt mình còn chẳng bao giờ nghĩ đến chứ đừng nói là tiếng Anh.

Vì thế, khi cần IELTS cho việc du học, mình đã xác định chiến lược: Nghe Đọc là trọng tâm, Nói Viết có được đến đâu thì cố. Có lẽ chính vì vậy mà việc ôn thi của mình lại diễn ra rất nhẹ nhàng nhưng cực kỳ hiệu quả vì công sức được đổ vào đúng chỗ.

- Nghe tốt giúp mình thấm âm thanh và ngữ điệu tiếng Anh --> nhớ từ vựng rất nhanh và bền.  
Đọc tốt giúp mình ứng dụng ngữ pháp để hiểu văn bản một cách thực sự --> ngữ pháp rất chắc chắn để ứng dụng khi viết câu.

Thế nhé, lời khuyên số 1 là: Hát nhiều chưa chắc đã hát hay, Viết nhiều chưa chắc đã Viết giỏi – hãy cứ tập trung vào Nghe Đọc & Ngữ pháp cho tốt đã, đừng quá căng thẳng về Writing.

## Cách “trị” Task 1

Với nhiều bạn, Task 1 có lẽ là một nỗi kinh hoàng. Mình cũng đã trải qua cảnh ngộ đó nên chắc lời khuyên dưới đây sẽ có ích với bạn.

Đó là cảnh ngộ gì? Vâng, đó là việc càng cày các mẫu câu hay từ vựng Task 1 (rise, fall, hold a major proportion, etc.) thì lại càng rối loạn và..sai. Khi đó, mình đã quyết định dừng lại vì thấy sao việc ôn thi lại...chán quá thế này.

Và mình tạm thời gạt bỏ hết mọi từ vựng và mẫu câu tiếng Anh máy móc kia đi, tập trung vào mỗi một câu hỏi: Có gì hot về cái biểu đồ “mắc dịch” này? Và mình trả lời câu hỏi đó bằng tiếng Việt, tạm thời không cần tiếng Anh.

Đây chính là điểm đột phá trong quá trình crack IELTS Writing Task 1 của mình vì, khi tạm quên tiếng Anh đi, sự tập trung được dồn vào việc hiểu bản chất số liệu và chủ động tìm ra những so sánh và đối chiếu đáng giá để mình cảm thấy...sướng trước đã.

Và thực sự rất sướng vì lúc đó, thay vì rối mắt lên vì chi chít số liệu và hình vẽ, mình chỉ chú ý đến những cái “nhất” mà thôi: cao nhất, thấp nhất, chênh lệch nhất – bài nào có số liệu cũng áp dụng được tuốt. Và chính những cái nhất này lại “ăn khớp” với yêu cầu chỉ trình bày key features trong đề Task 1.

Khi đã có được phát hiện đáng giá rồi, mình ép nó vào một khuôn riêng do mình tự nghĩ ra; đó là công thức diễn đạt: nhận xét trước – minh họa số liệu sau. Chỉ cần 3 cụm diễn đạt như vậy thôi là thừa 150 words rồi. Nói Task 1 dễ chính là bởi lý do này.

Quan trọng hơn, chính việc “thực sự hiểu” số liệu khiến mình ít khi mắc những lỗi nghiêm trọng như nhầm lẫn đơn vị “amount” hay “number” hay hiểu sai bản chất của số liệu.

Kinh nghiệm chấm hàng trăm bài viết mỗi năm của mình cho thấy việc “không hiểu bản chất” số liệu là lỗi nghiêm trọng và phổ biến nhất bởi hầu hết thí sinh đều lao vào từ vựng, mẫu câu thay vì bỏ thời gian để “thực sự hiểu” biểu đồ.

## Tốc độ là VUA

Tốc độ là yếu tố quan trọng hàng đầu với bất cứ kỳ thi nào, và Writing cũng không phải là ngoại lệ. Quá trình gắn bó với IELTS Writing đã cho mình 1 phát hiện “cực” hay. Tốc độ của Writing lại bao hàm 4 tốc độ thành phần, gồm:

- ➊ Tốc độ giải quyết vấn đề (problem solving)
- ➋ Tốc độ huy động từ vựng và ngữ pháp để trình bày vấn đề
- ➌ Tốc độ viết cơ học của tay (để đảm bảo mạch suy nghĩ không bị ngắt quãng)
- ➍ Tốc độ phát hiện và sửa lỗi

Để viết tốt, bạn phải “nhanh” ở cả 4 tốc độ trên CÙNG LÚC. Chính vì đòi hỏi cao như vậy mà kỹ năng Viết được hầu hết mọi thí sinh đánh giá là kỹ năng “chất chúa” nhất.

- ➊ Tư duy nhanh sẽ giúp bạn “xử lý” được câu hỏi một cách thuyết phục (nhưng mới chỉ là ở mức độ tiếng Việt thôi).
- ➋ Tốc độ huy động từ vựng và ngữ pháp nhanh sẽ giúp bạn chuyển được nội dung bạn suy nghĩ đó thành tiếng Anh một cách chuẩn xác tương đối (tức là vẫn có lỗi sai).
- ➌ Tốc độ viết cơ học của tay là khả năng bạn viết nhanh, viết đẹp và viết dễ dàng, để việc viết nó tự nhiên như hơi thở và hoàn toàn không ảnh hưởng tới mạch suy nghĩ cũng như tâm lý.
- ➍ Tốc độ phát hiện và sửa lỗi là khả năng bạn nhìn ra lỗi của mình để xóa sạch chúng đi, đơn giản vậy thôi.

Những thói quen sau đây trong quá trình học tiếng Anh đã giúp mình “tối ưu hóa” cả 4 kỹ năng này, hy vọng nó sẽ hữu ích với bạn.

## Đừng “rặn” – Hướng dẫn tìm ý nhanh khi Viết và Nói

Trước một đề IELTS Writing, chắc bạn đã từng thốt lên: “Sao không “rặn” được chữ nào vậy ta!”. Lời khuyên của mình là: “Đừng, đừng bao giờ làm điều đó!”

Cũng giống như với cơ thể, khi bạn cần phải “rặn” thì át hẳn có điều gì đó không ổn trong cơ thể bạn rồi. Hai tips sau sẽ giúp bạn thoát khỏi tình trạng “lí bí” khi viết.

**Tip 1 - Không đọc thì không viết:** Quy tắc này rất đơn giản, bạn chỉ cần làm đúng như vậy là được (không đọc thì khỏi viết). Với một đề bài IELTS Writing, bạn hãy thử nghĩ một số từ khóa và đưa vào [www.google.co.uk](http://www.google.co.uk); sau đó, bạn chọn đọc 1-3 bài từ những trang Anh hay Mỹ “xịn.”

Khi đọc, hãy thật tập trung để hiểu và cảm nhận. Nếu gặp cụm diễn đạt hay, dễ hiểu và dễ nhớ, hãy copy và tạo thành một file riêng. Khi đọc xong, bạn đã chuyển từ hoàn cảnh “tay trắng” sang trạng thái “dư dả vốn liếng” để đầu tư cho bài viết của mình.

**Tip 2 - Những ý tưởng “bắt chọt”:** Trong một bài báo nổi tiếng về *Những điều người trẻ cần làm ở lứa tuổi 20* để khỏi hối tiếc khi về già (“già” được hiểu là bước sang tuổi 30 hay 40), tác giả đã khẳng định “nếu bạn không lưu lại những ý tưởng bắt chọt, bạn sẽ làm việc vất vả gấp đôi nhưng thành tựu đạt được chỉ bằng phân nửa những người lưu giữ ý tưởng.”

Chắc chắn mấy chục năm sau để bạn thấy điều trên là đúng - chỉ cần 1 giây, bạn có thể đã mất tiêu một ý tưởng để đời rồi.

Điều kỳ diệu của việc lưu giữ những khoảnh khắc vụt sáng là nó giúp cho bộ não của bạn thông minh hơn. Khoa học đã chứng minh rằng bạn càng có nhiều ý tưởng hay thì càng có nhiều khả năng bạn có thể kết nối chúng lại thành một cái gì đó bất ngờ và (có thể) rất vĩ đại.

Hãy coi mỗi người trên thế giới này là một tế bào thần kinh trong bộ não của bạn đi. Bạn thấy rồi đấy, Google đã kết nối các tế bào đó lại thành những bài IELTS Writing "lặng lẽ" và nhiều ý tưởng đến nhường nào rồi phải không?

Đó chính là sức mạnh của những ý tưởng bất chợt, hãy chớp lấy, đừng để chúng thoát. Đang đi xe, hãy dừng lại ở một chỗ an toàn và ghi nhanh vào điện thoại. Đang ăn cơm, hãy chạy ra lấy ngay tờ giấy và chiếc bút để vừa nhai vừa viết ý tưởng. Đang bận việc, hãy đọc toáng lên để người xung quanh có thể giúp ghi lại giúp mình.

Hãy lưu giữ chúng ngay và luôn, bởi hai khoảnh khắc "vụt sáng" và "vụt tắt" của ý tưởng có thể chỉ tính bằng giây mà thôi.

### **Không bao giờ bắt mình phải nghĩ hay viết bằng tiếng Anh**

Có một bí mật đi ngược lại lời khuyên của bao nhiêu sách vở và thày cô nhưng nó đã giúp mình học tốt tiếng Anh và giải quyết được rất nhiều việc trong cuộc sống.

Đó là việc mình hầu như CHẲNG BAO GIỜ SUY NGHĨ bằng tiếng Anh cả :)

Vì sao vậy? Bởi với mình, suy nghĩ là một việc cực kỳ tự nhiên và, trong hầu hết các trường hợp, cái gì cần chúng ta suy nghĩ thì...rất là những thứ "không phải dạng vừa đâu." Mà gắn bó với IELTS Writing nhiều, có một điều mình có thể chắc chắn - đó là đề thi IELTS Writing thì nhất định "không phải dạng vừa đâu" hihi.

Khi đối diện với một vấn đề, nghĩ bằng tiếng mẹ đẻ là một phản xạ vô thức. Việc nghĩ bằng tiếng mẹ đẻ là tự nhiên và dễ dàng nhất mà nhiều khi còn chẳng ra, huống hồ là thứ tiếng còn đang "chẳng ra gì" B-)

Khi từ vựng và ngữ pháp chưa đầy đủ (thậm chí là đầy đủ đi chăng nữa) thì việc "bắt" bản thân suy nghĩ bằng tiếng Anh sẽ dẫn tới nhiều hệ lụy ảnh hưởng tới hiệu quả ôn luyện.

⦿ Hệ lụy 1: Mệt và không "fun": tay chân mệt mà đầu óc vui vẻ thì cái mệt đó thực ra lại khá nhẹ nhõm; nhưng đầu óc mệt thì rất nguy hiểm vì nó sẽ sinh ra tâm lý chán, mà đã chán thì...thôi. Đừng hỏi:P

⦿ Hệ lụy 2: Sáng tạo ra những thứ "nhìn vậy mà hỏng phải zậy." Đơn giản là từ vựng không có thì lấy cái gì mà dùng, ngữ pháp không chắc thì ghép từ vựng với nhau thế quái nào được.

Vì vậy, một tình huống đáng sợ xảy ra khi chúng ta sáng tạo ra những cách dùng của riêng mình (chỉ mình hiểu, Tây chả hiểu gì). Lâu dần, chúng ta sẽ ngấm độc với những cái sai và lâm vào tình thế oái oăm: "đọc bài Tây viết giấy đành đạch vì...chả hiểu gì, còn viết ra những thứ Tây đọc xong chỉ biết cùi lạy chứ tuyệt nhiên không thể hiểu và không thể sửa.

Vậy nhé, suy nghĩ là việc hệ trọng của đời người và nó luôn cần sự tỉnh táo, tập trung và sáng suốt. Vì thế, hãy cứ dùng bất cứ loại ngôn ngữ nào bạn thích, đừng "bắt mình" phải dùng tiếng Anh.

## Viết NGẮN

Cho đến tận 2 tuần trước khi thi, mình vẫn hoàn toàn không viết full essay. Đơn giản là mình thấy việc đó không "fun" – mà không "fun" thì chắc chắn sẽ không hiệu quả (ít nhất là với mình). Đơn vị viết của mình chỉ là câu và ý mà thôi.

Nhưng chính việc viết NGẮN lại giúp mình ôn thi rất hiệu quả vì nó rất nhẹ nhàng. Viết ngắn giúp cho mình tập trung nhiều hơn cho cả 3 yếu tố: nội dung, từ vựng và ngữ pháp.

Khi ý hay, từ đắt và ngữ pháp chuẩn, tự nhiên bạn sẽ cảm thấy rất...sướng. Vì khác với bad writing, good writing là bằng chứng của tư duy tốt, khả năng nghiên cứu và khả năng huy động từ vựng và ngữ pháp đắt giá để diễn đạt.

Đó chính là thứ để phân biệt giữa phim truyền hình Việt Nam và phim Mỹ, giữa Chủ tịch nước mình và Chủ tịch nước Mỹ đó hihi.

### “Săn lùng – Tích lũy – Bắt chước” chứ tuyệt nhiên không dịch

SĂN LÙNG là đọc thật nhiều để tìm bằng được cách nói "chuẩn Anh" cho những điều mình hay nói trong tiếng Việt, chứ không phải là sáng tạo ra thứ tiếng Anh mà Tây đọc chẳng hiểu gì.

TÍCH LŨY là đưa chúng vào những hệ thống lưu trữ riêng của mình để chúng thực sự đi vào đầu bằng cả âm thanh và hình ảnh một cách bền vững để mình nói chuẩn và viết chuẩn.

BẮT CHƯỚC là “làm i hịt” theo săn khuôn mẫu, chỉ thêm bớt 1 chút thôi để vừa dễ, vừa sướng và vừa đỡ sai.

Chính sự chăm chỉ ôn luyện kỹ năng Nghe và Đọc đã khiến mình xây dựng được một kho từ vựng đủ dùng để cần là chiến mà không phải đau đớn “rặn” nó ra như cách nhiều bạn hay nói.

Mới hôm qua thôi, cuốn sách mình đang đọc cũng đã cho mình một loạt những cách diễn đạt tuyệt hay mà giống “i hịt” tiếng Việt. Bạn thử xem nhé....

- ✖ The animals' blood boiled with rage when they.... | ...máu sôi lên vì giận dữ...
- ✖ Starvation stared them in their face. | Đói là mối họa “nhỡn” tiễn rồi :")
- ✖ No sentimentality, comrade... War is war. | Chiến tranh là chiến tranh. Hồi các đồng chí, đừng có ủy mị như thế.
- ✖ Grit your teeth and bear it. | Hãy cắn răng chịu đựng.

### 1<sup>st</sup> draft: Viết nhanh

Mình có một kỹ thuật cực kỳ lợi hại cho Writing – đó là kỹ thuật viết...cho xong. Khi viết, mọi sự tập trung và ưu tiên của mình dành cho mục tiêu cao nhất: viết xong. Bí từ tiếng Anh thì mình dùng tạm tiếng Việt, không có từ ưng ý nhất thì mình dùng từ ưng ý nhì, miễn là phải nhanh và...phải xong. Khi viết xong bản này, mình gọi nó là 1st draft.

Bạn đừng bao giờ vặn vẹo và chau chuốt với 1st draft, vì nếu làm như vậy, sự tập trung sẽ bị phân tán thay vì được dành trọn cho dòng chảy của ý nghĩ.

Đó là chưa kể đến việc, sự tập trung của bạn vào việc chau chuốt từ ngữ chưa chắc đã mang lại kết quả, thế mới xảy ra tình trạng viết mãi không xong, “rặn” mãi không ra một câu. Vì sao ư? Vì mạch nghĩ bị ĐÚTròi còn đâu.

Ồ, đó là 1st draft – vậy final draft thì sao?

## Final draft: Đọc lại, đọc lại nữa, đọc lại mãi

Với mình, đọc lại và đọc lại là điều then chốt để viết tốt. Để khẳng định tầm quan trọng của việc này, tiếng Anh thậm chí còn có cả một từ vựng riêng cho nó “to proofread” hay “proofreading.”

Chính vì vậy, mình luôn cảm thấy “hoảng hốt” vì nạn sai chính tả khi đọc emails, messages hay comments mà các bạn gửi lên page hay qua hộp thư cá nhân. Điều đáng nói là các nội dung này hầu hết đều bằng tiếng Việt.

Thời gian “đọc lại” và proofreading của mình thường kéo dài gấp 3 thời gian viết. Khi proofread, mình mở sẵn 3 trang web gồm Cambridge dictionary, [ozdic.com](http://ozdic.com) và [google.co.uk](http://google.co.uk) (tất cả đều miễn phí) để tiện tra cứu.

- ★ Mình dùng Cambridge để xem các ví dụ hay để áp dụng kỹ thuật Bắt chước ở trên.
- ★ Mình dùng [ozdic.com](http://ozdic.com) để tìm những collocations (cách kết hợp từ) trúng nhất và đắt nhất
- ★ Mình dùng [google.co.uk](http://google.co.uk) để kiểm tra xem những cụm từ và cách diễn đạt có “xịn” hay không (tức là người Anh “xịn” họ có dùng như vậy không?).

Việc đi chậm như một con rùa lúc sửa bài khiến mình thực sự ngán được kỹ thuật số 6 – qua đó, bắt chước nhanh hơn, tìm kiếm hiệu quả hơn. Hiệu quả này có thể được lượng hóa bằng công thức 1-3

- Thời gian viết bài = 1 thì thời gian sửa bài = 3
- Level TRƯỚC KHI sửa bài = 1 thì level SAU KHI sửa bài = 3

Level ở đây là vốn từ vựng và sự chắn chắn về ngữ pháp. Vậy đấy, đi 1 về 3, lãi khỏi bàn cãi nhé.

Việc này quan trọng như vậy đấy nên nếu hiện tại, ngay cả 1 comment ngắn cùn tiếng Việt của bạn còn chỉ lối lỗi thì đừng hỏi tại sao Writing của mình lại be bét nhé :P

# Tôi đã được 9 điểm IELTS Writing như thế nào (bài giới thiệu trên VnExpress)

Vũ Hải Đăng, thí sinh Việt Nam giành điểm tuyệt đối kỹ năng Việt, phần khó nhất trong kỳ thi IELTS, là một trong 10 người Việt nhận học bổng Chevening toàn phần của Chính phủ Anh trao cho những tài năng trẻ trên nhiều lĩnh vực.

Anh đã có bài chia sẻ với VnExpress về kỹ năng giành điểm cao ở kỳ thi IELTS.

## Phải đọc đúng cách

Đọc truyện và sách báo bằng tiếng Anh là việc bắt buộc hàng ngày nếu bạn muốn lên trình cho kỹ năng Nói và Viết. Tuy nhiên, đọc hùng hục chưa chắc đã tốt nếu như bạn đọc sai cách.

Để việc đọc thực sự hiệu quả, bạn đừng liên tục dừng lại để ghi chép từ mới. Những quãng dừng sẽ khiến bạn bị ngắt mạch tập trung và “out” khỏi không gian câu chuyện. Vì vậy, thay vì liên tục ghi chép, bạn hãy để sẵn chiếc bút chì bên cạnh để đánh dấu lại thật nhanh những chỗ “có vấn đề” bằng ký hiệu. Dấu ? dành cho những chỗ đã tra từ điển mà vẫn không hiểu và dấu \* dành cho những chỗ có chứa từ vựng và cụm diễn đạt hay.

Bạn cũng đừng mắc bệnh thành tích khi đọc. Hãy nhớ, đây không phải là cuộc đua và bạn cũng không phải đang thi, vì thế nhanh chậm không phải là vấn đề. Điều quan trọng là hiểu và cảm nhận - nếu văn bản dễ đọc, bạn có thể đi băng băng; nhưng nếu văn bản khó đọc, bạn sẽ có thể phải dừng lại tra từ điển để hiểu thông suốt. Và rất có thể, ngay sau đó, bạn lại sẽ phải dừng lại để tra tiếp. Việc dừng lại này sẽ khiến cho việc đọc mất thời gian hơn, nhưng đây cũng là việc hoàn toàn tự nhiên cần làm để “thực sự hiểu”. Có hiểu thì mới có cảm nhận, có cảm nhận thì mới đi được đường dài.

Vậy lời khuyên là đừng dừng lại để ghi chép nhiều nhưng có thể dừng lại để tra từ điển và hiểu thấu đáo.

## Đừng bỏ quên trí khôn của mình

Một nỗi khổ của thí sinh IELTS tại Việt Nam là bị nhồi nhét quá nhiều, hàng ngàn từ mới, hàng chục khuôn bài mẫu kèm theo vô số chiến thuật - nhiều đến mức họ quên mất việc quan trọng nhất. Đó là sử dụng và sử dụng tối đa bộ não của mình.

Vì thế, đứng trước một đề bài, thay vì thực sự đọc kỹ để hiểu đề - phản xạ của nhiều thí sinh là “Aha, bài này mình học rồi, thày dạy rồi”, từ đó, họ cố nhớ ra những mẫu câu và từ vựng cho sẵn. Trong khi, cái hay của đề thi Việt IELTS là chỉ cần thêm bót một vài chữ là đã thay đổi toàn bộ câu hỏi, vô hiệu hóa cách học vẹt như trên.

Ví dụ, đề bài “Do you agree that animal testing is the ONLY way to test the safety of products for human use?” hoàn toàn khác với đề “Do you agree with the use of animals in product safety tests?”.

Với đề đầu tiên, nếu cứ thao thao bất tuyệt rằng “tôi cực lực không đồng ý vì việc sử dụng động vật cho thí nghiệm là vô nhân đạo” thì rất tiếc, bạn đã sai đề mất rồi. Đề hỏi là bạn có đồng ý rằng đó là “cách duy nhất” không cơ mà. Trong khi đó, ý trên thì lại hoàn toàn phù hợp với đề thứ hai.

Bạn thấy rồi đấy, sự khác biệt giữa hai đề phía trên nằm gọn trong duy nhất một chữ “only” mà thôi.

## Cần có vốn từ vựng và ngữ pháp

Nói một cách đơn giản, bài thi Nói và Viết IELTS giống như một nồi cơm, trong đó từ vựng và ngữ pháp là gạo và nước. Không có gạo và nước, dù kỹ thuật nấu cao siêu đến đâu thì bạn cũng chẳng thể có được nồi cơm.

Vì vậy, việc nạp từ vựng và ngữ pháp mới cần diễn ra hàng ngày. Tuy nhiên, nếu không biết phương pháp đúng thì bạn sẽ khó tránh khỏi tình trạng học trước quên sau, biết nghĩa nhưng không biết cách dùng.

## Nên chia ra 2 loại từ vựng để học

Chia từ vựng thành 2 loại để học là bí mật để đẩy nhanh việc học và ứng dụng từ vựng chuẩn xác. Loại thứ nhất là những từ vựng dễ hiểu và loại thứ hai là những từ vựng để dùng.

Với những từ vựng dễ hiểu, chúng có thể rất xa lạ, khó nhớ cách viết, khó nhớ nghĩa và khó ứng dụng chuẩn xác. Điểm chung của những từ vựng loại này là khó.

Ngược lại, những từ vựng để dùng có những thuộc tính hoàn toàn ngược lại. Chúng có thể mới nhưng không quá xa lạ, chúng dễ thuộc, dễ nhớ nghĩa, cách viết và cách ứng dụng. Đặc biệt, cách sử dụng của những từ này nhiều khi giống tiếng Việt tuyệt đối, khiến cho việc nhớ và ứng dụng càng dễ dàng hơn. Như vậy, điểm chung của những từ vựng loại này là dễ.

Lời khuyên là hãy nạp càng nhiều từ vựng loại dễ càng tốt. Và hãy quên khẩn trương những lời khuyên kiểu như “em phải học nhiều từ khó vào thì mới điêm cao”. Cứ đọc ví dụ dưới đây, bạn sẽ hiểu thế nào là dễ mọi bề vẫn cực hay và cực nguy hiểm.

“Elon Musk was an early bloomer when it came to money. Young, rich and brainy. It's an envious trifecta” . (Elon Musk đã thành công về tiền bạc ngay từ khi còn rất trẻ. Trẻ tuổi, giàu có và thông minh - đó là 3 phẩm chất khiến người ta phải ghen tị).

- Cụm nên học: an early bloomer when it comes to...
- Cụm chỉ cần hiểu không cần nhớ: envious trifecta.

## Bắt chước cách diễn đạt chuẩn trong tiếng Anh

Một điểm cốt tử cần ghi nhớ trong việc học tiếng Anh là bắt chước chứ không phải sáng tạo từ mới, cách dùng mới. Tuy nhiên, do vốn từ và ngữ pháp còn yếu, nhiều thí sinh đã có phản xạ dịch từ Việt sang Anh hay tạo ra cách dùng của riêng mình. Đây là một điều tối kỵ vì khi đó, thay vì nạp vào mình những cái đúng, bạn đã vô tình tạo ra và nhớ cái sai. Mà một khi cái sai đã chiếm một chỗ trong bộ nhớ, bạn sẽ rất khó để xóa nó đi.

Vì vậy, lời khuyên là hãy tìm bằng được cách diễn đạt chuẩn trong tiếng Anh và bắt chước theo. Có một cách rất hay để tìm từ vựng chuẩn Anh mà bạn đang cần bằng [www.google.co.uk](http://www.google.co.uk) (nguồn bài viết chính thống từ các nước nói tiếng Anh).

Ví dụ, để viết về chủ đề sử dụng động vật cho thí nghiệm khoa học, bạn hãy nhập từ khóa “animal testing” vào Google UK và đọc một số bài viết liên quan. Khả năng cao là bạn sẽ tìm thấy những từ “chuan UK” mà lại “trúng phóc” nhu cầu sử dụng của mình.

## Đừng đi tìm cái không có

Một điều khá vô nghĩa mà nhiều thí sinh IELTS mắc phải đó là đi tìm... cái không có. Nói một cách cụ thể hơn, để trả lời về một vấn đề hay sự vật, điều kiện đầu tiên bắt buộc là bạn phải biết nó đã. Nếu vấn đề đó hoàn toàn mới và nó là con số không tròn xoe trong bộ não, dù bạn có cày xới bộ não lên thì cũng không tìm được đâu (vì nó có tồn tại đâu).

Vì vậy, trong quá trình ôn luyện, có thể bạn sẽ đối mặt với những đề thi khó, chậm đến phần kiến thức bạn bị hỏng. Khi đó, thay vì ngồi nặn ideas, bạn hãy dừng lại để trang bị kiến thức nền, bằng cách tìm kiếm theo chủ đề với từ khóa có liên quan, sử dụng [www.google.co.uk](http://www.google.co.uk) theo hướng dẫn ở trên.

## Đừng suy nghĩ quá nhiều

Trong bộ phim *Nhà độc tài vĩ đại*, một trong những bộ phim hay nhất mọi thời đại của vua hề Charlie Chaplin, có một câu nói tuyệt vời hay: “We think too much, we feel too little” - “Chúng ta suy nghĩ quá nhiều mà cảm nhận quá ít”.

Trong việc ôn thi IELTS, suy nghĩ quá nhiều có thể chính là một trong những lý do khiến bạn không suy nghĩ được. Bởi vì, nếu lúc nào bạn cũng nghĩ đến điểm số, lúc nào cũng nghĩ đến chiến thuật này, mưu mẹo kia, vô tình bạn đã mất đi sự trong sáng và nhẹ nhõm cần có để đầu óc được thả lỏng và thư giãn nhất. Mà trạng thái tĩnh của bộ não mới giúp bạn tập trung và sáng tạo tốt hơn.

Vì vậy, thay vì lúc nào cũng nghĩ, nghĩ, bạn hãy sống trọn từng phút giây bằng việc thả lỏng và cảm nhận. Chính việc cảm nhận sẽ giúp làm giàu suy nghĩ; thông qua cảm nhận, bạn sẽ có đánh giá của riêng mình. Và những đánh giá đó của bạn mới là điều người chấm bài cần nghe - họ cần nghe bạn, chứ không phải nghe bạn sao chép lại ý tưởng của một ai khác.

# Bí quyết học tiếng Anh thời loạn IELTS

Đạt 9.0 IELTS Writing, giành học bổng toàn phần Chevening của Chính phủ Anh mà không cần đi học thêm, anh Vũ Hải Đăng chia sẻ lời khuyên với các thí sinh IELTS trong thời buổi “người người học, nhà nhà mở lò luyện thi IELTS”.

Sau bài viết Tôi đã được 9 điểm IELTS Writing như thế nào được đăng tải, tôi đã nhận được rất nhiều điện thoại hỏi về phương pháp học tiếng Anh. Trong số này, có một phụ nữ đòi gặp mặt; khi gặp rồi, câu nói đầu tiên của chị là: “Em bày cho chị cách học tiếng Anh đi. Với chị, tiếng Anh sẽ là hợp đồng, dự án, là...tiền, tiền, em hiểu không? Em bày cho chị đi, gì cũng được nhưng mà nhanh gọn vào, chị không có thời gian đâu”.

Trước nhiệt huyết bùng bừng ấy, tôi chỉ dám nhỏ nhẹ: “Thưa chị, thứ duy nhất mà em cần ở chị lại là... thời gian thôi ạ”. Thời gian là yếu tố đầu tiên quyết định bạn có thể gắn bó được với tiếng Anh hay không.

Để theo đuổi một cuốn sách tiếng Anh, bạn sẽ cần thời gian gấp nhiều lần một cuốn sách tiếng Việt. Để ngắm một bài test, thời gian bạn bỏ ra sau khi test cần gấp nhiều lần thời gian làm nó. Để theo học một khóa tiếng Anh hiệu quả, khoảng thời gian tự học của bạn cũng phải gấp đôi thời gian trên lớp.

Thế đấy, trước khi quyết định chi tiền, bạn hãy tự hỏi “mình có thời gian cho IELTS không?” đã nhé.

## Facebook

Cuốn sách *Đời về cơ bản là buồn... cười* của nhóm tác giả Lê Bích có một câu rất hay: “Thiên tài cần 1% tài năng và 99% không bị phân tâm bởi... Facebook”. Câu nói này đặc biệt đúng với tình trạng mất tập trung trong xã hội ảo ngày nay.

Các thí sinh IELTS Việt Nam còn mất tập trung hơn khi bị bủa vây bởi muôn trùng lời khuyên, vô số ebook và các trang Facebook về IELTS. Vì thế, nếu bạn muốn học tốt IELTS, hãy tạm thời dừng việc la cà các diễn đàn IELTS trên mạng xã hội.

Bạn có thể bật lại rằng, nhưng mà ở trên đó em thấy có rất nhiều bí kíp tăng điểm cơ mà. Có thể đúng là như vậy nhưng 10 năm trước đây, khi không có ma trận đồ bí kíp đó, phải chẳng bao thế hệ đã không thể được điểm cao IELTS? Câu trả lời đã rõ, thực tế là thời gian để bạn thực sự gắn bó với một cuốn sách giá trị hơn rất nhiều việc chỉ la cà trên mạng để săn bí kíp.

Hãy nhớ, chẳng ai có thể bơi được bằng cách chỉ mở Facebook lên và ngắm 1.001 bí kíp dạy bơi cả. Tuy nhiên, nếu bạn vẫn cứ thích bí kíp thì... hãy đọc phần tiếp theo.



Vũ Hải Đăng và Ngoại trưởng Anh Boris Johnson trong một hội nghị giáo dục tại Vương quốc Anh

## Kinh thánh dành cho sĩ tử IELTS

Với độ phủ sóng của bộ sách này tại Việt Nam, việc nhắc đến series Cambridge IELTS có lẽ là thừa. Tuy nhiên, những ai có nền tảng tiếng Anh yếu dễ bị choáng và mất tinh thần khi làm ngay bộ sách này. Vậy bạn có thể tham khảo lộ trình sau.

Nếu mới bắt đầu ôn luyện, hãy đi từ nấc thấp nhất với bộ Cambridge KET, cao hơn là Cambridge PET và cao hơn nữa là Cambridge First Certificate. Bản thân tôi cũng chỉ theo đuổi bộ sách này, thay vì đứng núi này trông núi nọ để rồi cái gì cũng dở dang. Đây là những cuốn sách này đã cho tôi nền tảng ngữ pháp chắc chắn và sự tự tin vào bản thân trong những ngày đầu bỡ ngỡ. Đặc biệt, các bạn mới bắt đầu học nghe sẽ tiến bộ rất nhanh khi tìm được những bài luyện nghe phù hợp với trình độ của mình qua KET, PET để rồi từ đó đi lên.

Bạn nên bắt đầu bằng ấn bản mới nhất của các bộ sách này vì những ấn bản đầu tiên có thể đã cũ và không còn phù hợp nữa. Ngoài ra, bạn không nhất thiết phải hoàn thành cả series, hãy chuyển lên nấc thang cao hơn nếu thấy rằng mình đã đủ từ vựng và ngữ pháp để nhảy bậc.

## Phát âm chuẩn

Phát âm chuẩn là điều quyết định để bạn có thể theo được tiếng Anh. Hãy ví âm thanh của một từ vựng tiếng Anh như một bài hát mà bạn đã thuộc, nó được lưu giữ trong bộ não của bạn một cách rất tự nhiên và lâu bền. Bạn chẳng cần nhớ mà vẫn có thể hát nghêu ngao, thậm chí, bạn muốn quên nó cũng chẳng được. Thế nên việc phát âm chuẩn và lặp đi lặp lại cho đến khi âm thanh đó được lưu giữ lại trong não là việc tối quan trọng trong quá trình học tiếng Anh.

Các từ điển điện tử miễn phí hiện nay của Cambridge hay Oxford cho phép bạn nghe phát âm chuẩn. Tuy nhiên, đừng nghe vội, hãy tự mình đọc trước đã, bằng cách nhìn phiên âm. Cách này sẽ giúp bạn tự tin hơn và nhớ lâu hơn. Ngoài ra, hãy tạo cho mình một playlist các bài hát tiếng Anh yêu thích và cứ nghe đi, lâu dần, những lời hát tiếng Anh hay sẽ ngấm vào bạn từ lúc nào không hay.

## Viết câu đơn

Được tin tưởng gửi gắm hàng trăm bài luận để chữa mỗi năm, tôi hay tự hỏi sao tiếng Anh của người Việt phức tạp và khó hiểu hơn tiếng Anh của Tây thế nhỉ? Câu trả lời đến từ thói quen viết câu phức (tạp) hòng tăng điểm ngữ pháp của các bạn.

Đúng là câu phức quan trọng thật và đúng là nó giúp tăng điểm ngữ pháp. Nhưng có một sự thật còn quan trọng hơn, đó là câu phức thực ra được tạo nên từ nhiều câu đơn. Nếu như câu phức khiến chúng ta khó kiểm soát về mặt ngữ pháp và nội dung thì câu đơn lại giúp chúng ta soát lỗi dễ dàng. Vì vậy, thay vì viết câu lê thê để tỏ ra nguy hiểm, chúng ta hãy viết những câu đơn thực sự nguy hiểm đi. “Nguy hiểm” ở đây được hiểu theo nghĩa tích cực là chuẩn, chắc và hay.

Khi bạn đã làm được điều trên, việc viết câu phức giờ chỉ là chuyện nhỏ. Bạn chỉ cần... ghép chúng lại là xong.

## Từ điển Anh Anh và từ điển kết hợp từ (collocation)

Nếu chưa rèn được thói quen sử dụng từ điển Anh Anh, bạn đừng nên đi học ở đâu hết. Từ điển Anh Anh sẽ giúp bạn va đập với những mẫu câu và tình huống tiếng Anh thực tế. Rất nhiều câu trong số đó có thể đánh trúng mục đích sử dụng của bạn. Vậy là, thay vì phải ngồi nghĩ cách diễn đạt, bạn chỉ cần thay một vài từ là xong.

Từ điển collocations giúp bạn hình thành thói quen kết hợp từ chuẩn xác khi dùng tiếng Anh, thay vì thói quen dịch Việt Anh nguy hại. Ví dụ, trong tiếng Việt, chúng ta nói *dùng bữa sáng* nhưng trong tiếng Anh, chúng ta lại phải nói là *eat breakfast* hay *have breakfast*.

Bạn có thể sử dụng từ điển collocations của ozdic.com và các từ điển Anh Anh của Cambridge và Oxford. Tất cả đều miễn phí trên mạng.

## Đọc sách và đọc sách và đọc sách

Đọc sách là con đường ngắn nhất để đến với tiếng Anh và bạn hãy đọc sách giấy để tránh tất cả tác nhân gây mất tập trung. Khi đọc sách, bạn dùng từ điển để hiểu thấu đáo nhưng đừng mất thời gian cắm cúi ghi chép vì nó sẽ khiến bạn mất tập trung. Chỗ nào thấy hay, bạn hãy đánh dấu bằng cách gấp góc trang giấy. Sau mỗi cuốn sách, bạn chỉ cần dành khoảng 20 phút là có thể chép lại toàn bộ cụm diễn đạt hay từ sách vào vở hoặc file trên máy tính để lưu lại và ứng dụng.

Khi đọc sách, hãy trung thực với bản thân, hiểu là hiểu, không hiểu là không hiểu, cần tránh tuyệt đối tình trạng đọc xong mà đầu óc vẫn mờ sương khói, tưởng là hiểu mà thực ra lại chẳng hiểu gì. Khi bạn đọc sách mà không hiểu, việc đọc sẽ trở thành gánh nặng thay vì nguồn vui. Vì vậy, hãy lựa chọn cho mình những cuốn sách phù hợp, nhưng biết thế nào là phù hợp? Câu trả lời là bạn sẽ không bao giờ có đủ ngôn ngữ để đọc một cuốn sách đâu (thế thì sách mới giúp làm giàu vốn ngôn ngữ của bạn chứ). Vì vậy, hãy cứ đọc đi.

Các bạn ở trình độ thấp có thể bắt đầu bằng truyện có hình minh họa dành cho trẻ em, rồi tiến lên truyện trẻ em ít hình và nhiều chữ hơn. Ngoài ra, văn phong tiếng Anh hay làm khó người đọc vì những trạng ngữ được đặt lung tung trong câu, hãy phẫu thuật cắt bỏ chúng để chủ ngữ và vị ngữ liền mạch là xong.

### Dưới đây là minh họa cho kỹ thuật này:

Câu gốc: During these 24 hours the island was to all intents and purposes cut off from the rest of the world.

Câu phẫu thuật: During these 24 hours the island was cut off from the rest of the world.

Giải thích: Trong 24 giờ này, hòn đảo đã bị cô lập với phần còn lại của thế giới. (cụm “to all intents and purposes” mang ý nghĩa bổ sung, đã bị cắt bỏ để câu trở nên đơn giản và dễ hiểu hơn).

Vũ Hải Đăng

# Chinh phục 8.5 IELTS Reading

# “Cái đầu nhẹ”

Nguyên tắc “cái đầu nhẹ” là một trong những chìa khóa quan trọng nhất để mở cánh cửa bước vào thế giới của những cuốn sách. Thật trớ trêu, hầu hết chúng ta lại đi ngược lại nguyên tắc này khi đọc các tài liệu tiếng Anh. Vậy đấy, nếu như “cái đầu nhẹ” giúp chúng ta yêu thích và vui vẻ thì “cái đầu nặng” lại khiến chúng ta chán ghét và mệt mỏi.

Vậy nguyên tắc “cái đầu nhẹ” là gì? “Cái đầu nhẹ” là nguyên tắc gạt bỏ hoàn toàn tham vọng khi đọc. Bạn sẽ bước vào tác phẩm một cách thoải mái nhất, hoàn toàn không kỳ vọng gì cả - đọc mà không hòng “ghi nhớ” điều gì. Khi đó, mọi sự tập trung sẽ được dành cho việc hiểu và thực sự hiểu, cảm nhận và thực sự cảm nhận. Hiểu được thì mới cảm được, cảm được thì mới biết được mình thích hay không thích thứ đang đọc.

“Cái đầu nhẹ” là quy tắc đầu tiên, giản dị nhưng cũng quan trọng nhất để bạn tập lắng nghe bản thân. Khi bạn thích, điều đó có nghĩa thứ bạn đang đọc đánh trúng sở thích, niềm tin hay triết lý sống của bạn. Khi bạn cảm thấy vui, có thể điều bạn đang đọc là một kiến thức hoàn toàn mới khiến bạn cảm thấy hạnh phúc vì được “khai sáng.” Kể cả khi bạn không thích, điều này cũng có nghĩa bạn có ý kiến phản biện với tác giả.

Tất cả những phản ứng này đều tốt cho não và giúp phát triển tư duy phản biện của bạn. Tư duy phản biện hay critical thinking cực kỳ quan trọng để bạn luôn dồi dào ý tưởng và luôn có thể đưa ra những lập luận sắc sảo để khẳng định hay bác bỏ một ý kiến.

# Code it!

“Code it” hay “Mã hóa nó” nghe thật thời thượng trong thời đại Industry 4.0 hiện nay. Đối với kỹ năng Đọc, coding là khả năng mã hóa để lưu lại những điều hay ho chúng ta gặp được ở một tác phẩm hay văn bản. Đây là một kỹ thuật cực kỳ đơn giản nhưng lại vô cùng hiệu quả, giúp chúng ta đạt trạng thái tập trung cao nhất khi đọc (tập trung nhưng vẫn rất thư thái) mà vẫn không bỏ lỡ những “vàng bạc chau báu” trên đường đi.

Vậy kỹ thuật này là gì? Code it là kỹ thuật sử dụng những ký hiệu của riêng bạn để lưu lại những điều không thể bỏ qua khi đọc. Bạn có thể thoải mái lựa chọn ký hiệu, dưới đây là một số ký hiệu mình sử dụng:

## ✓ Ký hiệu mã hóa từ vựng và cụm diễn đạt hay

### ♡ Ký hiệu mã hóa những chỗ hay về nội dung theo những tiêu chí sau

- Tiêu chí 1: những gì mình đã biết nhưng đánh trúng vào niềm tin của bản thân, đọc mà thấy sung sướng vô vàn
- Tiêu chí 2: những gì mình chưa biết, khai sáng cho bản thân với ý tưởng hay và mới lạ

? Ký hiệu mã hóa những chỗ đã tra nát từ điển và Google mà vẫn không thể hiểu, sẽ ghi lại để hỏi. Hỏi ai? Hỏi thày, hỏi Tây hay hỏi các IELTS groups.

Kỹ thuật Code it! có 2 ưu điểm nổi bật. Thứ nhất, bạn sẽ hệ thống kiến thức rất nhanh chóng và tiện lợi. Thứ hai, bạn sẽ cần IN văn bản ra để ghi các ký hiệu. Việc đọc văn bản IN giúp bạn tạm rời xa thế giới mạng, để học một cách tập trung hơn.

# HIỂU và THỰC SỰ HIỂU

Hiểu ở đây bao gồm hai thái cực “thực sự hiểu” và “thực sự...không hiểu,” dù là 2 thái cực hoàn toàn đối lập nhau nhưng, dù ở thái cực nào, người học cũng đều rất trung thực và biết chắc chắn mình “hiểu” hay “không hiểu.” Khi biết chắc chắn rằng mình thực sự “không hiểu,” họ sẽ có hành động hỏi để hiểu thì thôi.

Tại sao mình lại phải mất thời gian để nói điều tưởng như là hiển nhiên này? Dưới đây là một số lý do quan trọng.

**LÝ DO 1:** Phương pháp giảng dạy môn tiếng Anh quá chú trọng đến các bài thi ngữ pháp khiến cho đại đa số học viên chỉ tập trung vào việc điền đúng đáp án ngữ pháp. Và mọi sự “sung sướng” sẽ dừng lại ngay sau khi hết bài. Trong khi đó, một phương pháp giảng dạy kỹ năng Đọc đúng đắn là phải làm sao để sự sung sướng diễn ra âm ỉ kể cả khi sách đã đóng lại.

**LÝ DO 2:** Thói quen sử dụng từ điển Anh-Việt có thể khiến học viên hình thành một thói quen khác rất có hại, đó là “ép” nghĩa cho văn bản và “vờ vĩnh bản thân” rằng mọi việc thế là xong, mình đã hiểu rồi, “hình như” nó là như vậy.

Khi giảng dạy, mình có một phép thử “rất hiệu nghiệm” để phát hiện ra những ca “giả vờ hiểu” này, bằng một số câu hỏi như sau:

- ✖ Bạn hãy nhìn vào câu abc này và dành thời gian đọc nó.
- ✖ Khi đọc, hãy dùng bất cứ sự trợ giúp nào để hiểu và thực sự hiểu câu abc.
- ✖ Ok, xong rồi phải không, giờ thì bạn hãy tóm lược lại bằng tiếng Việt đi xem câu abc nói về cái gì? Hãy nhớ là chỉ cần nói ý hiểu chứ đừng dịch máy móc từng từ, từng chữ.

Bạn hãy xem ví dụ dưới đây, thay vì để cả câu, mình chỉ cắt ra 1 phrase thôi để các bạn dễ theo dõi:

*In the most dysfunctional organisations....*

- ✖ Học viên A: trong hầu hết các tổ chức vận hành kém hiệu quả...
- ✓ Học viên B: trong những tổ chức vận hành kém hiệu quả nhất...

Chúng ta có thể thấy rõ ai là người đúng trong việc “hiểu” ví dụ trên (đó là học viên B). Từ ví dụ này, chúng ta lại thấy được rằng việc “hiểu và thực sự hiểu văn bản và văn cảnh” không hề đơn giản. Nó cần nền tảng ngữ pháp tốt cũng như sự tỉ mỉ và cẩn trọng trong mọi tình huống.

Quan trọng hơn, ví dụ trên còn hé lộ một hiện tượng cực kỳ nguy hiểm khi học tiếng Anh. Đó là thảm trạng “hoàn toàn đúng nhưng lại hoàn toàn sai.” Hãy nhìn lại cách hiểu của học viên A để phân tích về hiện tượng nguy hiểm này. Nội dung học viên A “tạo ra” là hoàn toàn đúng và chẳng có vấn đề gì trong thực tế nói chung; nhưng trong văn cảnh này, nội dung đó là hoàn toàn sai so với điều mà tác giả muốn nói.

Về tính nguy hiểm của hiện tượng này, chúng ta có thể coi nó như hiện tượng “ảo giác” hay “ngáo đá” khi học tiếng Anh – nhìn vào vực thẳm mà lại tưởng đường quang và thế là tự đưa mình lao xuống vực. Anyway, đừng lo, sẽ có cách để bớt “ngáo.” Hãy đọc tiếp phần sau.

# Ba kỹ thuật THẦN KỲ

Phần này sẽ chia sẻ với các bạn ba bí kíp “gia truyền” đã giúp mình đạt 8.5 kỹ năng Đọc, nền tảng quan trọng cho điểm 9.0 kỹ năng Viết trong kỳ thi IELTS.

## KỸ THUẬT 1: Phẫu thuật SVO

SVO hay cấu trúc Chủ ngữ - Động từ - Tân ngữ là trái tim của câu và mệnh đề trong tiếng Anh. Tuy nhiên, một sự thật “ngang trái” là các bộ phận trong SVO không phải lúc nào cũng nằm cạnh nhau, gây khó khăn cho bạn trong việc kiểm soát mạch ý khi đọc.

Tiếng Anh là ngôn ngữ giàu thông tin và việc chèn thông tin vào câu lại đặc biệt tự do. Chính những phần “chèn thêm tự do” này phá vỡ sự liền mạch Chủ Vị (SVO). Và khi đã biết được điều này rồi thì bạn sẽ biết mình phải làm gì, phải không?

**Action:** hãy luôn tìm Chủ ngữ và Động từ rồi ghép chúng lại với nhau là xong. Hãy cùng “phẫu thuật” những câu sau ứng dụng kỹ thuật này nhé.

**Câu gốc:** As to the hardships, these though severe may be endured.

**Câu phẫu thuật:** As to the hardships, though they are severe, they may be endured.

- SVO 1: though they are severe
- SVO 2: they may be endured.

**Dịch nghĩa:** Những khó khăn có thể kinh khủng thật đấy nhưng vẫn có thể chịu được.

**Câu gốc:** The fact that he was able to live in the cabin more or less permanently and still appear for work shaven, washed, and in a jacket and tie spoke of a surviving personal discipline.

**Câu phẫu thuật:** He was able to live in the cabin more or less permanently and still appear for work (shaven, washed and in a jacket and tie). That fact spoke of a surviving personal discipline.

**Dịch nghĩa:** Ông ấy gần như sống hẳn trong 1 ngôi nhà gỗ bên rừng nhưng vẫn sáng sáng đi làm trong một phong thái chỉnh chu (mày râu nhẵn nhụi, tắm rửa sạch sẽ, trang phục đàng hoàng). Việc đó nói lên nhiều điều về tính kỷ luật cá nhân còn sót lại.

## KỸ THUẬT 2: Phẫu thuật GRAMMAR

Kỹ thuật Phẫu thuật Grammar bổ sung và hoàn thiện kỹ thuật Phẫu thuật SVO. Việc phẫu thuật SVO giúp biến 1 câu có quá nhiều mệnh đề được ghép “loạn xạ” thành một hoặc nhiều câu và mệnh đề được sắp xếp theo trật tự. Sau đó, việc phẫu thuật Grammar giúp chia tách nhỏ hơn từng đơn vị trong SVO thành những công thức ngữ pháp bạn đã biết (hoặc không biết) để mọi thứ hiện lên thực sự rõ ràng.

Làm được việc này, bạn sẽ không chỉ yên tâm xử lý những câu dài dằng dặc trong bài đọc IELTS mà còn nắm chắc ngữ pháp tiếng Anh, điều kiện số 1 để bạn chinh phục bài thi Writing nữa.

**Action:** với 1 câu khó, hãy bảo đảm bạn hiểu everything everything and everything about its grammar.

Chúng ta hãy thực hành với một câu dài và khó nhé:

**Câu gốc:** Berger was convinced that it was only when Blomkvist went on TV and calmly defended his claims that Swedish media, in spite of the fact that Millenium had been all over the headlines for a week, recognised that the story did hold up.

**Câu phẫu thuật SVO**

*In spite of the fact that Millenium had been all over the headlines for a week, Berger was convinced that (it was only when Blomkvist went on TV and calmly defended his claims that Swedish media recognised that the story did hold up.)*

**Phân tích:** đây là một câu khó, nếu chỉ dùng thủ pháp phẫu thuật SVO thì học viên có thể vẫn chưa hiểu rõ. Mấu chốt nằm ở cấu trúc ngữ pháp “it is + abc + that....” (được dùng để nhấn mạnh); trong đó, abc là

bất cứ cái gì cần nhấn mạnh. Trong trường hợp này thứ cần nhấn mạnh là cả 1 mệnh đề “when Bloomkvist...”

Sau khi đã nắm được cấu trúc ngữ pháp trên, chúng ta sẽ tiến hành phân tích câu gốc như sau: *In spite of the fact that Millenium had been all over the headlines for a week*: Mặc dù bài báo của tờ soạn Millenium đã tràn ngập trên trang nhất của các báo trong suốt cả tuần...

*Berger was convinced that...*: Berger bị thuyết phục rằng.... → Câu hỏi: bị thuyết phục bởi điều gì?

*It was only when Blomkvist went on TV and calmly defended his claims that Swedish media recognised that the story did hold up.*: Chỉ khi Blomkvist lên TV và bình tĩnh bảo vệ những kết luận của mình thì giới truyền thông Thụy Điển mới nhận ra rằng bài báo đã thực sự thành công. → Trả lời cho câu hỏi: Berger bị thuyết phục bởi điều gì?

### Tổng kết Grammar trong câu trên

- it is/was abc that....: cấu trúc nhấn mạnh với ý nghĩa “chính ai đó/sự việc gì đó đã....”
- in spite of something: mặc dù chuyện gì, điều gì xảy ra
- do/did + verb: cách diễn đạt nhấn mạnh
- a story holds up = a story becomes successful

Chúng ta tiếp tục ứng dụng kỹ thuật trên với câu “bớt khó hơn” được trích ra từ một bài đọc IELTS.

**Câu gốc:** Just because chance had been ruled out as an explanation did not prove telepathy must exist.

**Câu phẫu thuật:** (Just because chance had been ruled out as an explanation) did not prove telepathy must exist.

### Phân tích:

- Subject: Just because chance had been ruled out as an explanation
- Verb: (did not) prove

**Dịch nghĩa:** Người ta đã bác bỏ giả thiết rằng những trường hợp nghi vấn về thần giao cách cảm xảy ra là do ngẫu nhiên. Nhưng việc bác bỏ này cũng không chứng minh được rằng thần giao cách cảm chắc chắn có tồn tại.

### Tổng kết Grammar trong câu trên

(Just because...): nguyên cả mệnh đề này có thể đảm nhiệm chức năng chủ ngữ

## KỸ THUẬT 3: “they, it, the”

“They, it, the” là những công cụ từ vựng được sử dụng để người viết nhắc đến những đối tượng đã được đề cập trước đó. Đây là những công cụ rất tốt để tạo sự liên kết trong văn bản, vì vậy, chúng rất phổ biến trong tiếng Anh.

Việc luôn nắm rõ “they, it, the + noun” thực sự nhắc tới ai, cái gì ở phía trước là rất quan trọng. Nếu không nắm rõ hoặc xác định sai, bạn có thể sẽ không thể hiểu được văn cảnh mình đang đọc.

# Bộ tài liệu thần thánh nào để master kỹ năng Đọc?

Quan điểm của mình là bắt cứ tài liệu nào cũng có thể là tài liệu...thần thánh nếu bạn thực sự hiểu và tài liệu đó mang lại cho bạn hạnh phúc và sự mở mang kiến thức khi đọc. Tuy nhiên, mình cũng có một bí kíp “thần thánh,” đã áp dụng rất hiệu quả với bản thân. Hy vọng, bí kíp này cũng sẽ hiệu quả với các bạn.

Bí kíp đó nằm ở nguyên tắc RỘNG và HẸP khi sử dụng tài liệu Reading. Nguyên tắc này được miêu tả như sau

- ⦿ Với mục tiêu chinh phục IELTS Reading: hãy tập trung trí lực của mình vào phạm vi “hẹp” . Hẹp ở đây được hiểu là gắn bó với một bộ sách, cày nát bộ sách đó cho đến khi đi thi.
- ⦿ Với mục tiêu mở rộng tri thức và từ vựng: hãy đọc thật “rộng” chủ đề và thể loại. Khi đọc báo, có thể hôm nay bạn đọc về bầu cử Mỹ, ngày mai về tình yêu và ngày mốt về sức khỏe sinh sản. Khi đọc truyện, có thể tháng này bạn ôm tiễn thuyết diễm tình, tháng sau đọc Shakespeare, tháng sau nữa lại đọc sách về Lập trình chẳng hạn.

Hai nguyên tắc trên bổ trợ nhau rất đắc lực trong quá trình học. Nguyên tắc RỘNG giúp bạn có được “trường” từ vựng rộng lớn để phục vụ cho việc “chiến” các bài thi Reading thật ngon lành khi luyện thi theo nguyên tắc HẸP.

Với các học viên còn bỡ ngỡ với IELTS hoặc có nền tảng chưa vững, lời khuyên của mình vẫn là trung thành với một lộ trình từ thấp đến cao. Đó cũng là cách mình đã chập chững những bước ban đầu khi đến với IELTS qua những series tuyệt vời của Cambridge English: Key for Schools, Cambridge English: Preliminary for Schools, Cambridge English: First for Schools. Key là bộ sách cho trình độ thấp nhất, sau đó đến Preliminary và First. Sau khi hoàn thành bộ First, mình đã thoải mái chuyển lên các bài IELTS Reading mà không cảm thấy quá “sốc.”

Nếu bạn đọc theo nguyên tắc “rộng” để tăng vốn từ vựng thuộc nhiều chủ đề, Flipboard 10 for TODAY hay Quartz là hai lựa chọn tuyệt vời. Sau khi bạn đăng ký nhận 10 for TODAY trên Flipboard ([www.flipboard.com](http://www.flipboard.com)), mỗi ngày trang web này sẽ tự động tổng hợp 10 bài báo “chất” nhất thuộc các lĩnh vực khác nhau. Mình có một thói quen hữu ích là mỗi ngày mình sẽ IN một bài báo thuộc series 10 for TODAY này để đọc – đây là bí kíp để mình luôn được cập nhật kiến thức mới về đa dạng chủ đề. Quartz là một trang Facebook rất hay, mang lại cho bạn các bài báo thuộc nhiều lĩnh vực. Bạn chỉ cần Like trang này trên Facebook là tin bài sẽ hiện lên trên timeline của bạn mà thôi.

Ngoài ra, một bí kíp khác để tăng vốn từ vựng và cảm giác của mình với tiếng Anh là đọc sách. Nói một cách công bằng, đây là cách tốt nhất để bạn bước lên một tầm cao mới về hiểu biết và trải nghiệm. Nếu vốn từ và ngữ pháp của bạn còn ít, hãy lựa chọn những tác phẩm kinh điển được viết lại cho trình độ thấp trong các ấn phẩm của Macmillan Readers, Cambridge Readers, Oxford Bookworms hay Penguin Readers. Bạn có thể tìm những ấn phẩm này tại nhà sách Phương Nam hoặc FAHASA ở các thành phố lớn.

Nếu bạn muốn trải nghiệm những tác phẩm nguyên bản nhưng có độ dài vừa phải, hãy bắt đầu với những tác phẩm sau The art of war, The little prince, Animal farm, The old man and the sea. Bạn có thể phải đặt sách này từ nước ngoài hoặc bỏ công tìm kiếm, nhưng bạn sẽ không hối tiếc đâu vì khi đọc, bạn sẽ thấy rằng: “Ồ, những sách này hoàn toàn không khó và tiếng Anh thực sự “xịn” hoàn toàn không chút nào. Giản dị và ngắn gọn là đỉnh cao của ngôn ngữ.”

# Tốc độ đọc: Too Fast, Too Furious

Tốc độ là một nỗi ám ảnh với các thí sinh IELTS; đặc biệt, khi bạn đối diện với 3 bài đọc dày kín chữ của IELTS Reading, có lẽ điều bạn nghĩ đến đầu tiên sẽ là tốc độ. Chính vì điều này, nhiều tài liệu, sách vở và phần mềm cũng được viết ra để giúp bạn tối đa hóa tốc độ đọc.

Đã từng trải qua thời “đIÊN CUỒNG” chạy theo “quả tên lửa tốc độ,” mình có thể khẳng định điều sau: “Sai lầm lớn nhất trong việc học Reading là điên cuồng chạy theo tốc độ.” Bạn có thể kiểm chứng việc này rất dễ bằng cách thử làm một bài IELTS Reading, hãy để ý rằng mỗi lúc bạn đọc lướt để hòng tăng tốc độ là những lúc ruột gan bạn sẽ hơi quặt lên một chút, đầu óc bạn sẽ lướt nhanh hơn một chút con chữ và...chẳng hiểu gì hết.

Tốc độ khi đọc là thứ bạn không thể kiểm soát đơn thuần bằng ý chí. Với kỹ năng đọc, tốc độ đọc không phải là tốc độ cơ học của mắt trên văn bản mà là tốc độ thẩm thấu và xử lý thông tin của bộ não. Vì thế, kể cả Bill Gates cũng có thể sẽ phải bò trên từng con chữ khi đọc một cuốn sách về y dược hay Warren Buffet (1 trong 3 người giàu nhất thế giới, người đã trở thành huyền thoại với việc đọc 500 trang sách/ngày) cũng sẽ phải đi như “cụ rùa” khi đọc sách về IT thôi.

Vì vậy, hãy dành thật nhiều thời gian để thực sự ngấm văn bản. Khi làm đề, hãy dành thật nhiều thời gian để xem những chỗ mình đã trả lời sai hoặc không hiểu. Khi đọc, hãy dành tối đa thời gian để mình được hiểu và được cảm tác phẩm. Bằng cách này, từ vựng và ngữ pháp sẽ “ngấm” vào bạn một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

Đến một ngày, đột nhiên bạn sẽ nhận ra rằng tốc độ đọc của mình đã tăng lên mà không cần cố gắng. Vậy đấy, hãy dồn toàn bộ tâm sức cho việc hiểu, cảm và ngấm. Đừng đuổi theo tốc độ, hãy quên nó đi và tốc độ sẽ đuổi theo bạn.

## Timing: tại sao nhất định phải đọc TRƯỚC lúc ngủ?

Bạn có thể đọc vào bất cứ lúc nào trong ngày – càng nhiều càng tốt. Nhưng nhất thiết, việc cuối cùng trong ngày của bạn phải là đọc; tức là việc đọc sẽ đưa bạn vào giấc ngủ.

Tại sao vậy? Khi bạn đặt việc đọc vào trước lúc ngủ, bạn sẽ tránh được việc reading slot này sẽ bị hủy bởi các lý do hay công việc khác. Bạn sẽ rất khó có thể tìm được một khoảng thời gian cố định trong ngày để thực sự tập trung cho việc đọc, đặc biệt khi khoảng thời gian đó đã quá kín với công việc, thể thao hay bạn bè. Vì vậy, việc để dành cho mình một khoảng thời gian trước lúc ngủ để đọc sẽ giúp bạn hình thành một routine (hành vi lặp đi lặp lại), bạn sẽ sớm trở thành một kẻ nghiện sách mà thôi. Quan trọng hơn, đọc sách sẽ giúp đưa bạn vào giấc ngủ một cách nhẹ nhàng. Điều này đặc biệt tốt cho sức khỏe và bộ não của bạn, trái ngược với tác hại gây mất ngủ của smart phones.

# Tổng hợp từ vựng hay từ việc đọc sách

## Zero to One

A unique founder can make authoritative decisions, inspire strong personal loyalty, and plan ahead for decades.

...Web 2.0 startups successfully launched **amid the debris of** the dot-coms...

...a valuable business must start by finding a niche and **dominating a small market** (like Facebook)...the challenge for the entrepreneurs who will create Energy 2.0 is to **think small**.

Great companies have secrets: specific reasons for success that other people don't see.

Are you starting with a **big** share of a **small** market?

"Software is eating the world," venture capitalist Marc Andreessen has announced with a tone of inevitability.

The most valuable businesses of coming decades will be built by entrepreneurs who seek to **empower** people rather than try to make them obsolete.

Like acting, sales works best when hidden...none of us wants to be reminded when we're being sold. Whatever the career, sales ability distinguishes superstars from also-rans.

If anything, people overestimate the relative difficulty of science and engineering, because the challenges of those fields are obvious. What nerds miss is that it takes hard work to make sales look easy.

All salesmen are actors: their priority is persuasion, not sincerity.

Tom Sawyer managed to persuade his neighbourhood friends to whitewash the fence for him – a masterful move. But convincing them to actually **pay him for the privilege of doing his chores** was the move of a grandmaster, and his friends were **none the wiser**. Not much has changed since Twain wrote in 1876.

For the company to work, it didn't matter what people looked like or which country they came from, but we needed every new hire to be equally obsessed.

The best thing I did as a manager at PayPal was to make every person in the company responsible for doing just **one thing**. I started doing this just to simplify the task of managing people. But then I noticed a deeper result: **defining roles reduced conflicts**. Most fights inside a company happen when colleagues compete for the same responsibilities. Startups face an especially high risk of this since job roles are **fluid** at the early stages. **Eliminating competition** makes it easier for everyone to build the kinds of **long-term relationships** that transcend mere professionalism.

The first team that I built has become known in Silicon Valley as the PayPal Mafia because so many of my former colleagues have gone on to help each other start and invest in successful tech companies. We sold PayPal to eBay for \$1.5 billion in 2002. Since then, Elon Musk has founded **SpaceX** and co-founded **Tesla Motors**; Reid Hoffman co-founded LinkedIn; Steve Chen, Chad Hurley and Jaw Karim together founded YouTube; Jeremy Stoppelman and Russel Simmons founded Yelp, David Shacks co-founded Yammer and I co-founded Palantir. Today all seven of those companies are worth more than \$1 billion each....the team has done extraordinary well, both together and individually....

If you can't count durable relationships among the **fruits** of your time at work, you haven't invested your time well – even in purely financial terms...stronger relationships would make us not just **happier** and better at work but also **more successful** in our careers beyond PayPal. So we set out to hire people who would actually enjoy working together. They had to be talented, but even more than that they had to be excited about working specifically with us. That was the start of the PayPal Mafia.

If you want an effective board, keep it small.

As a general rule, everyone you involve with your company should be involved full-time....However, anyone who doesn't own stock options or draw a **regular** salary from your company is fundamentally misaligned. At the margin, they'll be biased to claim value in the near term, **not help you create more in the future**. Part-time employees don't work. Even working remotely should be avoided, because **misalignment can creep in whenever colleagues aren't together full-time, in the same place, every day**. If you're deciding to bring someone on board, the decision is binary. Ken Kesey was right: you're either on the bus or off the bus.

When you start something, the first and most crucial question you make is whom to start with....

Founders should share a prehistory before they start a company together – otherwise they're just rolling

dice.

It's very hard to go from 0 to 1 without a team.

What to do with secrets.

*The few who knew what might be learned,  
Foolish enough to put their whole heart on show,  
And reveal their feelings to the crowd below,  
Mankind has always crucified and burned.*

Unless you have perfectly conventional beliefs, it's rarely a good idea to tell everybody everything that you know.

Great companies can be built on open but unsuspected secrets about how the world works. Consider the Silicon Valley startups that have harnessed the **spare capacity that is all around us but often ignored**.... Airbnb saw **untapped supply** and **unaddressed demand** where others saw nothing at all.... Only by believing in and looking for secrets could you see beyond the convention to an **opportunity hidden in plain sight**.

When thinking about what kind of company to build, there are two distinct questions to ask: What secrets is nature not telling you? What secrets are people not telling you?

He needed brilliance to succeed, but he also needed a **faith** in secrets. If you think something hard is impossible, you'll never even start trying to achieve it.... There are **many more secrets left to find**, but they will yield only to **relentless** searches.

If your goal is to never make a mistake in your life, you shouldn't look for secrets. The prospect of being lonely but right – dedicating your life to something that no one else believes in – is really hard. The prospect of being lonely and **wrong** can be unbearable.

The greatest thing Jobs designed was his business. Apple imagined and executed definite multi-year plans to create new products and distribute them effectively. ... Jobs saw that you can change the world through careful planning, not by listening to focus group feedback or copying others' successes.

Optimists welcome the future, pessimists fear it. (63)

If success were mostly a matter of luck, these kinds of serial entrepreneurs probably wouldn't exist. In January 2013, Jack Dorsey, founder of Twitter and Square, tweeted to his 2 million followers: "Success is never accidental."

...."Shallow men believe in luck, believe in circumstances.... Strong men believe in cause and effects." (60)

PayPal could be seen disruptive as well, but we didn't try to directly challenge any large competitor. It's true that we took some business away from Visa when we popularised internet payments... But since we expanded the market for payments overall, we gave Visa far more business than we took. The overall dynamic was net positive, unlike Napster's negative-sum struggle with the U.S. recording industry. As you craft a plan to expand to adjacent markets, don't disrupt: **avoid competition as much as possible.** (57)

A monopoly business gets stronger as it gets bigger: the fixed costs of creating a product (engineering, management, office space) can be spread out over ever greater quantities of sales. Software startups can enjoy especially dramatic economies of scale because the marginal cost of producing another copy of the product is close to zero.

...Service businesses especially are difficult to make monopolies. ...You can hire more instructors and expand to more locations, but your margins will remain fairly low and you'll never reach a point where a core group of talented people can provide something of **value to millions of separate clients**, as software engineers are able to do.

A good startup should have the potential for great scale built into its first design. (51)

One you're 10x better, you escape competition. (49)

(About merger between Elon Musk's X.com and Confinity) As a unified team, we were able to ride out the dot-com crash and then build a successful business. (42)

In the world of business, at least, Shakespeare proves the superior guide. Inside a firm, people become obsessed with their competitors for career advancement. Then the firms themselves become obsessed with their competitors in the marketplace. Amid all the human drama, people lose sight of what matters and focus on their rivals instead.

Let's test the Shakespearian model in the real world....Montague is Microsoft. Capulet is Google. Two great families, run by alpha nerds, sure to clash on account of their sameness. (38)

**Monopolies drive progress** because the promise of years or even decades of monopoly profits provide a powerful incentive to innovate. Then monopolies can keep innovating because profits enable them to make the long-term plans and to finance the ambitious research projects that **firms locked in competition can't dream of.** (33)

**It's hard to blame people for dancing when the music was playing....**

When I was running PayPal in late 1999, **I was scared out of my wits** – not because I didn't believe in my company, but because it seemed like everyone else in the Valley was ready to believe in anything at all. **Everywhere I looked**, people were starting and flipping companies **with alarming casualness**. One acquaintance told me how he had planned an IPO from his living room before he'd even incorporated his company – and he didn't think that was weird. In this kind of environment, **acting sanely** began to seem eccentric. (17)

Startup thinking

In the most dysfunctional organisations, signalling that work is being done becomes a better strategy for career advancement than actually doing work (if this describes your company, you should quit now.) At another extreme, **a lone genius** might create a classic work of art or literature, but he **could never create an entire industry**.

.... A startup is the largest group of people you can convince of a plan to build a different future. A new company's most important strength is new thinking: even more important than nimbleness, small size affords **space to think.** (11)

# Grammar Bible

# Parts of Speech [Vị trí và vai trò ngữ pháp của từ]

Parts of speech also called word classes, include nouns, pronouns, adjectives, adverbs, verbs, function words.

## KUNGFU NOTES

Parts of speech hay vị trí và chức năng ngữ pháp của từ vựng trong câu. Việc xác định chính xác parts of speech rất quan trọng để bạn có thể tra từ điển cũng như hiểu chính xác từ vựng trong văn cảnh.

PART OF SPEECH	DEFINITION	EXAMPLE
<u>Nouns</u>	Names a person, place or a thing, including feelings, ideas and qualities	women, Anne, London, parts of speech, anger, freedom, weight
Common	Names a whole category of persons, place or things	Women, street, car
Proper	Names a particular person, place or a thing	Anne, London, Ford
<u>Pronouns</u>	Used in place of a noun	I, me, her, mine, theirs, who?, that, all, both...
<u>Verbs</u>	Tells what a noun or pronoun is or does	Jump, look, see, be
Action	Shows physical or mental activity	run, go, think, forget
Linking	Links the subject to a word or phrase that renames and / or describes it	Jessy is the winner. You seem very tired.
<u>Adjectives</u>	Modifies a noun or pronoun: tells what kind, how much, how many, or which one	Two happy little boys with red balloons That hat is new.
<u>Adverbs</u>	Modifies an action verb, an adjective, or another adverb; tells where, when, how or to what extent/degree	He is playing outside. We worked quickly. They are leaving soon Michael is very smart.
<u>Prepositions</u>	Shows the relationship between the noun or pronoun that follows it and some other word in the sentence	The man in the blue car is going to the park. The letter is from him.
<u>Conjunctions</u>	Parts of speech that join words, phrases or clauses	and, for, yet, but, or, nor, so Jason and Eric work together. We were late, so we ate in the car.
Interjections	Expresses surprise or emotion	Oh! The car's on fire! Help!

# Sentence Structure Chart [Cấu trúc câu]

## KUNGFU NOTES

Việc hiểu cấu trúc câu là rất quan trọng để kiểm soát ngữ pháp khi nói và viết. Bạn cần đọc kỹ và hiểu bài này.

SENTENCE PART	DEFINITION	EXAMPLES
SENTENCE	Expresses a complete thought; needs a subject and a verb; may also need a direct object, an indirect object or a subject complement	Matt fixed the radio. Jeff is happy. Check your backpack. Where did you leave your book?
SUBJECT	Tells who or what is doing the action or spoken about or to	<b>Matt</b> fixed the radio. <b>Jeff</b> is happy. <b>(You)</b> Check your backpack. Where did <b>you</b> leave your book?
VERB	Expresses action or links the subject to a word that identifies or describes the subject; <u>every sentence needs a verb</u> <b>IMPORTANT</b>	Matt <b>fixed</b> the radio. Jeff <b>is</b> happy. (You) <b>Check</b> your backpack. Where did you <b>leave</b> your book?
DIRECT OBJECT	Tells who or what receives the action of an action verb	Brian hit <b>the ball</b> to me. I saw <b>Sandra</b> at the mall.
INDIRECT OBJECT	Tells to whom or for whom an action is done	She gave <b>me</b> her paperwork. Sarah left <b>Mary Rose</b> a note.
SUBJECT COMPLEMENT	Follows a linking verb and renames or describes the subject	Anna was <b>our receptionist</b> . Angelina is <b>an English tutor</b> .

# Nouns

**Nouns** are words that name a person, place or any entity. Anything that exists; ideas, thoughts, emotions, people, all the objects (cars, planets, televisions, phones...) can be named.

Most sentences have multiple nouns, some sentences have only a single noun.

## Proper / Common Nouns

Nouns that name a particular item in a group are called **proper nouns**. The first letter is capitalized.

Michael Jordan (person, athlete...)

Pepsi Cola (drinks, soda),

New York (city)

Nouns that refer to a general class of person, place, entity are **common nouns** and they are not capitalized: basketball player, soda, city

## Count / Non-Count (Mass) Nouns

This is the classification according to whether a noun can be counted or not. **Count nouns** are countable.

cat

tree

Dr. Adams

book

nut

bean

**Mass nouns** name undifferentiated mass, things that are not usually considered countable..

water

milk

grass

sand

news

money

**Non-count nouns** are usually singular and quantified by [quantifiers](#) such as much, more, less, some...

some sugar

less water

little butter

## Abstract/Concrete/Collective Nouns

**Abstract nouns** name ideas, thoughts, emotions.

love, peace, honor

**Concrete nouns** name physical objects that have a mass.

ball, tree, glass

**Collective nouns** refer to a group of people or entities.

herd, bunch, army, family, tribe

# Articles – A | An | The

In addition to learning the rules, you can gain a good working use of the articles through reading and listening. Remember that the article is not stressed, so don't listen for its full value! Also, ask native speakers to help you when you don't know whether or not to use the article.

## Table of Articles [a/an/the/nothing]

NUMBER	INDEFINITE	DEFINITE
Singular	a / an	the
Plural	nothing	the
Non-Count	nothing	the

## Quick Hints

- a before consonants (**a book**)  
an before vowels (**an exam**)
- **Pronunciation** is what matters.  
**an hour** ('h' is silent and it's pronounced: **an our**)
- **Temporary illnesses:** (I have **a** headache, **a** cold, **a** fever, a backache)
- "The" with superlative forms (He is **the smartest** kid I have seen.)

## Some Rules using Articles

### Singular count nouns:

- indefinite: use 'a'
- definite: use "the"

My daughter wants to buy **a** dog this weekend. (Indefinite-Could be any dog)  
**The dog** in the backyard is very cute.(Definite-The one in the backyard)

He requested **a** puppy for his birthday.  
He wanted **the** puppy he played with at the pet shop.  
She ordered **a** hamburger without onions.  
Did you drink **the** coke I just ordered?

### Plural count nouns:

Use "the" or Nothing, never 'a'.

Come and look at **the** children. (definite)  
Children are always curious. (indefinite)  
She loves flowers. (indefinite)  
**The** flowers in her garden are beautiful. (definite)

Do you like reading grammar rules?

Do you like reading **the** grammar rules on this page?

### **Non-count nouns:**

Use "the" or nothing.

He has experience. (if indefinite or mentioned for the first time)

He has the experience necessary for **the** job. (if definite or mentioned before)

**The** medicine **the** doctor prescribed had unpleasant side effects.

Writing in a second language is especially challenging.

Have you studied **the** history of South Africa?

History reminds us that events repeat themselves.

### **Definite Article THE Rules**

#### **Adjectives as Nouns**

When referring to a group of people by use of an adjective rather than a noun, use "the".

the elderly	the disabled	the unemployed
the rich	the sick	the needy
the homeless	the young	the restless

#### **Names of Countries**

Some countries are preceded by "the", usually if the name is plural, contains an adjective, or includes "of".

The United States	The Soviet Union	The Republic of Congo
America	Russia	Spain
Japan	China	Mexico

#### **Cities and Streets use nothing**

Chicago	Fifth Avenue	San Francisco
Highway 5	London	Kennedy blvd.

#### **Rivers, Oceans, Seas, Groups of Mountains & Islands use "the"**

the Amazon	the Atlantic	the Mediterranean
the Cascades	the Hawaiian Islands	the Bahamas

## Numbers

### Cardinal numbers(1,2,3) use nothing

World War 2                      Page 7                      Chapter 1

Mission 1                      Paragraph 5                      Channel 6

### Ordinal numbers (1st,2nd,3rd) use "the"

The Second World War                      the seventh page                      the first chapter

the first mission                      the fifth paragraph                      the sixth channel

## **Titles of People**

When a title is given with a name, use nothing

President Mitchael                      Queen Mary                      Professor Scott

When a title is used without a name, use "the"

The president                      the queen                      the professor

## **Schools**

When a school has "of" in its title, use "the"

The University of Arizona                      The University of London                      Chapter 2

When a school does not have "of" in its title, use nothing

Lincoln High School    Arizona State University    Liverpool John Moores University

## **Location versus Activity**

When referring to an activity, use nothing

I am going to school now.(activity-study)

He is always on time for class. (activity-learn)

When referring to the location, use "the"

The meeting is at the school. (location-campus)

They are remodeling the movie theater. (location-building)

The new student had trouble finding the class. (location-classroom)

**Unique Objects - Use THE**

the earth

the human race

the world

the moon

the sun

the universe

**Part of a larger group, Use THE**

One of the students

None of the students

Both of the students

All of the students

# Other | Another | Each | Every **IMPORTANT**

(the) Other(s), Another, Each Other, Every Other

	Adjective	Pronouns
Singular	Another book	Another
Plural	Other books	Others
Singular	The other book	The other
Plural	The other books	The others

## Another

It means "a different one" when used on adjective, it's followed by a singular noun but with the expressions such as "time, distance, money" it can also be used with plural nouns.

- Can I have another knife, this one is blunt.
- This knife is blunt, can I have another?
- I need another two minutes to finish the test.
- I need another 10 dollars.

## Other (adjective) / Others (pronoun)

It means "different ones"

- There were other people in my room.
- Some people believe that the former president will win the election, whereas others disagree.
- In some myths, the flood comes as a punishment from the gods as a punishment for men's bad behavior, in others there is no explanation given.

## The other / The others (the rest)

- There are 3 books on my desk, two of these are mine, the other is yours.
- Some of the teachers in our school have gone to the school trip, the others stayed at the school.
- This documentary is so boring. Can I turn over to another channel?

## Every other + singular noun **IMPORTANT**

- You should take these pills every other day.  
(take it one day, do not take it the next day, take it again the following day)

- Write every other line when I dictate. (skip one line every time)

# Verb Tenses Chart [Thời của động từ]

The **tense** of a verb indicates the time at which an action or state of being happens. The verbs change form to show the various tenses. Some verbs are regular in their changes, some are irregular. See a list of [Irregular Verbs](#).

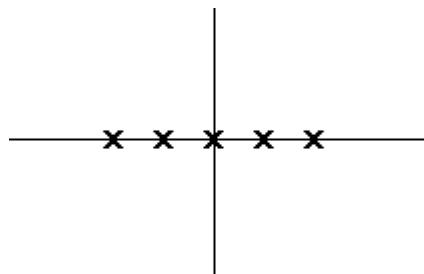
## 1) SIMPLE TENSES

### Simple Present Tense

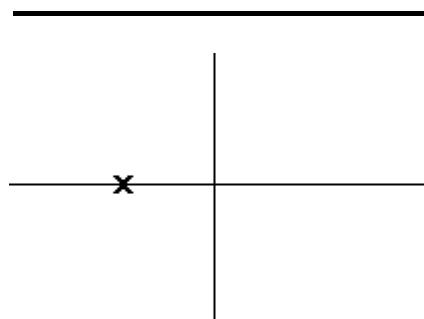
It **snows** in Alaska.

I **watch** television everyday.

I **visit** my cousin all the time.



In general, the simple present expresses events or situations that exist always, usually, habitually; they exist now, they have existed in the past, and will probably exist in the future.



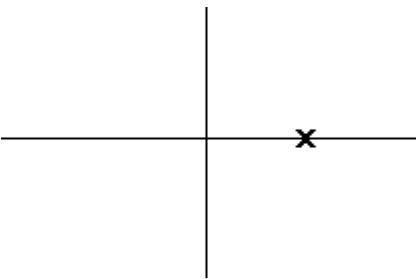
### Simple Past Tense

It **snowed** yesterday.

I **watched** television last night.

I **visited** my cousin last year.

At one particular time in the past, this happened. It began and ended in the past.



### Simple Future Tense

It **will snow** tomorrow.

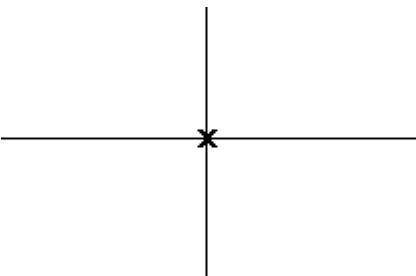
I **will watch** television tonight.

I **will visit** my cousin later.

At one particular time in the future, this will happen.

---

### 2) PROGRESSIVE VERB TENSES

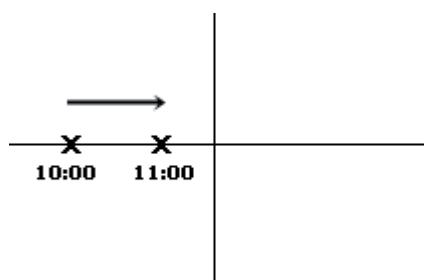


### Present Progressive Tense

He **is sleeping** right now.

He is asleep at the moment. His sleep *is in progress at the present time*, and will probably continue.(at least for a while)

---

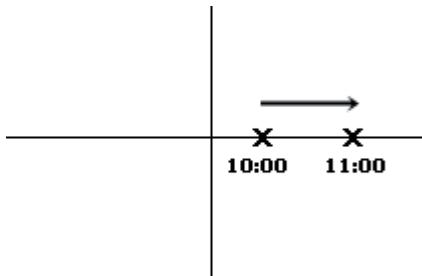


## Past Progressive Tense

He **was sleeping** when I arrived.

He went to sleep at 10:00 last night. I arrived at 11:00. He was still asleep. His sleep began before and *was in progress at a particular time in the past*. It probably continued.(at least for a while)

---



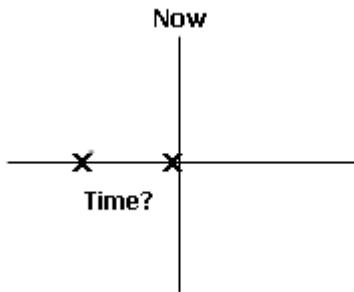
## Future Progressive Tense

He **will be sleeping** when we arrive.

He will go to sleep at 10:00 tomorrow night. We will arrive around 11:00. The action of sleeping will begin before we arrive, and it *will be in progress at a particular time in the future*. His sleep will probably continue.(at least for a while)

---

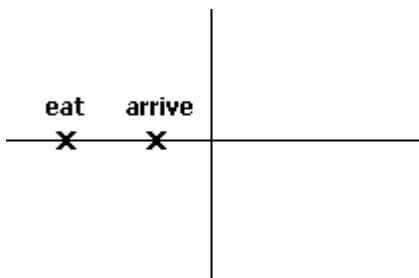
## 3) PERFECT VERB TENSES



## Present Perfect Tense

I **have** already **eaten**.

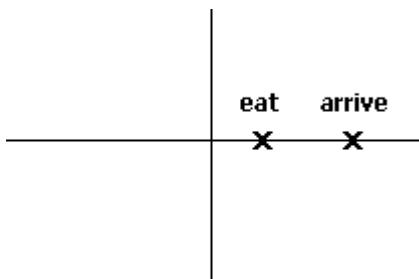
I finished eating something before now. The exact time is not important.



### Past Perfect Tense

I **had** already **eaten** when they arrived.

First I finished eating. Later they arrived. My eating was completely *finished before another time in the past*

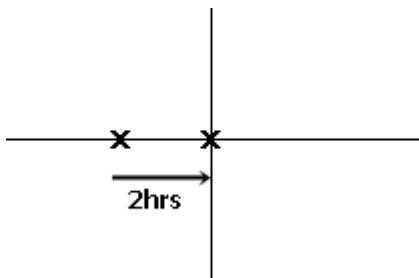


### Future Perfect Tense

I **will have already eaten** when they arrive.

First I will finish eating. Later they will arrive. My eating will be completely *finished before another time in the future*.

### 4) PERFECT PROGRESSIVE VERB TENSES



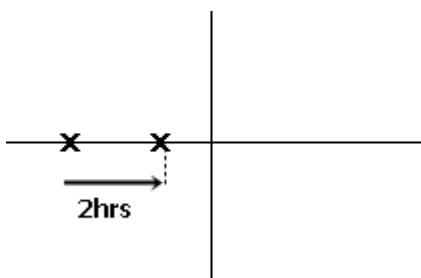
### Present Perfect Progressive Tense

**I have been studying** for two hours.

Event in progress: studying

When? Before now, up to now

How long? For two hours



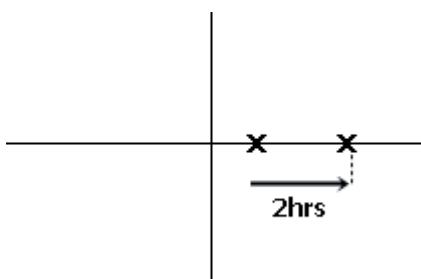
### Past Perfect Progressive Tense

**I had been studying** for two hours before my friends came.

Event in progress: studying

When? Before another event in the past

How long? For two hours



### Future Perfect Progressive Tense

**I will have been studying for two hours by the time you arrive.**

Event in progress: studying

When? Before another event in the future

How long? For two hours

# Action Verbs / Linking Verbs / Main Verbs / Helping Verbs [Các loại động từ] **IMPORTANT**

A verb is an important part of a sentence. It gives us information about the actions, events, or state of being. Verbs can be categorized into four groups:

- Main verbs
- Helping verbs ([auxiliary verbs](#))
- Linking verbs
- Action verbs

## Linking Verbs and Action Verbs

Linking verbs show no action. They just connect to the subject and give more information about the subject.

### For example:

We are writing an e-mail.

**are writing** shows action in progress, and it is an action verb.

We are students.

**are** gives information about the subject **we**(there is no action), and so it is a linking verb.

Your new book seems interesting.

**Seems** is a linking verb.

I see you.

**see** is an action verb.

The soup tastes good. (here **tastes** is a linking verb)

Sam is tasting the soup. (here **is tasting** is an action verb)

### Hint! **IMPORTANT**

An easy way to differentiate them is to replace the verb in question with a verb form of be. If the sentence doesn't make sense any more, then it is an action verb; if the sentence is still meaningful, it's a linking verb.

### For example:

The flowers we have picked from the backyard smell so nice.

The flowers we have picked from the backyard are so nice.

The sentence doesn't lose its meaning, so the verb **smell** in the first sentence is a linking verb.

He looked at me with fear in his face.

He was at me with fear in his face.

The second sentence doesn't make sense, so the verb **look** in the first sentence is an action verb.

Most common linking verbs are:

am / is / are / was / were

be / being / been

### Note:

There are some verbs that can both be used as action and linking verbs.

appear

stay

become	taste
feel	come
grow	lie
look	prove
prove	act
remain	turn
seem	fall
smell	get
sound	

## Main Verbs

A main verb has a major meaning on its own and it has a very important role in the predicate (predicate: vị ngữ).

### KUNGFU NOTES

Lỗi phổ biến nhất là số ít, số nhiều; dạng bất quy tắc của động từ thường

#### For example:

write, jump, talk, swim, eat, drive, ride, run etc.

## Helping Verbs

A helping verb, also called an Auxiliary verb, has no meaning on its own but helps the main verb in functional and grammatical way.

#### For example:

Daniel is drawing a picture.

**Daniel** is the subject, "is" is the helping verb, **drawing** is the main verb (action in progress), **a picture** is the object.

Some common helping verbs are:

am / is / are

was / were

be / been / being

have / has / had

may / might / must

shall / might / must

do / does / did

should / could / would

# Double Object Verbs [give me money | give money to me]

There are some verbs in English that can be followed by a direct and an indirect object.

**For Example:**

Subject/verb/Indirect obj/Direct obj.

Tony gave me some flowers

My sister sent me a postcard.

I brought you a bottle of wine.

With many verbs the indirect object is used with a prepositional phrase with “**to**” and there are some other common verbs that can be used with “**for**”.

**Prepositional phrase with TO**

Verbs	Examples
award	They awarded a gold medal to top 10 schools.
offer	They offered a management job to me.
send	I sent some money to you.
bring	Sam brought some flowers to you.
pass	Can you please pass the salt to me?
feed	My brother fed fish to our cat.
promise	My brother promised a laptop to me.
tell	You told the truth to me.
give	He gave a gift to me.
pay	They paid 50 dollars to the cashier.
write	He wrote a mail to me.
grant	They granted the password to me.
show	He showed his car to me.

teach	My teacher taught French to me.
mail	They mailed a letter to me.
sell	He sold a monitor to me.
present	I presented my assignment to the teacher.
lend	He lent his dictionary to me.
post	They posted a letter to you.
read	My mother read stories to me.

### Prepositional phrase with For

Verbs	Examples
bake	They baked bread for me.
find	I found a pen for you.
pour	I poured a glass of water for you.
book	Sally booked a table for us.
get	Can you get a gift card for me?
prepare	My brother prepares the table for us.
build	My brother is building a sand-castle for the kids.
knit	My grandma knitted a sweater for me.
reserve	He reserved a room for us.
buy	They bought a house for themselves.
make	He made a cake for his wife.

sing	They sang a song for me.
cook	My sister cooked the dinner for me.
order	I ordered a glass of wine for you.
provide	They provided shelter for us.
do a favor	Can you do a favor for me?

### KUNGFU NOTES

Khi indirect object đứng ngay sau động từ, giới từ sử dụng rất linh hoạt và đa dạng. Vì vậy, hãy luôn kiểm tra từ điển khi sử dụng ngữ pháp này.

- The school provides him **with** a scholarship.
- Can you buy me lunch? (no preposition)

### More Examples on Verbs with Two Objects

I gave him some money yesterday.(Active)

I gave some money to him yesterday.(Active)

Some money was given to him yesterday.(Passive)

He was given some money yesterday. (Passive)

I will buy her a book tomorrow.

A book will be bought for her tomorrow.

She will be bought a book tomorrow.

The teacher gave her a warning.

A warning was given to her by a teacher.

She was given a warning by the teacher.

The nurse will tell you the decision.

The decision will be told to you by the nurse.

You will be told the decision by the nurse.

They are going to provide us with accommodation.

The accommodation is going to be provided for us.

We are going to be provided with accommodation.

My sister sent me a card.

A card was sent to me by a sister.

I was sent a card by my sister.

He sold the old man an alarm clock.

An alarm clock was sold to the old man.

The old man was sold an alarm clock.

# Transitive and Intransitive Verbs [nội động từ & ngoại động từ] **IMPORTANT**

Though they often cause confusion, there is a simple rule that differentiates transitive and intransitive verbs.

**The Rule:** Whether they take objects or not.

## Transitive Verbs

### Subject + Verb + Object

They take a direct object after them and without the object they are incomplete.

Incomplete: I saw. (what did I see?)

Complete: I saw a bird. (a bird is the direct object here and completes the meaning)

Incomplete: I baked. (what did I bake?)

Complete: I baked some cake. (some cake is the direct object here and completes the meaning)

**Note:** notice that you can understand a verb whether transitive or not by asking the question "what".

### Example:

We played soccer.

Now that we can ask the question "what did you play?" it is transitive.

**Note:** some transitive verbs may take more than one object.

My son bought **me** a watch for my birthday.

They gave **me** a pay raise.

In the two sentences above the words in bold are indirect objects and the underlined words are direct objects; so, the verbs "buy and give" are transitive.

They awarded **a gold medal** to the top 10 students.

The young girl brought **some flowers** to her mother.

In the two sentences above the words in bold are direct objects and the underlined words are indirect objects; so, the verbs "award and bring" are transitive.

## Intransitive Verbs

### Subject + Verb

They don't take objects after them.

### Example:

Sandra cried.

We can't ask the question "what did she cry?" so it's intransitive.

The room flooded.

We swam.  
The birds flew.  
He jumped.

**Note:** notice that most intransitive verbs describe movement, and are usually followed by a prepositional or adverbial phrase to complete the meaning of the sentence with extra information.

**Examples:**

They **danced** at Sally's birthday party for hours.  
When the fire alarm rang, we all **ran** out of the building as fast as we could.  
The little girl was **sitting** on the corner.  
The Sun **rises** in the East.  
The earthquake **happened** yesterday at around 3 am.

See more about prepositional and adverbial phrase: [Adverbials](#)

**Note:** only transitive verbs can be turned into passive. Intransitive verbs don't have passive forms.

**Examples:**

The hurricane happened in 1997.  
Not The hurricane ~~was happened~~  
The athlete ran so fast that he broke the world record.  
Not the athlete ~~was run~~  
The little boy broke the vase.  
The vase was broken by the little boy.

**Note:** notice that there are some verbs that can be both transitive and intransitive depending on its usage and meaning.

**Examples:**

You have spoiled everything again.  
Put the meat in the fridge so that it doesn't spoil.

In the first sentence above the verb "spoil" has a meaning of ruining something and has an object so it is transitive; however in the second sentence "it doesn't spoil" means it doesn't go bad and doesn't have an object; so it is intransitive.

**List of common intransitive verbs:**

adapt	go
agree	happen
arrive	laugh
become	occur
belong	rise
collapse	sit

cost	sleep
depend	stay
die	swim
emerge	jump
exist	explode

fly

## Modal Verbs [can/could/may/might – động từ hình thái]

**Modals / Modal Verbs** express degree of necessity, advisability and certainty.

Modal Verbs Table

Modal	USES	Present / Future	PAST
be supposed to	expectation	We are supposed to meet them here.	We were supposed to meet here.
<b>IMPORTANT</b> be to	strong expectation	We are to meet them here.	We were to meet them here.
<u>can / could</u> <u>Can - Can't</u> <u>Could</u>	ability / possibility informal permission informal polite request impossibility (negative only)	I can learn modal verbs online. You can use my car tomorrow. Can I borrow your book? Cats can't swim.	I could jump high a few years ago but now I can't.  That can't have been true!
have to	necessity lack of necessity (negative)	I have to go to class today. I don't have to go to class today.	I had to go to class yesterday. I didn't have to go to class yesterday.
have got to	necessity	I have got to go to class today	I had to go to class yesterday.
<b>IMPORTANT</b> had better	strongly advised	You had better be on time.	(past form uncommon)

may	polite request formal permission less than 50% certainty	May I borrow your book? You may leave the room. He may be at the school.	He may have been at school.
Might	less than 50% certainty	He might be at school.	He might have been at school.
must	strong necessity  prohibition  95% certainty	I must go to class today.  You must not open that door.  Mary isn't in class. She <u>must be</u> sick.(present only)	I had to go to class yesterday.  Mary <u>must have been</u> sick yesterday.
ought to	advisability  80% certainty	I ought to study tonight.  She ought to be at school	I ought to have studied last night.  She ought to have done well on the test.
shall	ask another person's opinion (only used with I or we)	Shall I invite them too? Shall we dance?	
should	advisability  80% certainty	I should study tonight  He should be at school	You should have paid your bills.  He should have done well on the test.

#### Another Reference for Modals **IMPORTANT**

Legal Obligation / Official	MUST	Police officer: 'You <b>must</b> wear a seatbelt.'
Logical Conclusion	MUST	The teacher's absent. She <b>must</b> be sick.
Reporting a Rule	BE SUPPOSED TO	We <b>are supposed</b> turn our cell phones off in movie theaters.
Personal Necessity / Obligation	HAVE TO / HAVE GOT TO	I <b>have to</b> call the doctor today.
Possibility	CAN	I <b>can</b> meet with you on Friday.
Ability	CAN / BE ABLE TO	I <b>can</b> play the piano. I <b>am able to</b> speak English.
Permission	CAN / BE ALLOWED TO	I <b>can</b> have a dog in my apartment. I <b>am allowed to</b> have pets in my room.

Past Ability	COULD / WAS ABLE TO	When I was a kid, I <b>could</b> run for hours. <u><a href="#">could vs was were able to</a></u>
Past Permission	WAS ALLOWED / PERMITTED TO	I <b>wasn't allowed to</b> go out at nights.
Advice	SHOULD	You <b>should</b> call your mother on her birthday.
Warning	HAD BETTER	You'd better study before the test.
A Choice / Not required	DON'T HAVE TO	I <b>don't have to</b> wear a suit to work.
Possibility / Uncertainty about the future *adverb MAYBE	MAY / MIGHT	It <b>might / may</b> rain this evening. May be it will rain this evening.
Polite request	WOULD / COULD	<b>Would you</b> open the door, please?
Permission	MAY / CAN / COULD	<b>May</b> I borrow your pen?
To express what you want	WOULD LIKE	I <b>would like</b> to learn English free.
Preference	WOULD RATHER	I <b>would rather</b> walk than drive.

# Gerunds and Infinitives [V-ing and to do]

## KUNGFU NOTES

Bạn hãy sử dụng bảng này để tra cứu khi kết hợp nhiều động từ; sau đó, hãy kiểm tra lại một lần nữa trong từ điển Anh Anh.

## Infinitives

An infinitive is a verb used as a noun. They can be used as a subject or an object of a sentence. It is made by adding "-to" to the beginning of a verb.

After certain verbs:	I want <b>to find</b> a job.
After an object:	I want you <b>to help</b> me.
After certain adjectives:	I'm happy <b>to help</b> you.
After certain expressions with 'it':	It's important <b>to practice</b> English.
To show purpose:	I went to the mall <b>to buy</b> some shoes.

## Verbs followed by infinitives (to)

Agree	Forget	Prefer
Appear	Hope	Promise
Ask	Learn	Refuse
Beg	Like	Remember
Continue	Love	Seem
Decide	Need	Start

Expect	Plan	Try
--------	------	-----

**Note:** Use the objective case for pronouns that are subjects or objects of infinitives.

We wanted him to go with us.(him is the subject of the infinitive to go)

We wanted Jenna to beat him.(him is the object of the infinitive to beat)

### Be Careful!

When the infinitive or the infinitive phrase is used as a noun after verbs like hear, let, help, make, see and watch, the **to** is not used. For example:

Correct	Incorrect
He made her <i>correct</i> the paper.	He made her <i>to correct</i> the paper.
We all heard her <i>tell</i> the story.	We all heard her <i>to tell</i> the story.
She let me <i>try</i> on her shoes.	She let me <i>to try</i> on her shoes.

### Adjectives followed by infinitives

Afraid	Lucky	Ready
Glad	Prepared	Sad
Happy	Proud	

### 'It' expressions + adjectives followed by infinitives

**KUNGFU NOTES** Đây là mẫu câu phổ biến và hữu ích hàng đầu trong tiếng Anh, bạn cần nắm chắc để sử dụng.

Dangerous	Good	Necessary
Difficult	Great	Possible
Easy	Hard	Sad

Expensive	Important	Wrong
Fun	Impossible	

## Gerunds

### My/his/her/our/Mr Jones' + gerund **IMPORTANT**

I am surprised by **his** coming to my party. (**informal**: I am surprised by **him** coming to my party.)

He is happy about **her** finding a new job. (**informal**: He is happy about **her** finding a new job. | "her" is an adjective in the first sentence, "her" is an objective in the second sentence)

### Verbs followed by a gerund (ing)

Admit	Enjoy	Practice
Appreciate	Finish	Put off
Avoid	Keep	Quit
Can't help	Mind	Recommend
Consider	Miss	Risk
Discuss	Permit	Suggest
Dislike	Postpone	

### Go + gerund expressions

Go boating	Go hiking	Go sightseeing
Go bowling	Go hunting	Go skating
Go camping	Go jogging	Go skiing
Go dancing	Go sailing	Go swimming

Go fishing	Go shopping	
------------	-------------	--

### Verb + preposition + gerund

Care about	Think about	Look forward to
Complain about	Worry about	Object to
Dream about	Believe in	Depend on/upon
Forget about	Succeed in	Insist on/upon
Talk about	Adjust to	Plan on

### Adjective + preposition + gerund

Afraid of	Excited about	Responsible for
Fond of	Upset about	Famous for
Proud of	Worried about	Good at
Tired of	Sad about	Interested in/upon
Concerned about	Accustomed to	Successful in

### Verbs Used with Gerunds and Infinitives

Attempt	Deserve	Prefer
Begin	Hate	Start
Can't stand	Like	Try
Continue	Love	

# **Stative/State Verbs [have/taste/look]**

## **IMPORTANT**

When a verb describes a state rather than an action, it's called stative (state) verb, and it can only be used in [simple tenses](#).

I have a BMW.

(not I am having a BMW)

The verb "have" indicates a possession and it's used as a stative verb; so, we cannot use it in a progressive tense.

The roses smell nice.

(not the roses are smelling nice)

The soup tastes great.

(not the soup is tasting great)

### **Note:**

Sometimes we can use the same verbs in a progressive tense, yet with a different meaning.

### **Examples:**

I am having a BMW soon.

Here the verb "have" doesn't indicate possession, it has a meaning of "buying".

I am tasting the soup.

Here the verb "taste" indicates an action so it is an action verb.

The flowers look beautiful. (state)

I am looking at the flowers. (action)

When I look at the flowers, I feel joyful. (action)

### **Some Common Stative Verbs**

adore	forgive	prefer
agree	hate	promise
appreciate	hope	realize
believe	know	recognize
cost	like	regret
disagree	look	resemble
dislike	love	suppose
doubt	need	understand
feel	notice	want
forget	own	wish



# Causatives Examples [have sth done | get sb to do sth]

**Causative construction** is used when we set someone else to do something for us.

Elroy had his car washed.  
I had my dad carry my backpack.  
I had my horse carry the body.  
The teacher made me do extra work.  
Melisa got her hair cut.  
Elizabeth had her nails done.

## A. have / get something done

subject + have / get + direct object + verb3

**KUNGFU NOTES** verb3: dạng quá khứ phân từ của động từ thường

Mr. Chaps got his house painted.  
Gary had his ring polished.  
He had himself kicked out of school.  
I had my tooth extracted yesterday.

## B. have / make somebody do OR get somebody to do something

Subject + have / make + somebody + verb (infinitive)

Subject - get + somebody + to verb (infinitive)

I had Luis repair my car.  
I made my little brother say sorry.  
Fred got his friend to do his homework.  
Charlie had the carpenter repair the table.  
Dora had her hairdresser cut her hair.

### Note:

Make someone do something is stronger than the others and it means forcing someone to do what we ask / want them to do.

# Passive Voice Sentences [Câu bị động]

## IMPORTANT

### Forming Passive Sentences

Object + A Form of 'Be' + V3	
The letters + were + delivered.	The top student + was + rewarded.

### Use of Passive Voice

- When you don't know the person who performed the action.  
The bank **was robbed**.
- When it is not important who performed the action.  
Harvard University **was founded** in 1636.
- When the performer is not a specific person.  
English **is spoken** in many countries around the world.
- When you prefer not to mention the name of the performer.  
I **was told** that you didn't go to work today.
- Used with a performer: by + performer  
The cake **was made** by my cousin.

### Note:

In a passive sentence, If we want to mention what caused or who did the action, we use the agent (by.....)

Active: Charles Dickens wrote many novels.

Passive: Many novels were written **by** Charles Dickens.

### BY vs WITH Difference

1. Most children are strongly influenced ---- their parents.

by

2. The jam sandwiches were made ---- white bread.

with

3. Jake was dismissed ---- his boss.

4. The show was presented ---- Mr. Jones.

5. The parcels were tied ---- string.

6. The meal was eaten ---- chopsticks.

7. The song was performed ---- Madonna.

8. This awful mess was made ---- Carol's dog.

9. The football fans were observed ---- the police.

10. My hair was cut ---- a top stylist.

11. The goal was scored ---- Liverpool's youngest player.

12. The beds were made up ---- dean sheets.

13. The supermarket trolley was filled ---- cat food.

14. My camera was loaded ---- a black and white film.

15. Who was the radio invented ----?

16. The cyclist was knocked down ---- a bus.

17. The car was fixed ---- a mechanic.

18. The glass was cut ---- a special tool.

19. Her hair is colored ---- henna.

20. The roast was flavored ---- wine.

21. Music will be played ---- the local band.

# Non Progressive Verbs List

There are certain verbs that we don't use with continuous tenses although it is tempting to use continuous tense.

I see you.

I love you.

I hear you.

## More Examples:

Do you hear that noise outside? (~~Are you hearing that noise outside?~~)

I hope everything will be all right. (~~I am hoping everything will be all right.~~)

I prefer tea to coffee. (~~I am preferring tea to coffee.~~)

Non continuous verbs express thoughts and feelings and they are used with simple present tense.

## Non Progressive Verbs List

appear	believe	belong
care	cost	dislike
exist	expect	feel
forget	have	hate
hear	hope	imagine
include	know	like
look	love	mind
need	own	prefer
realize	remember	see
seem	smell	suppose
taste	understand	want

Some of the non continuous verbs are used in progressive tense but their meaning changes.

I **see** there is a man in front of the door. (Sense of vision)

The doctor is **seeing** a patient. (Dating a patient)

What do you **think** he will do? (Your opinion?)

What is he **thinking** about? (What's in his mind?)

They don't **have** a car. (Don't possess)

We are **having** our breakfast right now. (Eating)

You **look** tired, have a rest for a few hours.

Why are you **looking** at me?

The rose **smells** wonderful.

The woman is **smelling** the flowers in the garden.

The cake **tastes** terrific.

The cook is **tasting** the soup.

I **expect** she'll pass the exam.

We are **expecting** guests to the dinner tonight.

# Used to / Would / Get Used to

## KUNGFU NOTES

"used to do sth" dịch sang tiếng Việt là "(ai đó) vốn hay làm gì trước đây." Đây là cách diễn đạt rất phổ biến trong tiếng Anh nhưng thí sinh Việt Nam hay dùng sai. Lưu ý rằng "used to do" là cụm động từ hoàn thiện rồi, không cần phải thêm bớt bất cứ cái gì trước "used" cả.

- Đúng: He used to live here.
- Sai: ~~He was used to live here.~~

## Habitual Activity

Be	Get used to get accustomed to	+ noun / V gerund
----	----------------------------------	-------------------

The new employee of ours **is getting used to using / is getting accustomed to using** the new system.  
(He / She is not fully ready but learning the new system)

The new employee of ours **is used to using / is accustomed to using** the new system.  
(He / She already knows / has no problem with the new system)

## Used To vs Would

"Used to" can be used with action and stative verbs but "would" can only be used with action verbs.

When I was young, I **would go** fishing every Sunday. (used to go / went)

When I was young I **used to like** milk. (~~would like~~, liked)

When my little sister was a kid, she **used to be** very annoying. (was)

When we were kids, my mother **would wake us up** every morning. (she was used to waking us up)

I **used to like** Madonna. (~~would like~~)

## Negative / Question form of "used to"

Did you use to go to there?

No, I didn't use to go there.  
I used to not go there.

## WOULD

### Typical Behavior

It would start raining just whenever we went to picnic.  
He would smile every time I mentioned her name.  
We would have breakfast on the roof.

**Past of "will"**

Mary said that she would call me ASAP (as soon as possible).

I don't know what happened, she said she would be here.

I told you the bus would arrive on time.

**Unreal Situations**

You would look better with short hair.

I would buy a lottery ticket if I were you.

It would be great if we had money but unfortunately we don't.

# Adjectives [Tính từ]

- **Attributive**

Attributives are the ones that come right before the word(s) they modify.

The **old** man asked a question.

That is a **good** book.

I found an **old, black, cotton** sweater.

- **Appositive**

Appositives come after the words they modify. They are usually used in pairs.

The woman, **beautiful and smart**, knew what she was doing.

The winner, **tired but happy**, waved and smiled.

- **Predicate**

Predicates come after verb *to be* or after linking verbs. They come at the end of the sentence and they modify the subject.

The tickets are **expensive**.

She looked **old**.

The oven felt **hot**.

He was **young** and **shy**.

**KUNGFU NOTES** một số tính từ **chỉ** đứng trước danh từ hoặc **chỉ** đứng sau “be” mà thôi. Hãy **luôn kiểm tra** vị trí của tính từ trong từ điển, thay vì mặc định rằng cứ tính từ là có thể lắp vào trước danh từ hoặc sau “to be.”

# The Order of Adjectives [Thứ tự Tính từ]

When there are more than 1 adjectives modifying the same word, they are usually placed in a certain order.

- a- What we think (Lovely, beautiful, intelligent, nice, fine...)
- b- Size (small, big, large, short, tall...)
- c- Age (young, old...)
- d- Shape (round, slim, fat, square...)
- e- Color (white, green, red...)
- f- Material (plastic, glass, wooden...)
- g- Origin (German, Russian, American...)

A nice big house. A big square table.

A lovely little town.

An old plastic pipe.

An expensive Scotch whiskey.

A tall young woman.

Intelligent young Danish scientist.

# Present and Past Participles as Adjectives

## [bored vs boring] **IMPORTANT**

### Ing / Ed - Interesting / Interested

Boring- Causes boredom

Bored- Result of boredom (something boring)

Tiring- Causes tiredness

Tired- Result of something tiring

- He is **bored** with his job.

Because his job is boring (at least to him), it caused him to be bored.

- He is **boring**.

I don't want to be with him because he is a boring person.

- He is **interested** in your offer.

Because your offer is interesting (at least to him), it drew his attention.

- He is an **interesting** man.

He engages attention, you want to know him better.

### Some other verb roots that can become adjectives in a sentence by adding *ed* or *ing*

Charm, admire, amaze, amuse, depress, worry, thrill, excite, disgust, disappoint, discourage, embarrass, fascinate, frighten, frustrate, horrify, irritate, please, satisfy, shock, startle, stimulate, surprise, terrify, confuse

# Degrees of Adjectives [dạng thức so sánh của tính từ]

**Positive Degree :** Expresses a quality without a comparison

The twins are **smart**.

The tree is **tall**.

The book is **old**.

- **Comparative Degree :** Used to compare things to each other.

Form	Use	Example
<b>er</b>	Shorter adjectives (1 syllable or 2)	hotter area, warmer water
<b>more</b>	longer adjectives (2 or more syllables)	more interesting subject, more comfortable couch
<b>more</b>	adjectives that end with <i>ed</i> , <i>ing</i> , 's' (even if they are 1 syllable)	I am more tired , more boring book

Fred is **taller** than Barney.

He is the **more aggressive** of the two.

Barney is **smarter** than Fred.

Climbing is **more tiring** than running.

- **Superlative Degree :** Superlative is the highest or the lowest degree when comparing two or more things/persons. The inflectional suffix for superlative degree is *est*. Longer superlatives usually take *most* instead of *est*.

This is the **brightest** room in the house.

Duncan is the **tallest** player on the team.

Britney is the **most beautiful** girl in the class.

Article *the* is used with superlative adjectives since it is definite (thing/person) what's being talked about.

# Absolute Adjectives [Tính từ không dùng ở dạng so sánh: dead, perfect]

You either have the quality or you don't. There is no comparison. Dead, perfect, round...

You can't be deader than someone else who is only dead.

## Some Absolute Adjectives:

absolute	basic	certain
complete	empty	entire
devoid	excellent	fatal
final	dead	perfect
square	essential	unique
full	harmless	immortal
meaningful	obvious	pure
superior	ultimate	universal

Informally, to emphasize or metaphorically, you may hear people say "I am more dead", "This one is whiter". But they are misusing absolute adjectives.

# Intensifiers [strongly support sth | very well | extremely addictive]

An **intensifier** also called a **booster** has actually little meaning in itself however adds force to the meaning of another word or a phrase that it modifies.

## Examples:

The prime minister said he **strongly** supported the NATO plan.

Though she is **pretty** beautiful, her behaviors make her unattractive.

You need to stop drinking coffee as it's **extremely** addictive.

My brother speaks English **very** well.

It's **too** hot to go out today.

He is **very** smart.

## Intensifiers With Strong Adjectives **IMPORTANT**

Though one of the most used intensifiers is “very”, we don't prefer it with strong adjectives as below:

Awful / brilliant / incredible / excellent / terrific / gorgeous / fascinated / amazing / gigantic / delicious / tiny

It was **absolutely** an incredible movie. (not very incredible)

It was **exceptionally** an amazing experience. (not very amazing)

Some strong intensifiers are: absolutely / exceptionally / really / quite

**KUNGFU NOTES** Hãy lưu ý vị trí của mạo từ trong các ví dụ trên

## Intensifiers with Comparatives / Superlatives **IMPORTANT**

Most common ones are: much / far / a lot / a bit

Manice is a cheap hotel, but Denty is a **much** cheaper hotel than Manice.

A lion is a **far** more dangerous animal than a hyena.

I am a **lot** faster than you think.

My son is a **bit** sick today so he couldn't go to school.

# Adverbs [Trạng từ]

Adverbs are used to give more information about the action in a sentence. They mainly modify verbs. They tell us how, where, when...etc something happens or is done.

Carol drives **carefully**. (How does she drive?)

I looked for her **everywhere**. (Where did you look for her?)

She came to London **yesterday**. (When did she come to London?)

**Adverbs are generally divided into seven groups:**

- 1) Manner: slowly, bravely, carefully, simply, quietly...
- 2) Place: there, here, up, down, near...
- 3) Time: yesterday, tomorrow, now, yet, still...
- 4) Frequency: never, always, often, once, twice...
- 5) Sentence: actually, really, obviously, evidently...
- 6) Degree: very, quite, rather, fairly, hardly...
- 7) Focus: just, only, simply, even, also...

## Forming Adverbs

They are generally made from adjectives.

**Many adverbs of manner and degree are formed by putting -ly at the end of an adjectives.**

slow - slowly                                  happy - happily

cold - coldly                                  rapid - rapidly

bad - badly    kind - kindly

I don't know why, but they spoke to me **coldly**.

The weather was **awfully** cold.

You should treat people **gently**.

Please, drive the car **slowly**.

**When an adjective ends in consonant + y, it becomes -ily.**

busy - busily  
happy - happily  
easy - easily  
heavy - heavily

She is working **busily**.

Chuck passed the test **easily**.

**When an adjective ends in -le, we omit -e and add -(l)y**

noble - nobly  
possible - possibly  
simple - simply  
gentle - gently

Ex: My mom brushes my hair **gently** every day.

### **When an adjective ends in -e, we keep -e and add -ly.**

extreme - extremely  
free - freely  
brave - bravely  
safe - safely

His political ideas are **extremely** dull.

Our army fought **bravely**.

### **When an adjective ends in -ic, we add -ally.**

Systematic - systematically  
Phonetic - phonetically

We searched the attic **systematically**.

Mrs. Burns wanted us to write the words **phonetically**.

**KUNGFU NOTES** Trong các trạng từ trên, “al” được gạch chân vì đây là thành phần **không** được phát âm khi nói – hãy ghi nhớ điều này vì đây là một trong những lỗi phát âm phổ biến của thí sinh Việt Nam.

# Degrees of Adverbs [dạng thức so sánh của trạng từ]

- **Positive** : Expresses a quality without a comparison.

Ivan walks **slowly**.

- **Comparative** : Expresses a higher or lower degree than the positive.

Ida walks **faster** than Ivan.

- **Superlative** : Expresses the highest or the lowest degree when comparing more than two things/persons.

Brad walks the **slowest**.

## 1. Adverbs having the same form as adjectives:

POSITIVE	COMPARATIVE	SUPERLATIVE
fast	faster	the fastest
early	earlier	the earliest
late	later	the latest
hard	harder	the hardest

They came **earlier** than me.

Kenyans always win prizes in marathons because they run **the fastest** of all.

My parents' plane will arrive **later** than my uncle's.

## 2. Adverbs formed with **-ly**.

POSITIVE	COMPARATIVE	SUPERLATIVE
easily	more easily	most easily
quickly	more quickly	most quickly
fluently	more fluently	most fluently
carefully	more carefully	most carefully

Linda drives **more carefully** than her husband.

Elizabeth speaks English the **most fluently**.

### 3. Irregular adverbs

POSITIVE	COMPARATIVE	SUPERLATIVE
well	better	the best
badly	worse	the worst
far	farther / further	the farthest / the furthest
much	more	the most

Who speaks English **the best**?

They do everything **worse** than us.

# Adjectives vs Adverbs

**Adjectives** modify nouns or pronouns.

**Adverbs** modify verbs, adjectives or other adverbs.

## Adjectives vs Adverbs Examples

- 1) Adverbs and Adjectives are both modifiers, so it is easy to confuse them with each other. And even more confusingly, some words sometimes act as adjectives, and sometimes act as adverbs.

**Hint:** Ask yourself which word is being described: adjectives always modify nouns or pronouns, but adverbs never do.

Sarah was a **little** sleepy. (adverb modifying adjective sleepy)

Sarah took a **little** nap. (adjective modifying noun nap)

- 2) Use the comparative degree of an adjective or an adverb when speaking of two things and the superlative degree when speaking of three or more:

This is the **larger** of the two rooms.

This white one is the **smallest** of the three puppies.

**Good vs well** *Good* is an adjective. The adverb is *well*.

Ex: My father is a good driver -> He drives well.

Your English is good -> You speak English well.

### IMPORTANT

I feel good. (psychologically / morally)

I feel well. (healthy / well being)

You must stay in bed until you feel **well / better / good**.

I hope you get **well / better / good** soon.

### Fast / Hard / Late

These words are both adjectives and adverbs:

#### ADJECTIVES

Jack is a very fast runner.

Ann is a hard worker.

The train was late.

#### ADVERBS

He runs very fast. (**fastly**)

She works very hard. (**hardly**)

The train arrived late. (**lately**)

**IMPORTANT** Lately = recently

Have you seen Tom lately?

**IMPORTANT** Hardly = very little, almost not

Sarah was rather unfriendly to me at the party. She hardly spoke to me.(she spoke to me very little, almost not at all)

George and Hilda want to get married but they've only known each other for a few days. I don't think they should get married yet. They hardly know each other. (they know each other very little)

---

**IMPORTANT** We cannot form adverbs from adjectives ending in ly.

Common adjectives: friendly, lively, ugly, lonely. We add the pattern in a ... way/manner or fashion to make them adverb.

Friendly: In a friendly way/manner/fashion He behaves in a friendly way.

Lively : In a lively way / manner / fashion

# Prepositions [Giới từ]

**Prepositions** are words which show the relationship between a noun or a pronoun object and some other words in the sentence. They are always followed by nouns or pronouns. They are called "the biggest little words" in English because they have very important functions.

## For and Against | Over | Out of | For + price

Đây là những giới từ quan trọng, dưới đây là một số cách sử dụng rất phổ biến trong IELTS Writing & Speaking.

advise **for/against** sth

an argument **for/against** sth

a debate/discussion **over** a subject

Butter is made **out of** milk. (made out of milk = made from milk)

I paid for the computer **out of my savings** (I took money from savings to pay for the computer)

He repaired my car **for** 300 pounds.

You bought the car **for** 100 pounds. How cheap! It's like you got it **for nothing/for free**. (for nothing = for free = did not have to pay)

## Three Groups of Prepositions:

a. Prepositions of place, position and direction.

b. Prepositions of time.

c. Prepositions for other relationships.

## SOME COMMON PREPOSITIONS

PLACE	POSITION	DIRECTION	TIME	OTHER
above	beyond	on		
across	by	opposite	after	except
along	down	out (of)	before	as
among	from	outside	at	like
at	in	over	by	about
away from	in front of	around	for	with
behind	inside	through	during	without
below	into	to	from	by
beside	near	towards		for
between	off	under		
		up		

## IMPORTANT

Although prepositions are hard to generalize with separate rules, there is one simple rule about them. And, unlike most rules, this rule has no exceptions.

**Rule:** They are always followed by a "noun", never followed by a verb.

By "noun" we include:

- **Noun** (dog, money, love)
- **Proper Noun (name)** (London, Mary)

- **Pronoun** (you, him, us)
- **Noun Group** (my first car)

- **Gerund** (swimming)

If we want to follow with a verb, we must use the "-ing" form which is really a gerund or verb in noun form.

<b>Subject + Verb</b>	<b>Preposition</b>	<b>"noun"</b>
The pen is	on	the table.
He lives	in	England.
Henry is looking	for	you.
The newspaper is	under	your green book.
Pascal is used	to	English people.
She isn't used	to	working.
We ate	before	coming.

### Prepositions of Time / Place at, in, on

- **At** for a PRECISE TIME
- **In** for MONTHS, YEARS, CENTURIES and LONG PERIODS
- **On** for DAYS and Dates

<b>At</b>	<b>In</b>	<b>On</b>
At 4:30 pm	in March	on Monday
At 3 o'clock	In Winter	On 6 March
At noon	In the summer	On 22 Dec.2012
At dinnertime	In 1990	On Christmas Day
At bedtime	In the next century	On your birthday
At the moment	In the future	On New Year's Eve

**IMPORTANT** Notice that use of the prepositions of time **in** and **on** in these common expressions:

- **In** the morning /**On** Monday morning
- **In** the mornings / **On** Sunday mornings
- **In** the afternoon(s) / **On** Sunday afternoons
- **In** the evening(s) / **On** Friday evenings

**IMPORTANT**

When we say **next, last, this, every** we do not use **at, in, on**.

I went to New York last June (**not in last** June)  
She is coming back next Monday. (**not on next** Monday)  
I go home every Easter . (**not at every** Easter)  
We'll call you this afternoon. (**not in this** afternoon)

**Place: at, in, on**

In General:

- **At** for a POINT (dog, money, love)
- **In** for an ENCLOSED SPACE
- **On** for a SURFACE

<b>At</b>	<b>In</b>	<b>On</b>
At the bus stop	In London	On the wall
At the corner	In the garden	On the ceiling
At the entrance	In a box	On the floor
At the crossroads	In a building	On the carpet
At the top of the page	In a car	On a page

## Some other common uses of at / on / in

At	In	On
At home	In a car	On a bus
At work	In a taxi	On a train
At school	In a helicopter	On a plane
At university	In an elevator	On a bicycle
At the top	In the sky	On the radio
At the bottom	In the street	On the left
At the side	In a row	On a horse
At reception	In a boat	On a boat

Notice how we can use on a boat or in a boat depending on the type and the size of the particular boat/ship.

## More Prepositions

Prepositions	use	Example
during	while in	during the movie, during the flight, during my stay
for		for two days, for an hour
from / to		from Saturday to Monday, from 5 to 9
between	the time period from one to another	between 1986 and 2012, between Saturday and Monday
until/till	before a certain time	until/till Sunday, 5 o'clock
by	at the least	by Tuesday, by next month, by tomorrow

to	movement towards	to school, to work, to the station
into	movement towards inside something	into the cinema, into the car
out of	to leave a place/a thing	out of the theater, out of the car
by	near/next to/beside	LINK stand by me, by the lake
through		through the tunnel, through the room
across	opposite ends	across the river, across the street
against		against the wall, against the door
into	movement towards inside something	into the cinema, into the car

# Personal Pronouns [Đại từ nhân xưng]

**Personal pronouns** are used to replace a person, people or animals.

1. Subject Pronouns
2. Object Pronouns
3. Possessive Pronouns

## Personal Pronouns Table

Subject Pronouns	Object Pronouns	Possessive Pronouns
I	Me	Mine
you	you	yours
he	him	his
she	her	hers
it	it	its
we	us	ours
they	them	theirs

## Subject / Nominative Pronouns

**I, you, he, she, it, we, they.** They are used as the subject of a verb. They do the action.

**It** is cold. (It is the subject of is)

**She** paid today. (She is the subject of paid)

## Object / Objective Pronouns **IMPORTANT**

**Me, you, him, her, it, us, them.** They are always the object of the verb, preposition, or infinitive. To whom / what the action is being done to.

She paid **him** today. (him is being paid, not paying.)

I wanted **her** to come to the cinema with **me**.

(I am the subject of wanted; her is the object of wanted; him is the object of the preposition with)

## Possessive Pronouns

**Mine, yours, his, hers, its, ours, theirs.** They show ownership, answering the question "Whose?"

That car is **mine**. (Whose car is it? It is my car. It is **mine**.)

We use possessive pronouns as subject or object of a verb. Notice that "its" usually used as possessive pronoun.

Singular	Plural
mine	
yours	
hers	
his	
its	
	ours
	yours
	theirs

## Examples

- a. This is my tie - This is mine.
- b. Her umbrella is beautiful. - Hers is beautiful.
- c. These are his shoes. - These are his.
- d. These are their wallets. - These are theirs.
- e. It is my book. - It is mine.
- f. That is our school. - That is ours.
- g. This is our house. - This is ours.
- h. That is my radio. - That is mine.
- i. Those tickets are Kimberley's. - Those are hers.
- j. This is Henry's suitcase. - This is his.
- k. They are my mother's keys. - They are hers.
- l. It's Lucy's chocolate. - It's hers.
- m. My cousins' grades are better. - Theirs are better.
- n. Elizabeth's cakes are delicious. - Hers are delicious.

## NOTES:

**It's** in example 'l' is short form of **It is** and should not be confused with **its**.

**My cousins' grades** in 'm' is not the same as **my cousin's grades**. In fact it means **grades of my cousins** and it is plural so we use the plural possessive pronoun **theirs**.

## Apostrophe in It's and Possession

- 1. **It's** beautiful = It is beautiful (With Apostrophe ('))
- 2. **Its** color is blue = Color of its is blue (Without Apostrophe)  
**Its** in the first sentence is a possessive adjective (Its color)  
**Its** in the second sentence is a possessive pronoun (color of its)
- 3. My cousins' grades = Grades of my cousins (2 or more cousins)
- 4. My cousin's grades = Grades of a particular cousin (1 cousin)

## Attention!

-Be careful to choose the right pronoun when making comparison.

Carol loved chocolate more than **him**.

Carol loved chocolate more than she loved him.

Carol loved chocolate more than **he**.

Carol loved chocolate more than he loved chocolate.

You can avoid misunderstandings by writing:

Carol loved chocolate more than James did.

Carol loved chocolate more than she loved James.

# Reflexive Pronouns [himself/herself]

Reflexive pronouns also known as mirror pronouns reflect the action of the verb back at the subject.

Myself, yourself, himself, herself, itself, ourselves, yourselves, themselves.

**Use the right mirror pronoun to match the subject:**

He hit **himself** with the slingshot.

They rescued **themselves** by selling their house.

**Reflexive pronouns may be used to emphasize.**

He himself finished all that work. (it's significant)

I myself couldn't believe what you said. (Again there is emphasis)

**"By" + reflexive pronoun = alone, without help**

My sister lives by herself. (on her own / alone).

I prepared the dinner by myself (alone).

I solved the puzzle all by myself. (emphasized)

**Some other uses**

Did you enjoy yourself at the party? (Did you have fun?)

Please help yourself to some food. ( Go and get whatever you want)

How do you feel **yourself**?

# This That These Those **IMPORTANT**

This indicates that something is near us; that indicates that it is at a distance. We also use these and those when talking about more than one objects.

**Look at the chart below**

	Near Us	At a Distance
Singular	This	That
Plural	These	Those

**Examples:**

- a. This book is in my hand.
- b. That book is over there on the desk.
- c. These coins are in my hand.
- d. Those coins are over there on TV set.

**Convert from singular form to plural or plural to singular as in the examples below.**

- a. This exercise is easy.  
These exercises are easy.
- b. Those socks are Sara's.  
That sock is Sara's.
- c. These flowers are on the floor.  
That flower is on the floor.

# Conjunctions / Transitions [Tùy nối]

A conjunction is a word that connects sentences or parts of a sentence together. Transitions help fluency in writing and speaking.

## Coordinating Conjunctions

Coordinating conjunctions are short and simple transitions that are composed of two or three letters. They are used to avoid short, choppy, run-on etc. sentences. They show the way ideas/entities are related to each other.

The word **FANBOYS** is used as a reminder for these conjunctions:

For, And, Nor, But, Or, Yet, So.

## Correlative Conjunctions

Transitions that always appear in pairs and link sentence elements together are called **correlative conjunctions**.

**Both...and, neither...nor, either...or, not only...but also...**

## Subordinating Conjunctions

Subordinating conjunctions connect the dependent clause of a sentence with the independent clause and show the relationship between the two. We use a comma in between if the subordinator (**when, before, because, although...**) is at the beginning of the sentence.

**Although** it was raining, she went out for a walk.

She went out for a walk **although** it was raining.

**Because** she was tired, she went straight to the bed.

She went straight to the bed **because** she was tired.

**After** she (had) made a phone call, she left home.

She left home **after** she (had) made a phone call.

# Cohesive Devices [Từ nối] **IMPORTANT** **IMPORTANT**

We use cohesive devices to link sentences, paragraphs or any pieces of text. In other words, cohesive devices make our content coherent. Overusing cohesive devices or not using them enough might affect the reader negatively.

## KUNGFU NOTES

Đừng bao giờ ham những từ nối lả, khó nhớ cách viết và cách dùng. Và bạn cũng đừng tham mà học quá nhiều cohesive devices làm gì; với mỗi chức năng, bạn chỉ cần ghi nhớ 1-2 từ hoặc cụm từ là đủ.

Here is a list of words and phrases used as cohesive devices:

### Addition

Coordinator	Paired	Subordinating	Transitions	Prep. Phrase
And	Both...and	---	In addition	In addition to
	Not only...but(also)		Further more	As well as
	Neither...nor		Besides*	Besides*
			What's more	Apart from
			Also	Aside from
			On top of that	
			Moreover	
			Indeed	

- Both/not only proteins and/but also vitamins are essential for small children.
- The film was neither well made nor well-performed.
- I can play the piano apart from the guitar.

### Contrast

Coordinator	Paired	Subordinating	Transitions	Prep. Phrase

But	---	Although, though	However	Despite
Yet		Even though, much as	Nonetheless	In spite of
		Notwithstanding	Yet, even so	For all
		No matter + question word	Nevertheless	Regardless of
		However + adj./adv.	Still	Notwithstanding
		Adj./adv. + though/as	Notwithstanding	

### Examples:

- Although he's very smart, he cannot pass his English class.
- No matter how smart you are, you shouldn't underestimate your opponents.
- He's very smart, he doesn't respect his friends though.
- Regardless of age, anybody can ride this ride.

### Direct Contrast

Coordinator	Paired	Subordinating	Transitions	Prep. Phrase
But	---	While	On the contrary	Unlike
Yet		Whereas	In contrast	In contrast to
			On the other hand	Contrary to
			Conversely	As opposed to
			Contrarily While / whereas	

### Examples:

- The winters are very wet here; whereas, the summers are very dry.
- It was very hot yesterday, in contrast, it's very cold today.

- It's cold and windy today, on the other hand, it's not raining.

## Result

Coordinator	Paired	Subordinating	Transitions	Prep. Phrase
---	So/such ... that	---	Therefore	As a result of
			As a result of this	As a consequence of
			As a result	
			So, this, hence	
			Consequently	
			As a consequence of this	
			Because of this	
			Accordingly	

Cause		Effect
Man's hunting whales in large numbers	Causes leads to results in is the result for is responsible for	the danger of their becoming extinct
Effect		Cause
Whales' facing extinction	is the result of is due to is a consequence of result from	man's hunting them in large numbers

### For Example:

- As a consequence of rising population, people now have to cope with heavy traffic.
- It was such a great movie that I watched it three times.
- The basketball team's introducing a talented young player resulted in winning more games.

### Purpose

Coordinator	Paired	Subordinating	Transitions	Prep. Phrase
---	---	So that	---	In order to
		In order that		To
		For the purpose that		For the purpose of
				For fear of
				So as to

### For Example:

- I talked to the shy girl for the purpose that she wouldn't feel isolated.
- We all spoke in quiet voices for fear of waking the baby up.
- She went to her husband's office for the purpose of seeing him.

### Comparison

similarly  
equally  
in the same way  
compared with  
like

I can speak Spanish; similarly, my brother can speak Spanish.

### Listings

first(ly)  
finally  
in the first place  
then  
to conclude  
to begin  
next

I loved England a lot. First I loved its museums. Secondly, I loved its people. Finally I loved its tourist attractions.

### **Giving Examples**

for example  
for instance  
such as  
as follows  
namely

I like small pets such as cats and birds.

### **Generalizing**

in general  
generally  
in most cases  
most of the time  
on the whole

In general, people don't like getting up early.

# Although/Though/Despite/In Spite Of

Both **although** and **in spite of** express contrast between the two clauses they connect. They are similar in meaning but they are used differently.

## Although / Though

**After although we use a subject + verb.**

- a. Richard worked on his project all night although he was tired.
- b. They don't spend much money although they are rich.
- c. Andrew passed the exam although he didn't study at all.
- d. Amber wants to go out although she is sick.
- e. Although it rained a lot, the students enjoyed their holiday.

## Despite / In Spite Of

**After in spite of we use a noun, a pronoun or V-ing form.**

- a. Berk won the prize in spite of the difficult conditions.
- b. They went on holiday in spite of the bad weather conditions.
- c. Steve waited outside for 2 hours in spite of the cold.
- d. We arrived on time in spite of the traffic jam.
- e. In spite of all her careful plans, Laura made a lot of mistakes.
- f. They didn't want to buy anything in spite of having a lot of money.

# Adjective / Relative Clauses [Mệnh đề tính ngữ/ mệnh đề quan hệ] **IMPORTANT**

We use **relative clauses** to combine two simple sentences with the same noun phrases.

**There are two types of relative clauses**

- 1) Defining
- 2) Non-defining

## Defining Relative Clauses

Specify a particular noun. (Use who, that)

The girl who is the best in our class is Nayad. The ring that was stolen from my room hasn't been found yet.

## Non-defining Relative Clauses

They are used with an already defined noun, so; they just give extra information and we usually put commas around. (who/which)

My father, who lives in Belgium, is a chemist. (No need to define my father.)

\*\* Relative clauses should be used after the noun they define.

Mr. Johnson is happy, he got the highest grade on the test.

Mr. Johnson, **who** got the highest grade on the test, is happy.

## Relative Pronouns

### Adjective/Relative Clause Examples:

A dentist is a person. He gives dental treatment.

A dentist is a person who/that gives dental treatment.

We know a lot of people. They live in Minnesota.

We know a lot of people who/that live in Minnesota.

A vegetarian is a person. He/she never eats meat.

A vegetarian is a person who/that never eats meat.

Do you know the man? He discovered Africa.

Do you know the man who/that discovered Africa?

The teacher was very strict. We had him last semester.

The teacher whom/who/that we had last semester was very strict.

**Note:** The relative pronoun comes just after the word it refers to.

The man was drunk. He caused the accident.

The man who was drunk caused the accident.

That man is my uncle. He is coming towards us.

The/That man who is coming towards us is my uncle.

This is the horse. I like him. It (also) kicked me yesterday.

This is the horse (that) I like, which (also) kicked me yesterday.

The nails are rusty. They are in the tool-box.  
The nails that are in the tool-box are rusty.

A cow is an animal. It supplies us with milk.  
A cow is an animal which/that supplies us with milk.

### We can also use possessive pronouns like “his/her/its” with “whose”.

A widow is a woman. Her husband is dead.  
A widow is a woman whose husband is dead.

What was the name of the man? His car broke down.  
What was the name of the man whose car broke down?

I know someone. Her father is a translator.  
I know someone whose father is a translator.

### Although the group names such as “crowd, audience, class” are of people, they are used with which/that.

There was a big crowd. It soon gathered at the scene of the accident.  
There was a big crowd which/that gathered at the scene of the accident.

Relative Pronouns have the same form when they refer to masculine, feminine, singular or plural nouns. The verb in adjective clause must be singular if the subject of the relative pronoun refers to a singular noun. If plural, then the verb will be in the plural form:

The person who speaks good English **is** a doctor.  
The people who live next door **are** doctors.  
The plates that are on the table **are** very dirty.  
The man who lives next to us **has** got a huge dog.  
The men who went to the USA **were** very affluent.

Note that 'men' is plural for 'man'.

### Using "Whose" and "of Which"

We can use “of which” instead of “whose” for the objects but “of which” is used in non-defining relative clauses.

This is the machine. I described its properties.  
This is the machine whose properties I described.  
This is the machine, the properties of which I described.  
I stayed at a fantastic hotel. Its facilities are fabulous.  
I stayed at a fantastic hotel whose facilities are fabulous.  
I stayed at a fantastic hotel, the facilities of which are fabulous.

### Some Details

- We cannot use “that” after a comma.
- We cannot use “zero” after a comma.
- We use “zero” in defining sentences when followed by a subject.
- We can use “who” instead of “whom” but without preposition.
- “Whose” should always be followed by a noun.

The tree, whose leaves have turned yellow, must be cut down.

The tree, the leaves **of which** have turned yellow, must be cut down.

The doctor whose car is on sale now, demands too much money for it.

The doctor the car **of whom** is on sale now, demands too much money.

## KUNGFU NOTES

Tuyệt đối không dùng “what” trong mệnh đề tính ngữ  
Sau when và where nhất định phải là mệnh đề đầy đủ

# Words ending with Ever [whatever, whoever, etc]

What do words ending with "ever" mean? Phrases like:

Whatever, whoever, whenever, wherever, whichever, or however

When you add "ever" to the end of a word, it adds the meaning of "any" or "every" to that word.

**Whenever** you add "ever" to the end of a word, you add the meaning of "any" or "every" to the original meaning of that word.

**Any time** you add "ever" to the end of a word...

## Whatever (thing)

It has a similar meaning to "anything or everything"

You can do **whatever** you want now that you have finished your homework.

He did **whatever** he could to pass his class, but he still failed because the class was just too hard for him.

## Whenever (time)

It has a similar meaning to "any time".

He asks me for money **whenever** he sees me.

**Whenever** I enter the class I find my students studying.

## Wherever (place)

It means "anywhere or everywhere".

The disciples followed Jesus **wherever** he went.

You can keep it **wherever** you want as long as it is safe.

## Whoever (person)

It has a similar meaning to "anybody or everybody".

**Whoever** scratched my car like this should have at least left a note.

**Whoever** told you that was wrong.

## Whichever (option)

It has a similar meaning to "any out of a specific group".

Buy **whichever** you like and I will pay for it.

**Whichever** hotel you stay in, I am sure you are going to enjoy Las Vegas.

## **However (in which way)**

It has a similar meaning to “whichever way”.

You can't just act **however** you want, you must be professional.  
**However** you like your steak, just tell them and they will cook it for you.

## **Wh-ever Words Exercise**

**Choose the correct "-ever phrase" to complete the sentences.** 1. You can come and visit

us  you like.

2. I will follow him  he goes.

3.  you do, don't touch the red button.

4. You have three options; choose  you prefer.

5.  hard you try, it will always have some flaws.

6. I'm tired of everybody blaming me for  I do.

7.  is the principal must take responsibility right away.

8.  I want to go fishing, it rains.

9. Ask  you want, they will tell you the same thing.

10. We will do  it takes and win that match.

# **It's Time Somebody Did Something IMPORTANT**

We use the phrase "It's about/high time" to make suggestion, raise awareness about a "must do thing" for which it's already a bit late, sort of like a complaint.

## **For the Present Time**

**It's (high/about) time + past subjunctive**

For example:

It's time you stopped smoking.  
It's high time you stopped smoking.  
It's about time you stopped smoking.

We are suggesting something in the present moment; yet, we believe that it should have already happened by now.

## **For the Past Time**

**It was (high/about) time + past perfect subjunctive**

For example:

It was time you had told him the truth when you had the chance last night.

**Note:**

The words "about/high" add more emphasis to the situation and they usually come with anger/complaint.

**IMPORTANT**

**Note:**

We can also use this phrase with an infinitive "to". **IMPORTANT**

1. It's time you went to bed.

It's time to go to bed.

2. It's about time you grew up and became realistic.

It's about time for you to grow up and become realistic.

# Cleft Sentences [It was sb who did sth | what sb did was....] **IMPORTANT**

We use a cleft sentence for emphasis.

A Cleft sentence has two clauses: Main clause and Subordinate clause.

Main Clause	Subordinate Clause
It was Daniel	Who became first in the competition.

## Cleft Emphasis

### 1- Preparatory "it".

Our sentence: My brother gave the book to Ryan yesterday.

It was my brother that gave the book to Ryan yesterday.

(here the emphasized word is "my brother")

It was the book that my brother gave to Ryan yesterday.

(here the emphasized word is "the book")

It was Ryan that my brother gave the book to yesterday.

(here the emphasized word is "Ryan")

It was yesterday that my brother gave the book to Ryan.

(here the emphasized word is "yesterday")

**Note: You can also use "Who" instead of "That" when the subject is a person.**

It was my brother who gave the book to Ryan yesterday.

### 2. Subject + Who/what ...

Mr. Anderson saw a squirrel in the garden.

Mr. Anderson was the person who saw a squirrel in the garden.

A squirrel was what Mr. Anderson saw in the garden.

### 3. The place where...; the reason why...; the day when...

To read during his voyage, Tony borrowed a book from the library yesterday.

The library was the place where Tony borrowed a book.

To read during his voyage was the reason why Tony borrowed a book.

The day when Tony borrowed a book from the library to read during his voyage was yesterday.

#### **4. Emphasizing "What".**

My mother scolded me fiercely.

What my mother did was (to) scold me fiercely.

Dan works for a software company in LA.

What Dan does is (to) work for a software company in LA.

**Note that "To" is optional.**

# Participle Clauses [Entering the room, he caught us sleeping]

## KUNGFU NOTES

Những mẫu câu trong bài này rất hữu ích và phổ biến. Quan trọng hơn, chúng rất dễ dùng để ăn điểm Grammar, bạn hãy học thuộc để sử dụng triệt để.

**Participle Clauses** are used to shorten sentences. There are three types of participle clauses:

1. Present participle
2. Past participle
3. Perfect participle

### Present Participle

Indicates an action that happens simultaneously with the action in the main clause.

I saw Jack while he was parking in front of his house.

I saw Jack (while) **parking** in front of his house.

Indicates an action that happens just before the action in the main clause.

After / when he entered the room, he caught us sleeping.

**Entering** the room, he caught us sleeping.

### Note:

The subject of the participle clause and the main clause cannot be different.

After / when he entered the room, everybody stood up.

Gives information about "time, reason and results".

### Note:

Participle clause doesn't indicate a specific tense; instead, we should look at the main clause to understand it.

Driving on the highway, one **must be** careful.(present)

Driving on the highway, he **had** an accident. (past)

Driving on the highway, you **will see** a big sign. (future)

### Time

**Opening** the door, she saw me. (when she opened the door ...)

### Note:

Instead of using the verb alone, we can also use the prepositions "on and upon" in the same way.

On / upon **opening** the door, she saw me.

## **Reason & Result**

**Having** lots of work to do, Tom didn't want to come with us. (because he had lots of work to do...)

**Being** rare, diamonds are very precious. (because diamonds are rare...)

**Note:** in negative form, we use "not" in the beginning.

**Not wanting** to tell the truth, the young boy made up an excuse.

## **Past Participle**

Contrary to popular misuse, a past participle doesn't have a past meaning; but instead, it has a similar usage to present participle but in passive form.

The little girl was taken to the nearest hospital after she was attacked by a dog.

**Attacked by** a dog, the little girl was taken to the nearest hospital.

The museum, which was built in 1953, needs renovation.

**Built** in 1953, the museum needs renovation.

The new night club, which is located on the beach side, attracts the attention of all ages.

**Located** on the beach side, the new night club attracts the attention of all ages.

## **Perfect Participle**

Indicates an action that happens long before the action in the main clause.

After he had spent ten years in Italy, he could speak Italian fluently.

**Having spent** ten years in Italy, he could speak Italian fluently.

Because Tom had attended this course before, he knew what to expect.

**Having attended** this course before, Tom knew what to expect.

**Note:** to get passive form in perfect participle, we add "been" after "having".

Because he had been fired, he didn't attend the meeting.

**Having been fired**, he didn't attend the meeting.

Because he hadn't been invited to the wedding, he didn't come.

**Not having been invited** to the wedding, he didn't come.

# Adverbials [mệnh đề trạng ngữ] **IMPORTANT**

- An **adverbial** gives us extra information about the time, place or the manner of an action.
- Through adverbials we find the answers to the questions like:

Where / when / how / why / how much / how long / how often

I have been living **in L.A since 2002**. (where and how long?)

I moved here in 2002 because of better job opportunities. (when and why?)

**They can be classified into three groups:**

- Adverbs
- Adverbial Phrases
- Adverbial Clauses

## As Adverbs

They modify the verb of the sentence and they are mostly used at the end of the sentences ending in -ly.

The teacher looked at me **anxiously**.

My father always drives very **carefully**.

### Note:

Not all the adverbs of manner end in -ly, there are a few exceptions like these:

Hard / fast / late / straight

In order to pass his exams, he studied very hard. Don't drive fast.

## As Adverbial Phrases

They are composed of a group of two or more words modifying a verb.

We decided to take part in this film **in May last September**.

I tried to drive **as carefully as I could**, but I couldn't avoid hitting the tree.

I will escape **as far as I can**.

## As Adverbial Clauses

An adverbial clause is a dependent sentence which has a function of an adverb. See [reducing adverbial clauses](#).

They can be classified into six groups:

- **Time:** when / while / after / before / as soon as / by the time / since / until / as / as long as etc.
- **Reason:** because / since / as / seeing that / inasmuch as / now that / on the grounds that
- **Purpose:** so that / in order that / lest / in case / for the purpose that / for fear that
- **Contrast:** although / though / even though / whereas / notwithstanding / much as
- **Comparison:** as if / as though
- **Condition:** if / provided(ing) (that) / so long as / unless / only if / even if / on condition that

When my father came, I had already finished my homework.

Seeing that it was raining we decided not to go out.

In order that I can improve my English I have decided to go to England.

Although she is so beautiful I won't marry her.

He speaks as if he was an expert.

If you finish your assignment early you can go out with your friends.

# Reducing Adverbial Clauses [Rút gọn mệnh đề trạng ngữ: Walking down the beach, I saw a dolphin stranded.] **IMPORTANT**

## After / Before / While

While I was walking down the beach, I saw a dolphin stranded.  
While walking down the beach, I saw a dolphin stranded.  
Walking down the beach, I saw a dolphin stranded.

### Note:

To make reduction, the subjects of the two sentences should be the same.

## When

### Instead of when + clause, we can use on/upon + V ing

When Sandra graduated from university, she applied for a job.  
**On/upon graduating** from university, she applied for a job.

### Note:

In passive sentences or when the verb “to be” is the main verb of the sentence, we can omit the subject and be.

When he was a little boy, he was very naughty.  
When a little boy, he was very naughty.  
When they are used too often, words or phrases may lose their value.  
When used too often, words or phrases may lose their value.

### Note:

“when” may also be used like “while”.

When you are walking alone at night in Paris streets, be careful.  
When walking alone at night in Paris streets, be careful.

## Until - Since

All the old museums must be renovated until they are opened for public again.  
All the old museums must be renovated until opened for public again.

Since I came to this city, I've lived in the same house.  
Since **coming** to this city, I've lived in the same house.

## As - Since - Because

In cause and effect sentences, we can omit “as, since, because” using Ving/having V3

Because she is a mother now, she has more responsibilities.  
Being a mother now, she has more responsibilities.

### Note:

Even if we use before/after instead of while, we use **Ving**

After we ate dinner, we went out for a walk.

After **eating** dinner, we went out for a walk.

After we had eaten dinner, we went out for a walk.

After **having eaten** dinner, we went out for a walk.

**Having eaten** dinner, we went out for a walk.

After he was promoted, he became more interested in his job.

After **being promoted**, he became more interested in his job.

After he had been promoted, he became more interested in his job.

After **having been promoted**, he became more interested in his job.

**Note:**

If adverbial clause mentions an event which happened before the event in main clause, then we prefer "having V3" (perfect participle).

Because I injured my back yesterday, I now have difficulty in walking.

**Having injured** my back yesterday, I now have difficulty in walking.

**Note:**

If there is "to be + adjective" in adverbial clause, then we can use (being) + adjective

Because

Since she **is suitable** for the vacant post, she is lucky.

As

Being suitable for the vacant post, she is lucky.

Suitable for the vacant post, she is lucky.

**Note:**

In negative reductions, we use "not + Ving" or "not having V3"

Because I don't know her phone number, I can't call her.

**Not knowing** her phone number, I can't call her.

Because she hadn't studied well, she failed in the exam yesterday.

**Not having studied** well, she failed in the exam yesterday.

**Note:**

We can make reductions even when the subjects are different as long as we use them at the beginning of the sentence.

Because our car is broken down, we have been traveling to work by bus since last week.

Our car being broken down, we have been traveling to work by bus since last week.

As the weather was cold, we had to postpone the picnic.

The weather being cold, we had to postpone the picnic.

Because there was a long queue, we didn't want to wait.

There being a long queue, we didn't want to wait.

**Note:**

We can make reductions with "if, unless, as if, whether ...or"

If they were treated fairly, they wouldn't lose the game.

If collected treated fairly, they wouldn't lose the game.

Unless we are paid fairly, we will go on a strike.  
Unless paid fairly, we will go on a strike.

They were running hurriedly, as if they were being chased by someone.  
They were running hurriedly, as if being chased by someone.

# Adjunct [mệnh đề trạng ngữ] **IMPORTANT** **IMPORTANT**

An adjunct is a word or group of words that gives extra information to a sentence; but, when removed makes no harm to its grammar.

## Examples:

I will call you at least **by tomorrow**.

I have **almost completely** forgotten to take my passport.

We played soccer **in our school garden** on **Wednesday**.

"in our school garden" is the first adjunct.

"on Wednesday" is the second adjunct.

An adjunct can be classified into three groups:

## As a Single Word

I saw Ted **yesterday**.

We will have to use the stairs as the lift will be out of order **tomorrow**.

## As a Phrase

I usually review vocabulary **in the evenings**.

**In the afternoons**, we have a tea break.

I brush my teeth **every morning**.

## As a Clause

We finished our assignments **before we went out**.

**When the president arrived**, the meeting had already started.

# Prepositional Phrase [Cụm giới từ: I haven't seen you for ages.] **IMPORTANT**

A prepositional phrase is a combination of a noun phrase and a preposition.

They can be used for many purposes, for example:

## As post modifier (adjective) in a noun phrase

That's the man **in the black suit.**

My father bought a new car **with a factory premium sound system.**

The laptop comes **with original windows 8 64-bit operating system.**

## As adverbial of time and place

I haven't seen you **for ages.**

They sat off **for a wonderful holiday in Hawaii.**

We drove **to London.**

## As an adverb

Wanting to come with us, Daniel stood up and waited us **at the doorway.** (where)

My sister bought a golden watch for my father **for his birthday.** (why)

I cleaned all the viruses **with the new antivirus.** (how)

## To show the agent

The new law was accepted **by the majority of the people.**

The little girl was rescued **by a young boy.**

## After certain verbs, nouns and adjectives

**We are very grateful** for what you did for us.

**Thank you** for coming.

**He is dedicated** to teaching.

**I am looking forward** to seeing you.

# Inversions [Đảo ngữ] **IMPORTANT**

**Inverted order** is used in a few different ways for emphasis mostly in written English.

## Inversion Types

With adverbs of negative meanings

After Only

After So

Instead of If

Mixed Types

### With adverbs of negative meanings

Never have I seen such a big house!

Hardly ever does he speak English at home.

In no way can he be accused of such a crime.

Seldom does he visit his grandmother.

Scarcely did Mrs. Bran go to the dentist last year.

### After Only

Only today did she tell me she was married.

Only with thinner can he remove that stain.

### After So

So clearly does Mr. Harris speak English that we can understand him easily.

### Instead of if

Had the train been late, we wouldn't have got there on time.

Were they in danger, they would phone you.

Should we pay the bill, tell her to give us a receipt.

### KUNGFU NOTES

Hãy học thuộc hai mẫu câu lược bỏ "if" sau vì chúng rất phổ biến trong tiếng Anh:

1. If it had not been for sth, sb would (not) have done sth. = **Had it not been for.... Sb would (not) have done sth**

- If it had not been for your help, I would have never been able to achieve this success.
- Had it not been for your help, I would have never been able to achieve this success.

2. If sb need any + sth, please do sth. = **Should sb need any + sth, please do sth**

- If you need any help, please do not hesitate to contact us.
- **Should you need any help**, please do not hesitate to contact us.

### Mixed Inversion Types

How expensive it is!

May be rest in peace

**Next to the president stood the reporters.**

Never do we go there by ourselves.

In vain did we try to change his plan?

Under no circumstances will I see him again.

Everywhere has evidence of his crime.

**KUNGFU NOTES**

Bạn cần học thuộc mẫu câu này vì nó rất hữu ích với bài miêu tả bản đồ.

- Next to the hospital is the pharmacy.
- On the right of the school stood a hospital.

# **Quantifiers / Determiners**

## **[some/any/much/many]**

Quantifiers state precisely or suggest approximately the amount or the number of a noun. (They quantify) They can be grouped by the noun types they quantify. These expressions are mainly “some, any, many, much, a lot of, a little, a few ...etc.

### **Some & Any**

“Some and any” are determiners and they express an indefinite quantity or number. “Some and Any” are used when it is not easy, necessary or important to say exactly how many / how much we want to mean. They are both used with countable and uncountable nouns.

“Some” is often used in affirmative statements.

#### **1. SOME + COUNTABLE NOUNS :** In this case, “some” means “ a few”.

There are some postcards in my bag.

There are some students in the class.

There are some cherries in the basket.

There are some mistakes in the list.

#### **2. SOME + UNCOUNTABLE NOUNS**

There is some dust on the floor / There is some cheese in the fridge.

There is some fruit in the basket /There is some fish on the plate.

#### **3. ANY + COUNTABLE NOUNS**

“Any” is often used in negative sentences and questions.

There aren't any people on the moon.

There aren't any skyscrapers in our town.

There are not any empty chairs for the guests.

Are there any doctors in your family?

Yes, there are some doctors in my family.

No, there aren't any doctors in my family.

#### **4. ANY + UNCOUNTABLE NOUNS**

There isn't any milk in the bottle / There isn't any honey at home.

There isn't any cold water here / Is there any bread on the table?

Yes, there is some bread on the table.

No, there isn't any bread on the table.

#### **NOTE:**

In a negative sentence, we can use "no" in place of "not any"; However, "no" can also be used with countable singular nouns. When "no" is used, the verb is always positive.

There aren't any wild animals in the forest.

There are no wild animals in the forest.

There isn't any milk at home.

There is no milk at home.

Some is also used in offers and requests.

Would you like some cake?

Could you do some typing for me?

## MUCH / MANY

Many and Much express a large quantity

### Examples: (+)

I have many postcards.

She has got much influence on you.

There are many students in the class.

There is much orange juice in the glass.

### Examples: (-)

There isn't much sugar in the kitchen.

There aren't many people in the streets.

He doesn't have much time.

There isn't much fun here.

### Examples: (?)

Is there much rain in Istanbul?

Has Eric got much cash?

Are there many books in your bag?

Do you have many CDs?

### NOTE:

"too much" and "too many" indicate an excess and are used in affirmative sentences.

There is too much noise in big cities.

There are too many people at the party.

## IMPORTANT HOW MUCH / HOW MANY + NOUNS

We use "How many" with plural nouns.

We use "How much" with uncountable nouns.

How many eggs?

How many sisters?

How many countries?

How many apples?

How much flour?

How much butter?

How much money?



# A FEW / A LITTLE **IMPORTANT**

## Differences Between A FEW / FEW & A LITTLE / LITTLE

“**A few**” expresses a small quantity. “**Few**” implies that something is not many, not enough or almost none. It expresses a negative idea.

I have a few close friends in town, and we have a very good time together.

I have few friends in town, so I feel lonely from time to time.

“**A little**” expresses a small quantity. “**Little**” implies that something is not much, not enough or almost none. It expresses a negative idea.

We have a little milk. Let's make a cake.

We have little milk. We can't make a cake.

Let's go and have a drink. We've got a little time before the train leaves. (a little time = some time, enough time to have a drink)

'Do you speak English?' 'A little.' (So we can talk a bit)

There is little sugar in my coffee. Could I have some more?

## **IMPORTANT**

**A LOT OF** Quantifier "a lot of" is used in all forms.

Instead of **A lot of**, we can use **lots of**.

Lots of is an informal form of a lot of.

## Example sentences:

There are a lot of bus stops in Bornova.

I have got lots of story books.

Are there a lot of people in the queue? Yes, there are.

There is a lot of milk in the jug.

There isn't a lot of honey in the hive.

Do you know a lot of people there?

She has lots of oxen on the farm.

# More on Quantifiers [every/each/neither/either]

## 1-Quantifiers Used With Singular Count Nouns **IMPORTANT**

- **Every:** You make me laugh every time you lie.
- **Each:** I will talk to each person individually.
- **Either:** Shevchenko could shoot very well with his either foot.
- **Neither:** He is lucky, neither foot showed anything wrong.

## 2-Quantifiers Used With Plural Count Nouns

- **A Few:** I gave him **a few** candies.
- **Fewer:** **Fewer** shops accept checks nowadays.
- **Many:** They got married **many** years ago.
- **Great Many:** Both sides had **great many** casualties in that war.
- **Several:** **Several** buildings were damaged in the earthquake.
- **A Number of:** **A number of** students failed the class.
- **plenty of:** We have **plenty of** hot dogs, it should be enough.
- **a lot of / lots of:** I've got **a lot of** candies.
- **enough:** We have **enough** hot dogs but we need more buns.
- **any:** Did you buy **any** hot dogs? Yes, five of them.
- **some:** She needs to buy **some** books.

## 3-Quantifiers Used With Non-Count Nouns

**plenty of:** We have **plenty of** gas, it should be enough.

- **a lot of / lots of:** I've got **a lot of** cash on me.
- **enough:** We have **enough** gas, you don't have to worry.
- **any:** Did you spend **any** cash? No, I didn't spend **any**.
- **some:** She needs **some** fatherly advice.
- **a little:** Give me **a little** money before you go.
- **less / more:** You spend **less** time and lose **more** weight.
- **much:** We don't have so **much** water in the tank.
- **a bit of:** Can I have **a bit of** your chocolate?

# IF Clauses / IF Conditionals [Câu điều kiện “if”]

A conditional sentence has two clauses: Main clause and if clause.

Main Clause	If Clause
Alicia will tidy her room	if she has time.

## First Conditional IF (Type 1)

### Open Condition in present or future

If the weather is nice, we usually eat in the yard. (present)

(The weather might be nice or not, it's an open condition)

If the weather is nice tomorrow, we can eat in the yard. (future)

(The weather can be nice tomorrow or not? Open condition)

(We assume there is no weather forecast information available)

## Second Conditional IF (Type 2)

### Unreal situation or very improbable Condition In the present or future

If it **were** our day off today, we would be barbecuing now. (present)

(It is not our day off, unreal condition, we are probably at work and talking to co-workers)

If it **were** our day off tomorrow, we would have a barbecue. (future)

(It isn't our day off tomorrow, unless we can change our schedule and take tomorrow off somehow, improbable situation)

**KUNGFU NOTES** “be” luôn để dạng “were” trong mệnh đề “if” loại 2

## Third Conditional IF (Type 3)

### Unreal Situation in the Past

If the weather had been nice yesterday, we would have barbecued. (past)

(The weather was not nice, and we didn't barbecue, imaginary situation)

If it had been our day off yesterday, we would have had a barbecue.(past)

(It weren't our day off, we worked all day, unreal situation)

# Wish Clauses

Wish clauses are made up of two parts:

Wish	That Clause
I wish	you stopped smoking

There are three main usages of Wish Clauses:

## 1. Wish + Infinitive...

When we use wish followed by an infinitive it has a meaning similar to the verbs "want" or "would like" in a very formal sense.

I wish to talk to you, please.

I wish to book a room, please.

### Attention!

We don't prefer a 'direct object' after wish.

I ~~wish an ice-cream~~ with chocolate and vanilla please.

## 2. Wish + Subject Pronoun + Noun...

We can use wish followed by two objects as well.

I wish you a happy marriage.

They wished me a quick recovery when I was in hospital.

I wish you a quick and easy delivery.

## 3. Wish + That-Clause...

When we use wish followed by a "that clause" which might be removed in informal styles, it has a meaning of regret about a situation that is impossible to change.

I wish (that) you **were** next to me right now.

I'm sure you all wish (that) you **were** rich.

### Attention!

We don't use wish with situations that are possible, instead we use "hope".

I hope you will write to me soon. (not I ~~wish~~...)

I hope I can see her at the party. (Not I ~~wish~~ I can see...)

### Wish + That Clause Tenses **IMPORTANT**

**With a present or future meaning, we use past tenses.**

I wish you **came** with me.

I wish I **was** there. All my students wish they **didn't** have the exam.

### **With a past meaning, we use past perfect.**

I wish I **had listened** to my father when he said I **shouldn't** drop out of the college.

I'm sure you wish you **hadn't** stolen that car but it's too late now.  
(not you **didn't steal**.)

## Unless **IMPORTANT**

**Unless** means except if. We use unless to make an exception to something we say. Unless is often used in warnings, instead of unless it is possible to say if .... not.

- a. Theresa can't eat unless her mother lets her.
- b. You can't earn more money unless you work harder.
- c. You can't understand the lesson unless you listen carefully.

### More Examples:

If you aren't tired, let's go out.  
Let's go out unless you are tired.

I will call the police or you will leave immediately.  
Unless you leave immediately, I will call the police.

Ali must study harder or she won't pass the final exam.  
Ali won't pass the final exam unless she studies harder.

### If Not / Unless Conversion

You will stay home if you don't come with us.  
You will stay home unless you come with us.

You can't win the lottery if you don't buy a ticket dad.  
You can't win the lottery unless you buy a ticket dad.

I will trash your sandwich if you don't want to eat it.  
I will trash the sandwich unless you want eat it.

I am not going to the party if Carol is not going.  
I am not going to the party unless Carol is going.

### In Case

**In case** is used when taking precaution against a possible threat/danger, to avoid an unwanted situation.

Do something in case something happens.  
Set up your alarm clock in case we fall asleep.  
Wear your helmet in case you fall.  
Bring your bathing suit in case we go swimming.

- a. We'll take some food in case we get hungry on the road.
- b. Loren will draw a plan for him in case they can't find her house.
- c. Take an umbrella with you in case it rains.
- d. I don't want to go out in case my friend calls.
- e. Sally will write down the number in case she forgets it.
- f. Take your migraine pills with you in case you get headache later.

**Note:**

Do not use will after in case.

I will cook now in case he comes home early.  
I will cook now in case ~~he will come~~ home early.

**Note:**

You can also use in case to say why someone did something in the past.

Matilda took her raincoat with her in case it rained.  
Hans bought some wine on the way home in case his wife wanted some.

**More Examples:**

1. We had better hurry, we'll miss the last train.  
We had better hurry in case we miss the last train.

2. Ted had better come home early. The visitors will come today.  
Ted had better come home early in case the visitors come today.

3. You had better close the windows. It may rain heavily.  
You'd better close the windows in case it rains heavily.

4. Mr. Park telephoned home. His wife wanted something.  
Mr. Park telephoned home in case his wife wanted something.

# Imperatives [Câu mệnh lệnh]

We use **imperatives** to tell someone to do something or to give instructions, orders, warnings, directions, etc.

**Imperatives are divided into two groups:**

- a) Positive Imperatives
- b) Negative Imperatives

## Positive Imperatives

To form a positive imperative we use the base form of the verb. The base form is the form in the dictionary.

### Some imperative verbs:

read, listen, put, run, walk, move, eat...

Listen!

Raise your hands.

Do your homework.

Speak English.

Come here.

Be quiet.

### We can also use positive imperatives by using always.

Always put on your safety belt.

Always remember my advice.

## Negative Imperatives

### To form a negative imperative we use:

Do not + the base form of the verb

**Examples:** Do not come here.

Do not put your hat on the chair.

Do not drink it.

Do not park your car here.

**NOTE:** The contraction for do not is don't.

Do not come here. = Don't come here.

Do not speak Spanish in the class. = Don't speak Spanish in the class.

Do not sit there. = Don't sit there.

Do not lean out of the window. = Don't lean out of the window.

## Negative Imperatives Using Never / Don't Ever

Never go there again.  
Never leave your keys in your car.  
Never steal from anyone.  
Don't ever steal from anyone.  
Don't ever leave your keys in your car.

**The imperative does not usually have a subject, but we can use a noun or pronoun to make it clear who we are speaking to.**

Mary come here.  
Somebody answer the phone.  
Nobody move.  
Relax, everybody.

**You before an imperative can suggest an emphatic persuasion or anger.**

You stay home. You just sit down and relax for a bit.  
You take your hands off me.

### **Emphatic imperatives with do + infinitive**

This is common in polite requests, complaints and apologies.

Do sit down.  
Do listen to your father.  
Do punish me.  
Do have some wine.

# Reported Speech / Indirect Speech [Câu trực tiếp/gián tiếp]

There are two ways of reporting what a person has said.

- a) Direct speech
- b) Indirect speech

## Direct speech:

We repeat the speaker's words.  
He said, "I have lost my key." (no tense shift)

## Indirect speech / Reported Speech:

We give the exact meaning of a speech without necessarily using the speaker's exact words. If we want to mention who the speaker talked to, we use **told**, otherwise we use **said**.

She said that she had lost her wallet.

She told me that she had lost her wallet.

## Convert Direct Speech to Indirect Speech

**A. Make the necessary tense shift:** See [Reported Speech Tense Shift](#)

**B. Expressions of Time and Place in Reported Speech**

Direct Speech	Indirect Speech
Pronouns and possessive adjectives	We usually change from first or second to third person except when the speaker is reporting his own words.
today	that day
yesterday	the day before (the previous day)
Tomorrow / the next day	The following day
The day before yesterday	Two days before / earlier
Yesterday morning	The previous morning

A year / month / week ago	A year before / earlier
The day after tomorrow	In two days' time
Next week / month / year	The following week / month / year
now	then
tonight	that night
here	here / there
this	that, it
these	those
can	could
will	would
could	could
may	might
might	might
have to / has to	had to
must	must
ought to / should	ought to / should

If the main verb is in the present tense, we don't change the tense in the direct speech.

### Examples:

Direct: Paul says, "I don't like coffee."

Indirect: Paul says that he doesn't like coffee.

Direct: Dwayne says, "I didn't do my homework."

Indirect: Dwayne says that he didn't do his homework.

Pronouns and possessive adjectives normally change from first or second person to third person except when the speaker is reporting his own words.

### **Examples:**

Direct : He said, "You don't know my language."

Indirect : He said that I didn't know his language.

Direct : I said, "I sold my book."

Indirect : I said that I had sold my book.

Direct : She said to me, "Your brother is bothering me."

Indirect : She told me that my brother was bothering her.

### **Indirect Speech Statements**

We join the indirect and the direct parts of a sentence with that. Sometimes we may omit that.

### **Examples:**

Direct : They said, "We love our teacher."

Indirect : They said that they loved their teacher.

Direct : Mr. Jones said to me, "I educated myself by reading widely."

Indirect : Mr. Jones told me that he had educated himself by reading widely.

Direct: The teacher said to her, "You have done your homework well."

Indirect: The teacher told her that she had done her homework well.

Direct: Mr. Woods said, "There are many boats in the harbor." Indirect: Mr. Woods said that there were many boats in the harbor.

### **Mixed Types**

**If a direct speech consists of mixed types, each section requires its own introductory verb.**

### **Examples:**

Direct: Theresa said, "I can't understand this lesson, mother. Please help me."

Indirect: Theresa told her mother that she couldn't understand that lesson and wanted her mother to help her.

Direct: Tia said to me, "I can't help you now. I am very tired."

Indirect: Tia told me that she couldn't help me then as she was very tired.

Direct: Carl said, "It's hot in here. Isn't the AC on?"

Indirect: Carl said that it was hot in there and asked if the AC was on or not.

Direct: Mr. Jefferson said to Helen, "Didn't you hear what I said? You must be quiet when I talk."

Indirect: Mr. Jefferson asked Helen if she had heard what he had said or not, and added that she must / had to be quiet when he talked.

Direct: David said, "Let's go to the movie theater!"

Indirect: David suggested that they should go to the movie theater.

**Or**

Dave suggested going to the movie theater.

Direct: Penny said, "How about going for a walk?"

Indirect: Penny suggested that we might go for a walk.

### Common Verbs used with Reported Speech

Add	complain	point out	shout	Assure + Object
boast	observe	scream	Argue	murmur
object	reply	Answer	inform	remark
remind	Announce	grumble	protest	yell
Admit	deny	promise	whisper	Allege

You will feel comfortable at this hotel.

The travel agent assured us that we would feel comfortable at that hotel.

I can't finish all this work.

She protested that she couldn't finish all that work.

#### Note:

Deny can't be used in negative.

I didn't steal the money.

He denied that he had stolen the money.

# Reported Speech Examples

See the sentences below with direct and indirect speech forms, these are great references to understand the difference.

## Reported Speech Examples 1

1. "Don't play with matches," his mother said.  
1. His mother told him not to play with matches.
2. "I've forgotten to bring my lunch with me," he said.  
2. He said that he'd forgotten to bring his lunch with him.
3. "Will you be home soon?" she asked her husband.  
3. She asked her husband if he would be home soon.
4. "Go to bed!" father said to the children.  
4. Father told the children to go to bed.
5. "I'll clean the car tomorrow," Tim said to his father.  
5. Tim told his father that he would clean the car the following day.
6. "Where have you been?" Gary asked his wife.  
6. Gary asked his wife where she had been.
7. "I've been working for the same company since 1960," he said to me.  
7. He told me that he had been working for the same company since 1960.
8. "Do you know Garfield?" she asked me. **IMPORTANT**  
8. She asked me if I knew Garfield.
9. "How shall I tell Tom the bad news?" she said.  
9. She asked how she should tell Tom the bad news.
10. "You must try my home-made wine," he said.  
10. He said that I had to try his home-made wine.
11. "Can I go home now?" he asked her.  
11. He asked her if he could go home then.
12. "May I call you by your first name?" he asked.  
12. He asked if he might call me by my first name.
13. "She must try harder if she wants to succeed," he said.  
13. He said that she had to try harder if she wanted to succeed.
14. "My father will be angry with me if he finds out," she said.  
14. She said that her father would be angry with her if he found out.
15. "You had better speak to the manager," she said to him.  
15. She told him that he had better speak to the manager.
16. "I may not be able to meet you at the airport," he said to her.  
16. He told her that he might not be able to meet her at the airport.

# Question Tags Explanations [Câu hỏi đuôi]

**Tags Usage:** A question tag is a question added at the end of a sentence. Speakers use question tags chiefly to make sure their information is correct or to seek argument.

They consist of a statement and a tag . A negative tag is used with an affirmative statement whereas a positive tag is used with a negative statement.

**A. If the statement has “be” as an ordinary verb, we use a form of be in the tag. Tags are always used with pronouns.**

After positive statements, we use a negative tag.

You are from Zaire, aren't you?

Angela is here, isn't she?

Your father was at school, wasn't he?

They were on holiday, weren't they?

It was a super show, wasn't it?

It is a big garden, isn't it?

After negative statements, we use a positive tag.

I am not surprised, am I?

Tim and Ted aren't rich, are they?

They weren't at the movie theater, were they?

That isn't Ben, is it?

You are not a policeman, are you?

We aren't lucky, are we?

Amanda isn't at home, is she?

They are not with us, are they?

**B. If the statement has a modal, it is repeated in the tag.**

Kara can go herself, can't she?

You should get up early, shouldn't you?

You wouldn't do that, would you?

We must help them, mustn't we?

**C. With the Simple Present Tense we use do / does - don't / doesn't? With the Simple Past Tense we use did / didn't?**

They like going to the movie theater, don't they?

You don't take sugar in tea, do you?

Rafael listens to music, doesn't he?

Alan works at a bank, doesn't he?

You all watched TV during the night, didn't you?

Alicia went to the movie theater, didn't she?

He didn't read the novel, did he?

Andrew doesn't live here, does he?

After all tenses, we just put the auxiliary.

Maral is coming today, isn't she?

Muhammad is not drinking beer, is he?

They were playing football yesterday, weren't they?  
Layla and Steve were on the bus, weren't they?  
They are going to play football, aren't they?

**Note:** Remember that '**s**' = is or has, and '**d**' = had or would

Peter's got a cat, hasn't he?  
She's in the office, isn't she?

**D. Question tags with "HAVE" and "DO" are often both possible after the noun–auxiliary "have".**

**Note:** "do" is preferred in American English.

Mr. Farmer has two cars, hasn't he? Or doesn't he?  
She has a nice kitten, hasn't she? Or doesn't she?  
You haven't a house, have you? Do you?  
They have a garden, haven't they? Or don't they?

**E. If the statement contains words such as no, no one, nothing, nobody, scarcely, hardly, hardly ever, never, neither, seldom, under no circumstances... etc, it is considered a negative statement and followed by an affirmative tag.**

Julia hardly ever drinks coke, does she?  
Nothing will cure his illness, will it?  
He never acts like a gentleman, does he?  
She is hardly the right person for the job, is she?  
It is no good, is it?

**F. If the subject of the statement is somebody, anybody, nobody, everybody, no one, and neither .... We use the pronoun "they" in question tag.**

Somebody entered the garden, didn't they?  
Everybody was upset, weren't they?  
Nobody objects to the plan, do they?

**G. When the subject of the statement is that or this, the pronoun in the tag is "it". The pronoun is "they" for their plural forms these and those. **IMPORTANT****

This is an expensive necklace, isn't it?  
Those are very naughty children, aren't they?  
That wasn't a big surprise, was it?  
These weren't yours, were they?

**H. When we use a there + be combination in a sentence the pronoun in the tag is again "there".**

There isn't a hotel next to the museum, is there?  
There won't be any trouble, will there?  
There is a bus to Atlantic City every hour, isn't there?  
There weren't any children at school, were there?

**I. Let's has the tag "shall we?" **IMPORTANT****

Let's go to the movie theater, shall we?  
Let's have a party, shall we?  
Let's drink tea, shall we?  
Let's go out for a walk, shall we?

**J. "Have to" is considered Simple Present and "had to" is considered Simple Past.**

Your father has to wear glasses, doesn't he?  
They don't have to come early, do they?  
We had to borrow some money to buy a new house, didn't we?  
They didn't have to read the story book, did they?

**K. Some introductory phrases such as "I am afraid, I think, I believe, I am sure, I suspect, I suppose , it appears that , it seems that , it looks as if , as far as I remember , as far as I can see ... so on " don't affect question tags except for the transfer of negation. **IMPORTANT****

I suppose you are not serious, are you?  
I think my mom returned home, didn't she?  
I don't suppose you are serious, are you?  
I don't believe you have paid for it yet, have you?  
I don't think anyone will volunteer, will they?  
I hope he won't object to our plan, will he?  
It appears that she is enjoying herself, isn't she?  
As far as I can see, Wade is the best, isn't he?

**Note:** For the phrase "you know that" the question tag is don't you?

You know that you can do it, don't you?

**L. If the subject of the sentence is everything, nothing, something, anything the pronoun in the tag is "it".**

Everything is ready, isn't it?  
Nothing has the end, has it?  
Anything is possible, isn't it?

**M. After positive imperatives, we use will you, won't you, can you, can't you, could you ...etc . Yet for the negative imperatives we only use "will you? "**

Open the door, will you / won't you, can you, could you ...etc  
Don't play with your nose, will you?

**After "I am" the tag is "aren't". **IMPORTANT****

I am your father, aren't I?  
I am a bit late, aren't I?  
I am a teacher, aren't I?

**Note:** Negative interrogative question tags without contractions are possible but the word order is different.

You lied to him, did you not?

This is a less common case and it is usually used with rising intonation. The speaker might be more eager to find out the answer. (more important, stronger emotions, could result in anger, disappointment, relief)

### **Intonation In Question Tags**

When the speaker is adding a tag question to his/her statement, he/she might increase or decrease the volume/tone of his/her voice at the end. If the person is increasing his/her voice with the tag question, this is called "Rising Intonation", if the tone/volume is decreasing, this is called "Falling Intonation".

#### **Falling Intonation ↴**

I have told you not to run, haven't I? (Mother telling her son after her son falls.)  
You love wearing my clothes, don't you? (...Stop wearing my clothes.)  
It is a beautiful view, isn't it? (...We are all enjoying it.)  
You know I hate this movie, don't you? (...And yet we are watching it.)

In a falling intonation the speaker is not really asking a question, rather he/she is asserting what he thinks, the speaker is actually very confident and sort of asking the person to confirm/agree with what he/she is saying.

### Rising Intonation ↗

He didn't go to school yesterday, did he? (Did he really go to school yesterday?)

Jack paid for the dinner, didn't he? (I hope he paid for the dinner... did he?)

You told her I wasn't going to the party, didn't you? (Did you forget to tell her?)

In a rising intonation the speaker is not as confident of his/her statement and he/she is asking the other person to find out about it.

# One One One Rule [saddest, sadness]

## IMPORTANT

Look at these words:

sad, fit, dim

They are alike in three ways.

1. How many syllables do they have?.....One syllable
2. What is at the end of each word?.....One consonant
3. What is before the consonant?.....One vowel

One syllable, one consonant, one vowel.

**One, one, one.**

Look at this word:

sad + est = saddest

What has happened to the d? It has doubled. There are two d's.

Likewise:

sad + en = sadden  
fit + est = fittest  
dim + est = dimmest

The last letter is doubled.

**BUT:**

sad + ness = sadness

The d in sad did not double. There is only one d.

Look at the two endings on sad: en and ness. How do they differ?

What is at the beginning of 'en'? A vowel. The ending starts with a vowel and the last letter, d, is doubled.

What is the beginning of ness? A consonant. The ending starts with a consonant and the last letter in sad is not doubled.

This is **the doubling rule**. First look at the base word. Does it have **One, One, One** (one syllable ending in one consonant after one vowel)? Then look at the ending. Does it start with a vowel? If you can say yes to these two questions, double the last letter in the base word. If either answer is no, then you don't need the doubling rule.

**Always look at the base word first.**

Look at the following words and endings:

fit + est = fittest

fit + ness = fitness

dim + est = dimmest  
dim + ness = dimness  
ship + ing = shipping  
ship + ment = shipment

(i,n,g says ing as in ring.)

If the base word is **One, One, One and the ending begins with a vowel, double the last letter in the word.**  
More on Doubling Rule

What happens to words of more than one syllable?

omit + ed = omitted  
forget + ing = forgetting

If the last syllable ends in one consonant after one vowel and the ending begins with a vowel, double the last letter in the word.

**omit + ed = omitted**

The accent is on the last syllable. The last letter is doubled.

forgèt + ing

The accent is on the last syllable. The last letter is doubled.

**BUT:**

**market + ing = marketing**

The accent is **not** on the last syllable. It is on the first syllable. The last letter is **not** doubled.

**offer + ed = offered**

The accent is **not** on the last syllable. It is on the first syllable. The last letter is **not** doubled.

In words of more than one syllable, if the accent is on the last syllable and the other parts of the doubling rule are present, double the last letter.

# The Y Rule

How are these words alike?

cry, study, fly, noisy, lazy

They all end in **y**.

What is before the **y**? A consonant.

**cry + ed = cried**  
**study + ed = studied**  
**fly + er = flier**  
**noisy + est = nosiest**  
**lazy + est = laziest**

The ending begins with a vowel.

The **y** changes to **i**.

It doesn't matter how the ending begins. If a word ends in **y** and the letter before **y** is a consonant, the **y** **always** changes to **i**.

Are you thinking there must be a hitch? There is:

**ing**  
**cry + ing = crying**  
**study + ing = studying**  
**fly + ing = flying**

In English you can't have two **i**'s together. Keep the **y**. It does not change when the ending is **ing**.

Keep in mind that **I** and **y** have the same sound and **Y** is the Greek way of spelling that sound.

# Since vs For [Since và For trong diễn đạt thời gian] **IMPORTANT**

## Since

Since is used to give the starting point of actions or events that continue up to the moment of speaking. It is a point in time. (E.g. June, 1976, etc.)

We haven't seen him since his birthday.

We haven't played soccer since May.

## KUNGFU NOTES

Since không bao giờ dùng kèm với ago. Khi sử dụng since, động từ cần chia thời hoàn thành; khi sử dụng ago, động từ phải chia thời quá khứ đơn.

- I have been studying English since 2011.
- I started studying English five years ago.

## For

We use 'for' to talk about a period of time continuing up to the present. It is used with length of time (e.g. four years, two months, etc.)

Ken has studied English for two months.

Barnie hasn't come to school for two days.

## Since vs For Common Structures

For	a day ten months three weeks six years two hours a long time several hours
since	1990 May last year Christmas yesterday my wedding day she left you yesterday then I was born

## Example Sentences

Jackson has been ill **for** two weeks.

They have not seen my son **since** the beginning of the year.

I haven't lived in Istanbul **since** 1995.

I haven't been to Germany **since** I got married.

I last saw him in September. I have not seen him **since** then.

We haven't heard from him **since** he phoned us six hours ago.

I haven't seen him **for** years.

**Warning!** Be careful when using negative with since.

~~It is 5 years since I didn't eat sushi.~~

I haven't eaten sushi for 5 years.

### Quick Exercise

Complete the following sentences, using **for** or **since**. 1. We have lived in Stockton  2005.

2. She has become very annoying  she quit smoking.

3. I haven't seen Dan  two weeks.

4. The dog hasn't had any food  3 o'clock.

5. We stayed at the motel  2 days.

6. I haven't received any mail  a week.

7. Edi has done a lot of work  he joined us.

8. It hasn't rained  weeks.

9. I haven't eaten anything  yesterday's breakfast.

10. He has been taking care of me  I was born.

# While vs During

Though the difference between **while** and **during** is significant and easy to learn, many people misuse them.

While and During have similar meanings but different grammar.

We can sign the contract while we have dinner.

We can sign the contract during dinner.

## WHILE

Like "during", it indicates a parallelism between two events happening at the same time. However, it is a conjunction; so, it should be followed by a clause (a subject and a verb).

### For Example

- My father was washing his car while my mother was cooking.
- While my brother was driving I was reading a book.
- I will be lecturing while you are taking notes.

#### Note:

It's also used to talk about two events; yet, one starts in the middle of another action.

- While I was sleeping, the doorbell rang.
- I saw him while he was walking down the street.
- While the students were chatting, the teacher came into the class.

## DURING

Unlike "while" it's a preposition that should be followed by either a noun or a pronoun.

- During my vacation, I witnessed a lot of amazing events.
- We can discuss this topic during the dinner.
- What happened during the blizzard?
- Your grandfather came during your absence.

### For/During Quick Exercise

- Choose **for** or **during**.
1. I can't believe you slept  the whole flight.
  2. He was really sick  his absence.
  3. We had barbecue  the kids played.
  4. We were singing  they were dancing.
  5. I puked 2 times  lunch.

# For vs During [For và During để diễn đạt thời gian]

Though the difference between **for** and **during** is significant and easy to learn, many people misuse them.

We use **for** when we are talking about the duration of something. We use **during** when we are giving extra information (something that we did or happened) within that time period.

My stay was for 3 days.

I studied a lot during my 3 day stay.

## FOR

For must be followed directly by 'a' or 'an' or by a number followed by a time noun. (year, month, week etc.)

### For Example

- My father has been in Paris for six days.
- I haven't seen you for a long time.
- I lived in San Francisco for ten years.
- We were on a vacation for a week.

## DURING

Unlike "for" it's a preposition that should be followed by either a noun or a pronoun.

### For Example:

- During my vacation, I witnessed a lot of amazing events.
- We can discuss this topic during the dinner.
- What happened during the blizzard?
- Your grandfather came during your absence.

### For/During Quick Exercise

- Choose **for** or **during**.
1. I can't believe you slept  14 hours.
  2. He was really upset  her absence.
  3. We moved to America  the great recession.
  4. We have lived in America  34 years.
  5. I got sick 3 times  the summer in Hawaii.

# When / While / As

We use **when**, **while** and **as** to talk about situations or actions that occur simultaneously.

1. They can be used to introduce a longer action or situation, which was / is going on when another situation occurred / occurs.

As I was sleeping, the door bell rang.

While you were studying, your friend called you.

**Note:** The main clause and as / while clauses can be in reversed order.

The doorbell rang as I was sleeping.

Your friend called you while you were studying.

**Note:**

Continuous tense is preferred for the longer action or situation (was eating / are walking) however note that we can use “as and while” with a simple tense with a state verb. (sit, grow, be)

As I was at home, the postman came.

2. We prefer **while** to talk about two simultaneous actions that go / went on together.

While I was taking shower, my mother was cleaning the attic.

My mother was cleaning the attic while I was taking a shower.

**Note:** we can also use simple tenses for the same meaning.

While I took a shower, my mother cleaned the attic.

3. We prefer **as** to talk about two things that change together in time.

As you eat more, you will gain more weight.

As you study more, you will get better grades.

4. We use **when** to talk about phases of life.

When you were a kid, you used to be so shy. (not while or as)

5. We prefer (just) **as** to talk about two consecutive events or actions that occurred simultaneously.

As he opened the drawer, he took out an old photo.

Just as my father came in, the phone rang.

**6. We use reductions with when and while. **IMPORTANT****

Don't forget to take a map with you when going camping.

Tell me when ready.

While a student, I used to live with me family.

# By vs Until / Till

## By

We use **by** to talk about a deadline when something will happen before that time.

By tomorrow

By next week

By six o'clock

By Wednesday

By summer

By 2020

By August...

### I'll be back by 7 o'clock.

The deadline is 7 o'clock so I promise to be back anytime before 7, latest at 6:59.

### I'll have gotten my degree in English by next year.

I expect to / promise to get my degree at a time between now and next year. In other words, I will be able to say I have my English degree when the next year comes.

## Until / Till

Until and till are the same and interchangeable. Until is a newer word and is usually preferred over till in writing and in speech. We use **until** to talk about something that will keep going on for a duration of time from a specific time to another.

### Alan came yesterday. He will stay with us until the weekend.

Alan is with us at the moment and he is going to stay with us during the time from now to weekend.

### Sometimes we can use both by and until in a sentence but their meanings differ from one another.

He has bad fever. He needs to be in bed until 10 o'clock.

He is already in bed and he needs to stay in bed.

He has bad fever. He needs to be in bed by 10 o'clock.

He is not in bed but for his goodness he needs to go to bed latest at 10 o'clock.

## Quick Exercise

**Choose by or until.** 1. I will be taking care of my little brother Allan  my parents come back.

2. I will have graduated from Harvard  2016.

3. I am so tired. I will sleep  noon tomorrow.

4. Stay here and don't touch anything  I come back.

5. I need to turn in my homework  Monday.

6. You need to take me home  midnight or else she will get mad.

7. The party lasted  sunrise.

8. We cannot trust them  the war is over.

9. Do not play games  late. Do your homework.

10. I need to pay the bill  August 5th.

# Would You Mind

We use **would you mind** to ask for something in a polite way. (Slightly politer than do you mind)

## The Usage Of Would You Mind

### 1st Usage: If + somebody + did + something

**Note:** When we talk about the Present or the Past, we use Past tense following the subject.

Would you mind If I used your phone now?

Would you mind If I borrowed your car tonight?

#### Attention!

We may sometimes get confused by the subject. So pay attention to these two sentences.

Would you mind If I opened the window? (Shall I open the window)

Would you mind If you opened the window? (Can you please open the window)

**Note:** In the first one the person himself wants to do something and asks for the other's permission. However in the second one the person requests something from the other one to do.

### 2nd Usage: When we don't mention the subject we may just use Verb + ing **IMPORTANT**

Would you mind taking this book back for me?

Would you mind sending that mail for me?

### 3rd Usage: Somebody's + Verb + ing

Would you mind John's staying here with us?

Would you mind My sister's coming with us to the picnic?

**Attention** when responding to "would you mind":

#### Positive Response:

No, not at all.

Of course not.

No, go on please.

#### Negative response:

Yes, I would.

# Would Like To Meaning

**Would like to** and want have the same meaning, but would like is more polite than want.

We use would like for polite requests and offers.

I would like a cup of tea.

I would like some more coffee.

Would you like to go out on Sunday?

Where would you like to go?

## Would like + noun

Would you like some rice?

I would like a can of Pepsi, please.

Would you like more water?

## Would like + to infinitive

I would like to have breakfast first.

Would you like to come with us?

I would like to spend some time with my children.

## We often use the contracted form ('d).

I'd like to see that movie.

Would you like one of these?

Yes, thanks. I'd like one.

### Note:

Don't confuse the contracted versions of had and would. They are written the same way.

I'd better go. (I had better go.)

I'd like to go now. (I would like to go now.)

### Note:

Sometimes would love to is used instead. It is stronger than would like to and it represents passion.

I am so tired of working. I would love to go on a vacation.

I would love to be with you.

Would you like to win the next lottery? I'd love that.

# So / Neither (Nor) / Either / Too

When someone expresses a statement, we can simply use phrases like “me neither”, “neither do I”, “nor can cats”, “James doesn’t either”, “so does my dad” etc. to indicate that the same or similar situation applies to another person/group/entity. Some form of “either”, “neither”, “too”, “so” will shortly indicate that the same case applies to the other person/group/entity.

## In Positive Statements

### 1. Using 'So'

**Grammar:** So + auxiliary/modal verb + pronoun

**Note:**

We should pay attention to the verb tense used in the statement while choosing our auxiliary form.

Speaker A's Statement	Speaker B
Celine is watching TV.	So am I.
Sam can speak French fluently.	So can I.
Terry has completed his master's degree.	So has James.
His parents should be more responsible.	So should we.
Stephanie was so worried yesterday.	So was I.
Mary and Sam will join the chess club.	So will Jessica.
Nathan looks so confident.	So do I.

### 2. Using 'Too'

**Grammar:** Pronoun + auxiliary/modal verb + Too

<b>Speaker A's Statement</b>	<b>Speaker B</b>
Celine is watching TV.	I am too.
Sam can speak French fluently.	I can too
Terry has completed his master's degree.	James has too.
His parents should be more responsible.	We should too
Stephanie was so worried yesterday.	I was too
Mary and Sam will join the chess club.	Jessica will too
Nathan looks so confident.	I do too.

In Negative Statements

### 1. Using 'Neither / Nor'

**Grammar:** Neither (nor) + auxiliary/modal verb + pronoun

<b>Speaker A's Statement</b>	<b>Speaker B</b>
Derek isn't sleeping.	Neither (nor) am I.
Sandra cannot play the guitar.	Neither (nor) can I.
Jennifer hasn't eaten her sandwich.	Neither (nor) has James.
They shouldn't complain.	Neither (nor) should we.
Stephanie was not worried at all.	Neither (nor) was her husband.

Mary and Sam won't attend the meeting.

Neither (nor) will I.

**Note:**

Although there is a negative statement, we use a positive auxiliary form. Speaker A: He isn't guilty. Speaker B: Nor is Tom. (**Not** Nor isn't Tom.)

**2. Using 'Either'**

**Grammar:** Pronoun + auxiliary/modal verb + not + either

Speaker A's Statement	Speaker B
Derek isn't sleeping.	I am not either.
Sandra cannot play the guitar.	I can't either.
Jennifer hasn't eaten her sandwich.	James hasn't either.
They shouldn't complain.	We shouldn't either.
Stephanie was not worried at all.	Her husband wasn't either.
Mary and Sam won't attend the meeting.	I will not either.
Dogs cannot fly.	Cats can't either.

**In Informal Interactions**

When speaking or in less formal writings, regardless of tense, we can use "me too" and "me neither" in first person.

All the following examples are acceptable

A: I have been studying a lot recently.

B: Me too.

A: He never attended the class regularly.

B: Me neither.

A: I haven't been feeling very well.

B: Me neither.



# ALL vs WHOLE

**All** and **Whole** both mean the complete/full amount,number, duration, etc. of something, without missing any parts.  
Although they have very similar meanings, "all" and "whole" are used in different ways.

## 1. The word order is different:

All + the + noun  
The + whole + noun

I have read the whole book.  
I have read all (of) the book.

## 2. We don't use whole with uncountable nouns. It is mostly used with singular countable nouns.

Anderson spilled all the water on his laptop. (not ... the whole water)  
The whole town burnt down in a big fire in 1886.

## 3. They both can be used with plural countable nouns, but with different meanings.

All of the students failed in the exam. (every student)  
I need to finish three whole books by the end of the week. (entire books)

## 4. Whole can be used after a possessive adjective, however, all must be used before a possessive adjective.

My whole life / all my life  
My whole day / all my day

## 5. All has a meaning similar to every, but it is used with a plural noun.

Every student deserves a talented teacher.  
All students deserve a talented teacher.

### Quick Exercise

Choose All or Whole. 1.  my week

2. the  morning

3. my  money

4.  my relatives

5.  the time

6.  children need care

7.  I need is a hug

8. The  was boring.

9.  the orange juice

10.  my luggage

# Most vs Most of... vs Almost **IMPORTANT** **IMPORTANT**

## KUNGFU NOTES

Đây là dạng ngữ pháp hay bị dùng sai; bạn hãy đọc kỹ và ghi nhớ cách dùng đúng.

Most + nouns

Most of + the/sb's + nouns

Most students are fond of extracurricular activities.

Most of the students are fond of extracurricular activities.

Most of Mary's students are fond of extracurricular activities.

Câu đầu tiên nói đến “phần lớn” sinh viên nói chung còn hai câu sau nói đến những sinh viên cụ thể nào đó.

almost

Almost mang nghĩa “hầu hết” và sau nó phải là all/every/no. Nếu bạn sử dụng ~~almost + nouns~~ thì đó là một lỗi ngữ pháp nghiêm trọng.

- Almost every student in the class is very good.
- Almost all students in the class are very good.
- Almost no students in the class are good.

# So...That / Such...That **IMPORTANT**

## So...That

It expresses a cause and effect.

### Grammar:

**So + adjective/adverb + that**

I was so sleepy that I couldn't keep my eyes open.

### Examples

Cause: It was too windy.

Effect: We couldn't go sailing.

It was **so** windy **that** we couldn't go sailing.

(windy- adjective)

Cause: My sister is very shy.

Effect: She hides behind my mother when there are strangers around.

My sister is **so** shy **that** she hides behind my mother when there are strangers around.

(shy- adjective)

Cause: The dress was wonderfully designed.

Effect: I couldn't take my eyes off it.

The dress was **so** wonderfully designed **that** I couldn't take my eyes off it.

(wonderfully- adverb)

## Such...That

Also expresses a cause and effect.

### Grammar:

**such + (adjective) + NOUN + that**

### Examples

Cause: It was a great movie.

Effect: I watched it several times.

It's **such** a great movie **that** I've watched it several times.

(great-adjective, movie-noun)

Cause: She is a very charming woman.

Effect: Everybody stares at her.

She is **such** a charming woman **that** everybody stares at her.  
(charming-adjective, woman-noun)

**Note:** such a very charming... "very" is dropped.

### Attention

So...that is used with quantifiers (many, much, few, little) even if there is a noun.

I have **so** many friends **that** I never get bored.

He has **so** much money **that** he can buy whatever he wants.

### Quick Exercise

Complete the sentences with **so** or **such**.

1. I spend   much money that I can't save any.

2. Jimmy and Ken are   alike that I can't tell one from another.

3. Shames is   a nice dog that he never barks.

4. Those are   great pictures that I never want to throw them away.

5. I am   bored that I just want to sleep.

6. Our neighbors are   kind that they let us borrow their lawn mower.

7. My back aches   badly that I can't lift anything anymore.

8. Hawaii has   amazing beaches that everyone wants to live there.

# Too or Enough **IMPORTANT**

## Too + adjective or adverb

- This exam is too hard.
- That box is too small.
- He drives too fast.

## Too + adjective or adverb + to do something

- This exam is too hard to pass.
- That box is too heavy to carry.
- My brother is too young to drive.

## Too + many + plural noun

- There are too many people in this party.
- We have too many questions to solve.

## Too + much + uncountable noun

- We have too much work to do.
- There is too much noise.

## Enough

It's used to indicate that something is as much or as many as needed; so, unless we use it with a negative structure, it has a positive meaning.

### Structure:

#### Adjective or adverb + enough

- Is your bed comfortable enough?
- My car is luxurious enough.
- My wife is beautiful enough.

#### Adjective or adverb + enough + to do something.

- Is your house comfortable enough to live?
- We are wealthy enough to buy that car.
- He runs fast enough to catch me.
- They are not smart enough to beat us in chess.

#### Enough + plural noun

- I have got enough bananas.

- There are enough people to help me.
- Enough + uncountable noun
- I have enough money.
- There is enough milk in the fridge.

### Too/Enough Quick Exercise

Choose **too** or **enough**.

1. I can't drink this coffee because it's  hot.
2. I couldn't buy that dress because I didn't have  money.
3. We moved to another house because the previous one was  small.
4. I don't know what to do because I don't have  information.
5. I was  nervous during the interview and I blew it.
6. He is tall  to play basketball in NBA.
7. I am fast  to catch you.
8. We studied hard  to pass the English exam.
9. There were  many cars at the parking lot.
10. You are  young to marry.

# Some and Any Compound Forms

## Somebody (Someone) / Something / Somewhere

We use somebody (someone) - something and somewhere in affirmative sentences. We use them in interrogative sentences if we expect an affirmative answer.

I see somebody at the gate.

There is something under the table.

She lost her ring somewhere.

## Anybody (Anyone) / Anything / Anywhere

We use anybody (anyone) - anything and anywhere in negative and interrogative sentences.

- a. Is there anybody in the library? No, there isn't anybody in the library.
- b. Is there anything in the bag? No, there isn't anything in the bag.
- c. Did she visit anywhere yesterday? No, she didn't visit anywhere yesterday.

## Quick Exercise

**Fill in the blanks with appropriate some / any compounds.** 1. They didn't see  in the hallway. We are still looking for him.

2. Mrs. Kinder went  exciting last week.

3. I didn't see  under the pillow.

4. Is there  in the bathroom?

5. He doesn't know  about your plan.

6. Did you see her  yesterday?

7. I bought  small for your birthday.

8. Penny can't find her keys .

9. They hid their money  here.

10. Hey, can I ask you  ?

11. I think  is trying to break in. Call 911!

12. My son didn't eat  until 5 o'clock.

13. We lost the car keys  . We need to call the tow-truck.

# No and Every Compound Forms

## Nobody (No one) - Nothing - Nowhere

Nobody (no one) - nothing and nowhere are negative words. We can't use any other negative word such as not / never in the same sentence.

There is nobody in the office.

There is nothing in the box.

We went nowhere yesterday.

## Everybody (Everyone) - Everything - Everywhere

Everybody (everyone) - everything and everywhere are singular words that we use both in affirmative, negative and interrogative sentences.

Everybody in the class was reading books.

We bought everything we needed for the dinner.

Mrs. Dennis looked everywhere, but she couldn't find her purse.

I studied very well. I know everything about this lesson.

# Between vs Among

## BETWEEN

**When we talk about just two entities, we use between.**

There is an armchair between the wardrobe and the bed in my room.

Look for the large wooden house between the oak trees.

**Note:**

We can also use between for more than two things, however, they should be clearly separate from each other.

When you follow the path, you will see a large house between the river, the woods and the village.

**Note:**

We can also use between for distance and intervals.

I'll be watching my favorite TV show tomorrow between seven and eight.

I need two inches between the fences in my garden.

## AMONG

**We use among when we talk about more than two entities or a group.**

The suspect disappeared among the crowd.

You don't need to worry now that you are among your friends.

I'm quite sure that I saw something moving among all those trees.

There are only a few successful students among all these teenagers at this school.

**Note:**

We can use both between and among when we talk about dividing or sharing something.

In Anatolia the eldest brother divides all the income among / between his other brothers.

If we want to finish our assignment on time, we should share the work between / among us.

**Note:**

We prefer between after the word 'difference'.

What's the biggest **difference between** country life and urban life?

**Note:**

Among can mean **one of / some of**.

There were two Americans among the first to reach the finish line.

# Ever & Never & Just & Already & Yet

We often use ever, never, just, already, and yet with the present perfect tense.

## Ever

We use **ever** in interrogative sentences:

- Have you ever been to the United States?
- Have you ever traveled by train?
- Have you ever failed a class?

## Never

We use **never** in affirmative sentences: but the meaning is negative.

- I have never cheated in an exam.
- My son has never been to Moscow.
- My brother have never gone to London.

We use **just** to express a recently completed action.

- The cat has just caught a bird.
- The guests have just arrived.
- I have just finished my homework.

## Already

We use **already** to express that something has happened sooner than expected.

- Don't forget to bring your book! Oh, I have already brought it.
- The boys are going to pack, aren't they? No. They have already packed.
- Is Adam going to buy a new car? No, he isn't. He has already bought it.

## Yet

We use **yet** in interrogative and negative sentences and it suggests a time later than expected.

- Have you done your homework? No, I haven't done it yet
- Has your father seen your report? No, he hasn't seen it yet
- Have the visitors arrived? No, they haven't arrived yet.

## Quick Exercise

Fill in the blanks using **ever, never, just, already and yet**.

- Have you  been in America?
- Do you hear the noise? The train has  arrived.
- No. Your cousin hasn't come to the party .
- Can you open the door? Oh, it is  open.
- Your daughter has  returned home. You don't have to worry anymore.
- Haven't you finished your food ? No, I am still eating mom.
- I am a very lucky person. I have  had nightmares.
- Are you going to meet me at the shop? Yes, I am  there.
- I have  realized how beautiful you are.

10. Would you like to have dinner with us? No thanks, I have had dinner.

# American vs British English

English language is used differently in United States and in England and in other English speaking countries. There are some differences between American and British English in vocabulary, spelling, pronunciation as well as a few grammatical differences.

## Grammatical Differences

Use of Present Perfect	
American English	British English
Prefer Simple Past Tense	Prefer Present Perfect Tense
They just arrived home.	They have just arrived home.
We just finished our meal.	We have just finished our meal.
<b>Perfect Tense "Have"</b>	<b>Perfect Tense "Have"</b>
They <b>have</b> most likely landed by now.	They most likely <b>have</b> landed by now.

Use of subjunctive. [It's Necessary/ essential / vital / urgent / imperative... that + (hidden should) + verb]	
American English	British English
It's essential that she be told the truth.	It's essential that she should be told the truth.
It's vital that you be taken to hospital.	It's vital that you should be taken to hospital.
It's important that Tom stop smoking.	It's important that Tom should stop smoking.

Asking for the person on the phone	
American English	British English
Hello, is this Jack?	Hello, is that Jack?

Use of look like /as If	
American English	British English

He looks **like** he is an expert.

He looks as **if / like** an expert.

# Would Rather vs Would Prefer

They both express preference. Though they have similar meanings, they are used in different ways. Look at the rules and examples below to understand the different usages of each.

## Would Rather

### When the person himself expresses a preference on something referring to the present or future:

Subject + would rather ('d rather) + base form of verb

I would rather (I'd rather) stay at home than go out right now.

### When referring to the past:

Subject + would rather ('d rather) + have + past participle form of verb

I would rather (I'd rather) have stayed at home than (have) gone out last night.

### When the person expresses a preference on someone else's actions referring to the present or future:

Subject + would rather ('d rather) + object + past tense **IMPORTANT** **IMPORTANT**

I would rather (I'd rather) you gave up smoking.

### When referring to the past:

Subject + would rather ('d rather) + object + past perfect

I would rather (I'd rather) you hadn't lied to me about your school marks yesterday.

## Would Prefer

### When the person himself expresses a preference on something referring to the present or future:

Subject + would prefer + to infinitive + verb

I would prefer ('d prefer) to watch TV rather than (to) do shopping.

### When referring to the past:

Subject + would prefer ('d prefer) to + have + past participle form of a verb

I would prefer (I'd prefer) to have been born somewhere else.

### When the person expresses a preference on someone else's actions referring to the present or future:

Subject + would prefer ('d prefer) + object + to infinitive + verb

I would prefer ('d prefer) my son to live with me rather than (to) live abroad.

**When referring to the past:**

Subject + would prefer ('d prefer) + object + to + have + past participle form of a verb

I would prefer your daughter to have accepted my apology rather than (to have) ignored me last night.

# Would Rather & Had Better

**Would rather** is used when there is a preference.

**After would rather, we use the infinitive without to.**

I would rather stay at home than go to a movie.  
It means..... (I prefer staying at home)

I would rather leave. (I would like to leave.)

## Contracted Would - I'd, He'd, She'd, We'd, You'd, They'd

She'd rather stay with me than go out with you.  
They'd rather play with the baby than change its diaper.

## Had Better

We use **had better** when we give advice to others. The meaning of had better is similar to should. Had better expresses advice and warning.

You had better watch your steps.  
She had better listen to you.  
It's getting late. I had better go.

## Contracted form of had better - I'd better, You'd better...

Notice that the contracted forms of had and would are the same and that I'd can be I had or I would so we need to look at the context to see what's meant to be said.

I'd rather lie than to hurt you. (I would)  
I'd better tell the truth. (I had better)

## More Examples

I would rather drive than go by bus.  
I would rather drink water than soda.  
I would rather quit smoking. (than pay for it)

I'd better leave before it gets dark.  
He had better quit smoking.  
You'd better tell me what happened. Now!

# Have or Have Got

## In Positive Forms:

There is no difference in their positive form. They both have meaning of "possession".

We've got a car.

We have a car.

Daniel has got two toys.

Daniel has two toys.

We use have got or have for ailments.

I've got a toothache.

I have a toothache.

## In questions and negative sentences they have different usages:

Have you got any cheese? I haven't got any cheese.

Have you any money? (not preferred) I haven't any money. (not preferred)

Do you have any cheese? I don't have any cheese.

## For past, we use had (usually without 'got')

I had dark blue eyes when I was a baby. (not I had got)

In past questions and negative sentences we normally use did / didn't

A: Did you have a roommate when you were in Sydney?

B: No, I didn't have a roommate.

## There are several combinations of the verb "to have" with nouns, noun phrases and adjectives.

### Have:

An argument	An interest in something
A bath / shower	A look
Breakfast / lunch / dinner	A meeting
A chance	A party
A cold	A plan
Difficulty	An operation
A drink	Patience
A feeling	Problems
An idea	Time
An impact	Trouble

These expressions are only used with have. (not with have got)  
I have a shower every morning. (have = "take" / ~~have got a shower~~)

# Will vs Shall

Though in traditional British English "shall" is used with the first person pronouns and "will" with the second and third person pronouns, in universal and American English "shall" is not preferred much.

With the subject pronouns "I and we" = shall

With the subject pronouns "you, he, she, it, they" = will

**For example:**

- I shall be there tomorrow morning.
- You will come with us.
- He will help us with our homework.
- We shall not (shan't) leave now.
- They will visit us next week.

## Shall in Questions

Different from the usage above, shall is used at the beginning of questions to make suggestions.

**For example:**

Shall we go to the movie theater?

Shall I eat your sandwich?

Shall we dance?

Shall we play golf?

## Shall vs Should in Questions

Shall we go now?

I kind of want to go and I am offering/suggesting you. Let's go?

Should we go now?

I am not sure, I am asking you if now is a good time to go.

# Clause / Phrase / Sentence

A clause is the smallest unit of English grammar and it is made up of a subject and a verb. To have clauses, we need phrases and with the combination of two or more clauses we get sentences. Let's have a sentence and narrow it down step by step.

## Sentence

A famous celebrity had an unfortunate accident a long time ago when he didn't use his safety equipment and injured his left arm severely. (sentence)

## Clauses in This Sentence

A famous celebrity had an unfortunate accident a long time ago (first clause)  
when he didn't use his safety equipment (second clause)  
and injured his left arm severely. (third clause)

There are two types of clauses:

### Dependent

For example: when he didn't use his safety equipment and injured his left arm severely. (second clause)

### Independent

For example: A famous celebrity had an unfortunate accident a long time ago (first clause)

## Phrases in the Sentence

A famous celebrity

Had

an unfortunate accident

a long time ago

when

he

didn't use

his safety equipment

and

injured

his left arm

severely.

# English Collocations **IMPORTANT**

## KUNGFU NOTES

Collocations là những từ kết hợp theo đúng phong cách bản ngữ. Hãy luôn dùng từ điển, ozdic.com và google.co.uk để tra và kiểm tra để làm giàu vốn collocations chuẩn thay vì đơn thuần lắp ghép từ vựng theo ngữ pháp thông thường.

A collocation is a group of words that go well together. There is no single rule showing us which words go well together, but we can just say that the collocations are determined by the virtue of those words sounding "right" together to native English speakers.

There are many types of collocations:

### Noun + noun

Security policy / target audience

### Noun + verb

Cats miaow / dogs bark

### Verb + noun

Achieve an objective/ support an argument

### Verb + adverb

Work effectively / vary considerably

### Adverb + adjective

Almost identical / virtually impossible

### Adjective + noun

Annual conference / technical assistance

### Related to time

Free time / right on time

### Related to business

Go bankrupt / make a profit

# Nominalization **IMPORTANT**

## KUNGFU NOTES

Bạn hãy đọc bài này để hiểu về một số cách biến đổi từ loại từ này sang loại từ khác. Hãy đọc và hiểu chứ đừng bắt mình phải ghi nhớ, đọc nhiều, nghe nhiều sẽ thành quen. Ngoài ra, đây chỉ là một số công thức chung, còn khi sử dụng thực tế, luôn luôn có ngoại lệ. Vì thế, hãy luôn sử dụng từ điển để kiểm tra lại.

Nominalization is briefly making nouns or noun phrases by adding affixes to words. This conversion is mostly from a verb or an adjective into a noun. In some cases, the original word's morpheme is preserved, however, in most cases there is a morphological change during the conversion.

Here is a list of common noun-forming suffixes

Suffix	Examples
-age	mile / mileage
-an	Africa / African
-ance	neglect / negligence
-tion / ion	invite / invitation
-cy	deficient / deficiency
-dom	free / freedom
-er / ar / or	visit / visitor
-hood	brother / brotherhood
-ist	active / activist
-ism	active / activism
-ity	able / ability
-ment	abolish / abolition
-ness	mad / madness
-ship	citizen / citizenship

-y	honest / honesty
----	------------------

**Note:**

It can also be used to form noun phrases from clauses.

**For example:**

Because people hunt tigers in large numbers they are facing the risk of extinction.

Because of people's hunting tigers in large numbers they are facing the risk of extinction.

**Note:**

As nominalization helps you avoid repetition, it makes the text more concise thereby making your writing more abstract and more formal.

**For example:**

House prices are rising rapidly. As a result, first time buyers are having difficulty buying a house.

Due to the rapid increase in house prices, first time buyers are having difficulty buying a house.

The second sentence contains a nominalized expression.

# Such As vs Like

**Such as** is inclusive whereas **like** implies comparison.

## Such As

I like the new animation movies **such as** *Ice Age* and *Rio*.

(I like *Ice Age* and *Rio*.)

I do like some science classes such as physics and math.

(Physics and math are included in the science classes that I like.)

## Like

**Like** (in this context) means similar to and is used for comparison.

I have been to cities **like** Los Angeles.

(I may have not been to Los Angeles but may be another city like it; a city that is as busy, as popular, etc.)

## More Examples

### Cannot use "like" in the following sentence.

I have been to some great cities in California **such as** Los Angeles and San Francisco.

(I have been to those two great cities in California.)

(It wouldn't make much sense to use "like" here since we are not comparing.)

### Cannot use "such as" in the following sentence.

*Captain America* was another superhero movie **like** *Spider-Man* and *Superman*.

(A movie that is similar to the other two)

(Cannot use "such as" since we are making a comparison.)

*Captain America* was another superhero movie **such as** *Spider-Man* and...

### Sentence below would be an appropriate "such as version":

They made some great superhero movies in the past **such as** *Captain America*, *Spider-Man* or *Superman*.

### In some cases "like" and "such as" can be used interchangeably.

(correct but with different meanings)

1. A man **like** Dr. Kimble will always be remembered.

(Men similar to Dr. Kimble; as successful, as popular or as extraordinary)

2. A man **such** as Dr. Kimble will always be remembered.

(This sentence puts emphasis particularly on Dr. Kimble.)

(Dr. Kimble will be remembered.)

# Common English Mistakes **IMPORTANT**

## Don't Say / Write These

1. Everybody are ready
2. Look - he comes
3. He is more faster than me
4. When I was a kid, I was swimming
5. The weather isn't enough warm
6. I have seen this movie yesterday
7. When you will arrive, call me
8. According to me
9. Don't do a mistake!
10. I am not believing this
11. I am born in San Francisco
12. I am thankful for what you've done
13. I haven't seen you since two years
14. I can to run fast
15. I must use the stairs yesterday
16. I studied hard for pass my exam
17. I don't want nothing
18. I am engineer
19. She is married with a teacher

## Say / Write These

- Everybody is ready
- Look - he is coming
- He is much faster than me
- When I was a kid, I swam / used to swim
- The weather isn't warm enough
- I saw this movie yesterday
- When you arrive, call me
- I believe / In my opinion
- Don't make a mistake
- I don't believe this
- I was born in San Francisco
- I am grateful for what you've done
- I haven't seen you for two years
- I can run fast
- I had to use the stairs yesterday
- I studied hard to pass my exam
- I don't want anything
- I am an engineer
- She is married to a teacher

20. I have got a new work	I have got a new job
21. The police is investigating the case	The police are investigating the case
22. A third of the people is...	A third of the people are
23. I feel myself good	I feel good
24. You must defend you	You must defend yourself
25. Jack is proud of him	Jack is proud of himself

## Pre-Determiners [three times | half | three fourths | such | rather]

**Pre-determiners** are modifiers of other determiners, nouns or articles; and they can be classified into three groups:

1. Multipliers
2. Fractions
3. Intensifiers

### **Multipliers**

Twice, double, three times, four times etc.

Examples:

I have called you **three times** today.  
We have gathered **four times** the amount needed for the charity trip.

### **Fractions**

One-third, two-thirds, three-fourths, half etc.

Examples:

I will leave in **half** an hour.  
They finished **three-fourths** of the bridge.

### **Intensifiers**

Such, what, rather, quite

Examples:

My wife is **such** a beautiful woman.

What a **lovely** day.

He is **rather** a mean man.

It's **quite** an expensive car.

# Using Context Clues

Try to use context clues to determine the meanings of unfamiliar words. That way you don't have to use dictionary and actually learn more efficiently.

## Stated Context Clues

Types	Clues	Examples
Punctuation	Commas ,,, Parenthesis () Dashes-- Brackets[]	The determination of physical characteristics like hair color is the result of <i>polygenic</i> (multiple gene) influence.  <i>Aspiration</i> -- the act of breathing -- was explained in the CPR course.
Definition	is, was, are, means, involves, is called, that is, i.e., which means, resembles	<i>Statistics</i> involves using math to make predictions. <i>Mitosis</i> , i.e., the equal division of chromosome material, is a necessary step in cell division.

## Bridging Context Clues

Types	Clues	Examples
Contrast	however, on the contrary, while, but, instead of, on the other hand, although, nevertheless, yet	Students often cram at the last minute; however, <i>spaced study</i> proves more effective.  ET was an <i>extraterrestrial</i> creature; on the other hand, the children with whom he lived were all from our planet.
Comparison	similarly, both, as well as, likewise	Many <i>atolls</i> can be found in the Pacific Ocean; similarly, other coral islands are found in the Caribbean Sea.  Both <i>spaghetti</i> and <i>tortellini</i> are common pasta dishes.
Example	such as, such, like, for example, e.g., other	<i>Unguents</i> , such as first aid cream, Cortaid, Vick-Salve, and Deep heat, are found in most homes.  <i>Psychosomatic</i> disorders, e.g., ulcers and tension headaches, are physical illnesses that result from psychological stress.

## Experiential Clues

These kinds of clues are more difficult to use than other clues. There are no specific visual clues to assist you, therefore, you must examine the entire situation and/or sentence and draw your conclusions based on what you already know. For example, in many crimes, there may be no physical evidence. Like an investigator, you rely on your experience and knowledge to determine the meaning of an unfamiliar word or phrase.

# Pronunciation

/-id/ or /-d/ or /-t/

/-iz/ or /-s/ or /-z/

/-st/ /-sk/ /tʃ/ /θ/ /ð/ /ʃ/